

PHẦN THỨ BA

NHỮNG PHẨM CHẤT ĐẠO ĐỨC TỐT ĐẸP CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM CẦN GIỮ GÌN, PHÁT TRIỂN TRONG THỜI KỲ CNH, HĐH ĐẤT NƯỚC

I. PHẨM CHẤT YÊU NƯỚC

1. QUAN NIỆM VỀ YÊU NƯỚC VÀ PHẨM CHẤT YÊU NƯỚC

1.1. Yêu nước và phẩm chất yêu nước

Yêu nước là tình cảm và tư tưởng phổ biến, vốn có của tất cả dân tộc trên thế giới. Tuy nhiên, sự hình thành chủ nghĩa yêu nước sớm hay muộn, mức độ đậm nhạt, nội dung và hình thức biểu hiện cũng như chiều hướng phát triển, có sự khác nhau, điều đó thường tùy thuộc vào từng dân tộc và trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Phẩm chất yêu nước là cơ sở, nền tảng hình thành chủ nghĩa yêu nước, là phạm trù có tính chất đánh giá mang tính đạo đức đối với chủ thể (cá nhân, cộng đồng) trước nghĩa vụ, trách nhiệm đất nước đặt ra.

Trong tư duy, tình cảm của người Việt Nam, khái niệm “yêu nước” có liên quan đến khái niệm “đất” và “nước”. Tư duy “nước” đi vào tâm thức người Việt Nam một cách tự nhiên (Trần Quốc Vượng). Các nhà nghiên cứu khẳng định rằng khác với nhiều dân tộc khác, “nước” là khái niệm thuần túy của người Việt có từ xa xưa, xuất phát từ địa lý tự nhiên vùng sông nước và từ điều kiện canh tác đặc thù của trồng lúa nước. Cùng với từ “đất”, từ “nước” và “đất nước” dần dần được dùng với nghĩa bóng quan trọng hơn, là để chỉ vùng đất, khu vực thuộc về một cộng đồng sinh sống, cư trú, làm chủ. Đất nước, hay Tổ quốc, Quốc gia... đều mang hàm nghĩa chung như vậy.

Tuy nhiên, mối quan hệ giữa “nước” và “nhà” trong khái niệm “quốc gia” còn tùy thuộc vào truyền thống mỗi dân tộc (văn hóa Trung Hoa truyền thống đề cao gia đình, dòng họ, thậm chí “gia” nhiều khi cao hơn “quốc”). “Nước” hay “Đất nước” là cách gọi thuần Việt, mang tính cộng cảm, nằm trong cơ tầng sâu sắc của văn hóa Việt Nam, thăng hoa trong tâm thức thành “Tổ quốc”; còn “Quốc gia” (Nhà nước) là cách gọi theo từ Hán Việt-mang ý nghĩa như một khái niệm chính trị nhiều hơn.

Phẩm chất yêu nước trong quan niệm của người Việt được hình thành trên cơ sở nhận thức những mối quan hệ mật thiết:

- Về phương diện thiên nhiên, địa lý: nước chỉ non sông, giang sơn gấm vóc, chỉ lãnh thổ với biên giới, cương vực rạch ròi, chỉ *đất nước*.

- Nước chỉ cộng đồng người: những tộc người sống trên đó và quan hệ giữa họ với nhau, chỉ *dân tộc* và sự đoàn kết giữa các dân tộc. *Dân tộc*, *nhân dân*, hay *đồng bào* (như người Việt Nam quan niệm), là những con người nắm chủ quyền trên lãnh thổ của mình.

- Từ con người - hình thành nên gia đình, xã hội với thiết chế chính trị, kinh tế, bởi vậy, nước còn bao gồm cả *làng xã*, *quê hương*, *quốc gia*, *tổ quốc*, các tầng lớp, giai cấp với những chế độ chính trị xã hội nhất định trong từng thời kỳ lịch sử.

- Nước còn bao gồm cả những phong tục, tập quán, ngôn ngữ, truyền thống, lịch sử ... đó chính là *văn hóa* ²⁷.

1.2. Nội dung phẩm chất yêu nước

Xuất phát từ quan niệm đất nước, tổ quốc trong phẩm chất yêu nước Việt Nam bao gồm tổng hòa của những yếu tố: đất nước, dân tộc, con người, nhân dân, đồng bào, quê hương, tổ quốc, văn hóa (ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lịch sử truyền thống)...., nên yêu nước tức là yêu tất cả những cái nói trên trong một thể thống nhất.

- Phẩm chất yêu nước xuất phát và gắn với ý thức cộng đồng. Ý thức cộng đồng của người Việt Nam được hình thành khá sớm do điều kiện phải đoàn kết để chống thiên tai và địch họa (tổng cộng người Việt Nam có hơn 12 thế kỷ chống giặc ngoại xâm). Ý thức cộng đồng dần dần được nở trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, sùng bái những người có công với đất nước (chống giặc ngoại xâm, truyền nghề); được vun đắp thành giá trị thần trong huyền sử cội nguồn *Con Rồng cháu Tiên*. Yêu nước gắn liền với thương nòi, là biểu hiện của tình cảm yêu thương của những con người cùng chung một cội.

- Phẩm chất yêu nước có nội dung cụ thể: yêu quê hương, đất nước, tổ quốc mình; yêu con người, dân tộc, nhân dân, đồng bào mình; yêu thuần phong, mỹ tục cùng những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Yêu nước ở Việt Nam gắn liền với thương nòi. Yêu nước vừa là cảm tính vừa là lý tính. Yêu nước là tình cảm về quê hương, đất nước, đồng bào mình, tình cảm đó xuất phát từ sự hiểu biết của lý trí. Yêu nước không chỉ thể hiện ở tình cảm, mà còn bằng hành động (có khi hy sinh cả tính mạng) để bảo vệ đất nước, bảo giống nòi, phát huy, phát triển tình yêu nước lên một tầm cao mới, bảo vệ độc lập dân tộc trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Phẩm chất yêu nước của người phụ nữ Việt Nam hiện đại là kết quả của quá trình kế thừa và phát huy, sáng tạo các giá trị yêu nước trong những điều kiện lịch sử mới.

2. Phẩm chất yêu nước của phụ nữ Việt Nam hiện thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước

Trong bối cảnh mới của lịch sử đất nước, người phụ nữ Việt Nam đang đứng trước những thời cơ và thách thức mới. Phẩm chất yêu nước của phụ nữ Việt Nam được xác định trên cơ sở vai trò và nhiệm vụ mới: người phụ nữ Việt Nam phải là người lao động sáng tạo của thế kỷ khoa học tiên tiến và là người công dân tích cực, chủ động trong các hoạt động xã hội, làm tròn chức năng nuôi dạy thế hệ trẻ, chủ nhân đích thực của thế kỷ XXI.

Trong truyền thống, người phụ nữ yêu nước là yêu non sông, đất nước, yêu dân tộc, yêu con người, nhân dân, đồng bào, yêu quê hương, quốc gia, Tổ quốc, bảo tồn, củng cố, phát huy, phát triển bản sắc văn hóa dân tộc... Ngày nay, phẩm chất yêu nước không chỉ là những biểu hiện có tính chất cảm tính, mà yêu nước phải phát triển lên một trình độ mới, chất lượng mới, vươn tới trình độ lý tính. Phẩm chất yêu nước của người phụ nữ Việt Nam hiện đại bao gồm những nội dung sau:

²⁷ Đề tài khoa học cấp Bộ “*Sự kế thừa và phát triển những tinh hoa của chủ nghĩa yêu nước truyền thống ở Hồ Chí Minh. Sự vận dụng của Người trong công cuộc giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước*”, PGS. Nguyễn Hùng Hậu chủ nhiệm, 2005, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Yêu nước là yêu dân tộc, yêu nhân nhân dân, cộng đồng;
- Yêu nước gắn với yêu chủ nghĩa xã hội, hướng đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”;
- Yêu nước phải sáng tạo, có ý chí vươn lên vượt khó, làm giàu cho đất nước;
- Yêu nước là phát huy lòng tự hào, tự tôn dân tộc trong thời đại mới;
- Yêu nước phải nâng cao tinh thần tự hào dân tộc, giữ gìn phát triển văn hóa dân tộc;
- Yêu nước là làm bạn với nhân dân thế giới, vì lợi ích của nhân loại;
- Yêu nước, hơn ai hết, người phụ nữ tích cực tham gia thực hiện bình đẳng giới.

Tất cả những phẩm chất yêu nước đó không tách rời nhau mà có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ thành một khối thống nhất, trong đó có sự hài hòa giữa lý trí và cảm tính, tư tưởng và tình cảm, suy nghĩ và hành động, nói và làm. Sau đây là những nội dung cụ thể phẩm chất yêu nước của người phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới.

2.1. Yêu nước là phát huy tình yêu đối với dân tộc, nhân dân, yêu thương con người

Tình yêu dân tộc mình, nhân dân mình và yêu những con người xung quanh mình là tình yêu được bắt nguồn từ truyền thống “*Nhiều điều phủ lấy giá gương, Người trong một trong một nước phải thương nhau cùng*”; “*Bầu ơi thương lấy bí cùng, Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn*”; “*Lá lành đùm lá rách*”; “*Chị ngã em nâng*”.... Tình yêu thương đó đã gắn kết dân tộc ta trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định thương yêu con người, sống có tình nghĩa là phẩm chất, đạo đức quan trọng của con người Việt Nam. Người nói, tình yêu thương đó là một tình cảm rộng lớn, trước hết dành cho những người nghèo khổ, những người bị áp bức, bị bóc lột không phân biệt nòi giống, dân tộc. Người cho rằng nếu không có tình yêu thương như vậy thì không thể nói đến cách mạng, càng không thể nói đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Tình thương yêu con người phải được thể hiện trong cuộc sống hàng ngày đối với nhân dân, đối với đồng chí, bè bạn, anh em.

Người phụ nữ yêu nước trong thời đại ngày nay là người phải biết phát huy truyền thống yêu thương gắn bó giữa bản thân mình với gia đình và Tổ quốc. Tinh thần yêu nước của con người Việt Nam nói chung và phụ nữ Việt Nam hôm nay nói riêng là phải ra sức đóng góp vào việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: đẩy mạnh sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, chủ quyền dân tộc. Yêu thương nhân dân, yêu thương con người đòi hỏi người phụ nữ quan tâm đến đời sống cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho toàn xã hội, quan tâm giúp nhau làm giàu, quan tâm tới việc xóa đói giảm nghèo, quan tâm đến những người có hoàn cảnh khó khăn trong xã hội. Người phụ nữ trong giai đoạn hiện nay cần phải cố gắng khắc phục tính ích kỷ, vụ lợi chỉ biết vun vén cho cá nhân và gia đình mình, dẫn đến sự đối lập lợi ích các nhân, gia đình với lợi ích cộng đồng và xã hội-căn bệnh thường diễn ra trong cơ chế thị trường. Đây là một trong những phẩm chất yêu nước quan trọng của người phụ nữ hiện đại.

2.2. Yêu nước gắn với yêu chủ nghĩa xã hội, hướng đến mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”

Phẩm chất yêu nước của người phụ nữ trong giai đoạn cách mạng hiện nay phải được thể hiện trong vai trò người chủ đất nước, phát huy hết nội lực thi đua yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tham gia những phong trào cách mạng sáng tạo, thực hiện tốt mục tiêu mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Những hoạt động của người phụ nữ nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng về phát triển đất nước. Trước hết, người phụ nữ phải góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH và mở rộng hội nhập kinh tế để đưa nước ta vượt qua mọi khó khăn từng bước tiến lên CNXH một cách vững chắc, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp hiện đại.

Phẩm chất yêu nước của phụ nữ phải được thể hiện cụ thể trong phong trào thi đua học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong phát triển kinh tế và trong xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói về vai trò của phụ nữ: “Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ”. Yêu nước trong bối cảnh hiện nay đặc biệt phải gắn liền với độc lập tự chủ và ý chí tự cường dân tộc. Độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập về kinh tế có hiệu quả. Ngược lại, đó là cơ sở cần thiết để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Chính vì vậy, để xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc, chúng ta không thể trông chờ vào sự giúp đỡ, hay ỷ lại vào bất cứ ai. Người phụ nữ yêu nước là người biết đem hết tinh thần và nghị lực, sức mạnh, tài năng cùng cộng đồng dân tộc để bảo vệ độc lập dân tộc, gắn độc lập dân tộc với CNXH, giữ vững định hướng XHCN trong quá trình phát triển đất nước, góp phần đoàn kết dân tộc thành một khối thống nhất, cùng nhau xây dựng đất nước giàu mạnh.

2.3. Yêu nước là phải làm giàu cho đất nước, cho gia đình và bản thân

Nhiệm vụ trọng tâm của nhân dân ta trong giai đoạn 2011-2020 là CNH, HĐH đất nước, nhanh chóng đưa nước ta thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhân dân ta có đời sống ấm no, hạnh phúc là nguyện vọng ngàn đời của cha ông ta và của chúng ta hôm nay. Đó cũng là hoài bão mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ lâu hướng tới: Nước độc lập, dân phải được hưởng hạnh phúc, tự do.

Trước đây, khi đất nước bị kẻ ngoại xâm thống trị thì yêu nước là đấu tranh giành lại độc lập dân tộc. Ngày nay, khi đất nước đã sạch bóng kẻ thù thì yêu nước không chỉ là bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc mà còn phải xây dựng đất nước giàu mạnh. Đất nước giàu mạnh mới có thể giữ vững nền độc lập và nhân dân mới được hạnh phúc, tự do. Vì vậy, phẩm chất yêu nước trong thời đại ngày nay là phải làm giàu cho đất nước, cho gia đình và cho bản thân.

Chúng ta thực hiện mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh trong đó bao hàm cả sự giàu có của mỗi gia đình và của mỗi con người về đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc nằm trong mục tiêu chung của đất nước. Vì vậy, yêu nước là làm giàu cho đất nước, gắn liền với làm giàu cho gia đình và cho chính bản thân mỗi người phụ nữ.

Người phụ nữ trong thời đại ngày nay cần ý thức rõ được sự chuyển đổi nội dung phẩm chất yêu nước mới trước yêu cầu mới của thời đại, của đất nước đặt ra. Đồng thời cũng nhận rõ mối quan hệ giữa việc làm giàu cho đất nước, cho gia đình và cho bản thân mình. Làm giàu cho đất nước là nền tảng cho sự làm giàu của mỗi gia đình, ngược lại, sự giàu có của mỗi gia đình đóng góp vào sự thịnh vượng của đất nước. Đất nước thịnh vượng, gia đình giàu có tạo tiền đề cho cuộc sống tốt đẹp của mỗi con người. Đó cũng là niềm khao khát của những người nữ chủ nhân của đất nước, của mỗi gia đình.

2.4. Yêu nước là nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc trong thời đại mới

Từ trong sâu thẳm lòng yêu nước của người phụ nữ Việt Nam, là niềm tự hào về giang sơn, về truyền thống lịch sử vẻ vang, về nền văn hóa dân tộc. Lòng tự hào, tự tôn dân tộc không chỉ biểu hiện ở lòng căm thù giặc khi Tổ quốc bị xâm lăng, trong hòa bình xây dựng đất nước, cần thấy được nỗi nhục của sự nghèo nàn, tụt hậu so với các quốc gia khác. Niềm tự hào về đất nước là cơ sở tạo nên lòng tự tôn dân tộc, tính tự trọng công dân của người phụ nữ trong giai đoạn mới. Người phụ nữ yêu nước phải phấn đấu góp phần làm cho đất nước giàu đẹp.

Người phụ nữ yêu nước cần nêu cao lòng tự hào về văn hóa dân tộc, giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc trước bạn bè quốc tế. Không chỉ quảng bá hình ảnh dân tộc với bạn bè quốc tế, mà còn phải phê phán những hiện tượng quay lưng lại với giá trị văn hóa, truyền thống dân tộc. Không chỉ phê phán những kẻ làm xấu đi thuần phong, mỹ tục của dân tộc, của phụ nữ Việt Nam và hiện tượng bắt chước văn hóa nước ngoài một cách nô lệ; mà còn phải biết tiếp thu có chọn lọc những giá trị mới tốt đẹp từ bên ngoài để làm đẹp cho văn dân tộc trong giai đoạn mới.

Thực tế hiện nay, có hiện tượng chị em phụ nữ, đặc biệt là giới trẻ đã chạy theo lối sống thực dụng, buông thả...do ảnh hưởng từ văn hóa bên ngoài. Trong đó có một số chị em vì tiền, đã biến quan hệ hôn nhân, thân xác của mình thành “hàng hóa”, nô lệ tình dục, nhất là với người nước ngoài. Điều đó đã làm xấu đi phẩm giá của người phụ nữ Việt Nam. Vì vậy xã hội, gia đình và chính bản thân người phụ nữ phải nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc tìm cách khắc phục những hiện tượng tiêu cực nói trên.

2.5. Yêu nước là góp phần xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc

Người phụ nữ mới Việt Nam phải có sự phát triển về thể lực, trí lực và tình cảm, có lý tưởng và nhiệt tình cách mạng, trung thành với sự nghiệp đổi mới, có kỹ năng lao động và sáng tạo, có ý chí và bản lĩnh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế, phấn đấu vì xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Các phẩm chất cơ bản của người phụ nữ Việt Nam mới cần xây dựng là con người công dân, con người khoa học và con người nhân văn. Đề cao việc xây dựng ý thức công dân, tinh thần tôn trọng và làm theo Hiến pháp và pháp luật; nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật và công nghệ; đề cao các giá trị nhân văn, hướng tới cái đúng, cái tốt và cái đẹp trong hoạt động thực tiễn của mình.

Người phụ nữ yêu nước phải góp phần xây dựng đời sống văn hóa và môi trường văn hóa thông qua đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước và cuộc vận động toàn dân

đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Đẩy mạnh việc xây dựng môi trường văn hóa trong tổ chức đảng và cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị xã hội, trong các doanh nghiệp, trong gia đình và trong cộng đồng dân cư. Xây dựng nếp sống văn minh trong xã hội, nhất là nơi công cộng. Người phụ nữ phải phát huy vai trò to lớn của mình trong xây dựng văn hóa gia đình, tạo môi trường tốt để giáo dục thế hệ công dân mới. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XI đã nhấn mạnh: “Đưa phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả; xây dựng nếp sống văn hóa trong các gia đình (...) sớm có chiến lược quốc gia về xây dựng gia đình Việt Nam, góp phần giữ gìn và phát triển những giá trị truyền thống của văn hóa, con người Việt Nam, nuôi dưỡng giáo dục thế hệ trẻ”²⁸.

2.6. Yêu nước là làm bạn với nhân dân thế giới, vì lợi ích của nhân loại

Coi trọng tình cảm đối với cộng đồng quốc tế là truyền thống của người Việt Nam. Trong giai đoạn cách mạng, tình cảm ấy được nâng lên thành tinh thần quốc tế vô sản, đã trở thành phẩm chất, yêu cầu đạo đức của mỗi người Việt Nam trong mối quan hệ rộng lớn, vượt qua phạm vi quốc gia, dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đặt nền móng cho tinh thần đoàn kết của dân tộc ta với nhân dân thế giới, đã nhấn mạnh: Chủ nghĩa quốc tế là một trong những phẩm chất, đạo đức quan trọng của đạo đức công sản chủ nghĩa. Chủ nghĩa quốc tế bắt nguồn từ bản chất của giai cấp công nhân. Đó là sự hiểu biết, tôn trọng, đoàn kết với nhân dân tiến bộ trên thế giới, chống lại mọi chia rẽ thù hằn, bất bình đẳng, phân biệt chủng tộc, bá quyền. Giúp bạn, chính là giúp mình. Đoàn kết quốc tế là nhằm thực hiện mục tiêu lớn của thời đại là hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ.

Trong giai đoạn mở cửa đổi mới hiện nay, nước ta chủ trương làm bạn với các nước trên thế giới, mở rộng hợp tác, đầu tư để phát triển. Do vậy, chúng ta không chỉ vì lợi ích của mình mà còn phải quan tâm đến lợi ích của các quốc gia, dân tộc khác. Vì lợi ích của người khác cũng chính là vì lợi ích của mình. Độc lập, tự chủ không có nghĩa là “đứng một mình” (Hồ Chí Minh). Chúng ta phải tham gia vào nhiều công việc mà nhân loại cần giải quyết hiện nay. Đó là việc bảo vệ hòa bình thế giới, chống đói nghèo, chống ô nhiễm môi trường, khắc phục thiên tai dịch bệnh... Đây là một nội dung mới của phẩm chất yêu nước và cũng là sự phát triển lên tầm cao mới của chủ nghĩa yêu nước trong thời đại toàn cầu hóa.

2.7. Yêu nước là phát huy vai trò của giới (phụ nữ)

Đất nước đang bước vào thế kỷ mới với những thời cơ và thách thức mới. Trong bối cảnh đó, phẩm chất yêu nước của người phụ nữ Việt Nam phải được thể hiện ở sự nhận thức về vai trò của chính mình trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Trước hết, người phụ nữ Việt Nam cần chủ động trong việc khẳng định vai trò, vị thế, quyền lợi và trách nhiệm của mình trước yêu cầu mới của đất nước. Trong đó quan trọng nhất là nhận thức về “*Sự tiến bộ của phụ nữ gắn liền với sự phát triển của đất nước*”. Phẩm chất yêu nước, ý chí vươn lên của người phụ nữ phải được phát huy với cả

²⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI, Nxb CTQG, H, 2010, Tr. 223.

ba tư cách: là người chủ nhân nữ, là người công dân nữ (đối với đất nước), và là người mẹ, người vợ (đồng làm chủ trong gia đình).

Phụ nữ Việt Nam đang sống trong một thời đại mà vấn đề bình đẳng giới được đưa vào chính sách, chiến lược phát triển của quốc gia.

Vấn đề giới liên quan đến khả năng sáng tạo của chủ thể cả trên phương diện nhận thức, giá trị, và cả hoạt động thực tiễn, nên chị em phải nhận thức được về bản chất của giá trị bình đẳng giới nhằm phát huy nguồn lực con người trong quá trình phát triển, vừa là giá trị của phát triển toàn diện con người. Từ nhận thức đó, sự tham gia của chị em phụ nữ vào các lĩnh vực của đời sống xã hội là thể hiện sự bình đẳng giới (lĩnh vực chính trị, lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực lao động và việc làm, lĩnh vực giáo dục- đào tạo, lĩnh vực y tế, lĩnh vực gia đình...). Để tham gia thực hiện bình đẳng giới, chị em không những phải thay đổi về mặt nhận thức, mà bản thân mình cũng phải khắc phục tâm lý tự ti, mặc cảm. Tự tin, cố gắng vươn lên với tinh thần tự khẳng định địa vị của PN sẽ giúp chị em có thể đóng góp nhiều nhất trong khả năng của mình cho xã hội, cho tương lai.

Tham gia thực hiện bình đẳng giới là một nét mới của phẩm chất yêu nước của phụ nữ trong thời đại mới, khẳng định trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước phát triển vì mục tiêu xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

3. CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHẨM CHẤT YÊU NƯỚC CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Tăng cường giáo dục truyền thống yêu nước của dân tộc và truyền thống yêu nước của phụ nữ Việt Nam

Các biện pháp giáo dục chủ nghĩa yêu nước truyền thống có thể tiến hành thông qua các hoạt động kỷ niệm, hoạt động giáo dục, hoạt động truyền thông, hoạt động thi đua...tạo nên những đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong cán bộ, hội viên và các tầng lớp phụ nữ.

Các hoạt động trên nhằm ôn lại chặng đường vẻ vang của dân tộc, của Đảng và truyền thống của phụ nữ Việt Nam; phát huy hơn nữa lòng yêu nước, yêu CNXH, củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân nói chung và phụ nữ nói riêng vào đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, các hoạt động này cũng gắn với việc tuyên truyền những thành tựu của đất nước qua 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (1991 - 2011) và thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI. Lịch sử dân tộc đã ghi nhận vai trò tích cực, khả năng và những cống hiến to lớn của phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Những phẩm chất yêu nước của phụ nữ Việt Nam cần được phát huy để xây dựng đất nước trong điều kiện mới.

3.2. Tích cực chuyển đổi, bổ sung nội dung mới trong phẩm chất yêu nước

Trong mỗi thời đại khác nhau, môi trường kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá có sự thay đổi khác nhau, cho nên phẩm chất yêu nước của dân tộc nói chung, của phụ nữ nói riêng có sự chuyển đổi nội dung. Nếu trước đây yêu nước là đấu tranh dành lại độc lập cho dân tộc với ý chí “không có gì quý hơn độc lập, tự do” thì ngày nay yêu nước là bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, xây dựng đất nước giàu mạnh. Nếu trước đây phẩm

chất hàng đầu của người phụ nữ Việt Nam là “anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” thì ngày nay tiêu chí phấn đấu của phụ nữ là: “Có lòng yêu nước, có sức khỏe, có tri thức, có kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu”. Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cần hướng đến sự hình thành, phát triển các phẩm chất đó (phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc, phụ nữ giúp nhau làm giàu, thực hiện bình đẳng giới...), đồng thời xóa bỏ những quan niệm bảo thủ lạc hậu, hạn hẹp của xã hội cũ đối với người phụ nữ.

3.3. Tiếp nhận những phẩm chất yêu nước chân chính của các dân tộc trên thế giới

Chủ động giao lưu, hợp tác quốc tế là một yêu cầu tất yếu để xây dựng và phát triển văn hoá, phát triển những phẩm chất yêu nước của con người Việt Nam hiện đại. Chúng ta cần tìm hiểu, nghiên cứu những phẩm chất tốt đẹp, tiến bộ và nhân văn của các dân tộc khác. Qua đó, tiếp thu có chọn lọc các giá trị yêu nước, học tập những kinh nghiệm tốt về giáo dục phẩm chất yêu nước chân chính của các dân tộc trên thế giới. Đồng thời, chúng ta phải làm tốt việc giới thiệu văn hóa, phẩm chất yêu nước của con người Việt Nam, của phụ nữ Việt Nam với thế giới.

Tăng cường tuyên truyền về hoạt động quốc tế của các cấp hội phụ nữ, đặc biệt về tình đoàn kết hữu nghị, mối quan hệ hợp tác giữa phụ nữ Việt Nam với phụ nữ các nước trong khối ASEAN, trong khu vực châu Á và phụ nữ trên thế giới. Mở rộng giao lưu văn hoá, tiếp thu tinh hoa phẩm chất yêu nước của nhân loại phải gắn liền với việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phẩm chất yêu nước của dân tộc, phát triển phẩm chất yêu nước Việt Nam lên tầm cao mới để góp phần bảo vệ, gìn giữ và làm phong phú cho nền văn hóa nhân loại.

3.4. Tôn vinh những tấm gương yêu nước của phụ nữ

Giáo dục phẩm chất yêu nước của phụ nữ VN thông qua thể hiện sự tri ân đối với các thế hệ phụ nữ, các thế hệ cán bộ Hội. Tuyên truyền các gương tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội và trong cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”. Nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phong trào PN nhằm tôn vinh và khuyến khích chị em phát huy hơn nữa tài năng của mình để đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đồng thời khẳng định vai trò và vị thế của tổ chức Hội cũng như của phụ nữ trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

3.5. Gắn kết lợi ích của độc lập dân tộc, công nghiệp hóa, hiện đại hóa với lợi ích và sự tiến bộ của phụ nữ

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Nước độc lập dân phải được hưởng hạnh phúc, tự do, nếu không thì độc lập, tự do không có ý nghĩa gì”. Muốn phát huy, phát triển phẩm chất yêu nước của phụ nữ Việt Nam trong thời đại CNH, HĐH chúng ta cần gắn lợi ích của dân tộc (độc lập) với lợi ích của nhân dân nói chung và của phụ nữ nói riêng. Tức là phải quan tâm đến sự phát triển đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ. CNH, HĐH phải nâng cao đời sống và sự công bằng, tiến bộ cho toàn xã hội, trong đó có PN, khắc phục mặt trái của CNH, HĐH, của cơ chế thị trường và các biểu hiện tiêu cực hiện nay (tham nhũng, lãng phí, mất dân chủ, bất bình đẳng nam nữ...). Có như vậy chúng ta mới làm cho phẩm chất yêu nước tiềm ẩn trong mỗi con người Việt Nam, phụ nữ Việt Nam

bộc lộ ra đời sống hàng ngày, trong lao động, công tác, chiến đấu, học tập... Từ đó nâng cao tình thần yêu nước lên một trình độ mới, góp phần thực hiện CNH, HĐH đất nước.

3.6. Giáo dục ý thức về bình đẳng giới

Hạn chế sự tiến bộ và phát triển của phụ nữ chính là lực cản sự tiến lên của xã hội. Để phát triển đất nước, phải phát huy được sức mạnh của chủ thể nam và nữ trong các hoạt động. Để người phụ nữ phát huy được phẩm chất yêu nước trên phương diện tham gia thực hiện bình đẳng giới, trong công tác giáo dục cần chú ý:

- Giáo dục nhằm khắc phục hạn chế nhận thức về giới và sự “mù giới”, khai thác giáo dục các giá trị bình đẳng giới trong văn hoá truyền thống, nghiên cứu bổ sung nội dung giá trị bình đẳng giới trong giai đoạn phát triển nền kinh tế tri thức, để xây dựng nội dung trong giáo dục chủ nghĩa yêu nước đối với chị em.

- Các chính sách phát triển kinh tế-xã hội của Nhà nước phải bảo đảm được sự gắn kết giữa phát triển văn hoá (trong đó có bình đẳng giới) và phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng và phát triển con người toàn diện. Tham gia thực hiện bình đẳng giới là nội dung quan trọng của giáo dục phẩm chất yêu nước đối với phụ nữ Việt Nam.

- Góp phần hoàn thiện lý luận về giới và mở rộng sự tham gia của giới và phát triển vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, gắn lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu giới từ góc độ giá trị: là một trong những cơ sở để các dự án, chương trình phát triển ở mọi lĩnh vực, bộ, ngành, địa phương trong cả nước, triển khai theo xu thế chủ đạo giới (lồng ghép giới). Đây cũng chính là góp phần thực hiện quan điểm của Đảng: làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, gắn kết giữa phát triển văn hoá và phát triển kinh tế-xã hội.

Giáo dục chủ nghĩa yêu nước trong giai đoạn mới, xét cho cùng là nhằm xây dựng con người VN thấm sâu chủ nghĩa yêu nước VN. Yêu nước của con người Việt Nam, của phụ nữ Việt Nam hôm nay được biểu hiện ở lòng tự hào, tự tôn, tự trọng dân tộc sâu sắc; có hoài bão, khát vọng, ý chí thực hiện "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", vững bước đi lên CNXH; sẵn sàng làm mọi việc vì dân, vì nước, đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu. Yêu nước gắn liền với CNXH. Cùng với việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ giáo dục chủ nghĩa yêu nước, phải xây dựng môi trường văn hoá trong giáo dục chủ nghĩa yêu nước. Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội phải phát huy được vai trò của mình trong việc giáo dục thường xuyên chủ nghĩa yêu nước và CNXH cho các thế hệ người Việt Nam.

II. Ý THỨC TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

1. QUAN NIỆM VỀ Ý THỨC TRÁCH NHIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

1.1. Quan niệm về ý thức trách nhiệm

Thuật ngữ “ý thức trách nhiệm” được tạo nên bởi hai khái niệm “ý thức” và “trách nhiệm”, để hiểu rõ nội hàm thuật ngữ này cần làm rõ nghĩa của khái niệm “ý thức” và “trách nhiệm”.

1.1.1. Khái niệm ý thức

Theo từ điển Tiếng Việt, khái niệm “ý thức” có hai nghĩa: nghĩa danh từ và nghĩa động từ.

- Nghĩa danh từ của khái niệm “ý thức” là: khả năng phản ánh và tái hiện hiện thực vào trong tư duy; cái người ta nhận biết được trong tư duy. Chẳng hạn, vật chất và ý thức là hai phạm trù cơ bản của triết học; giáo dục ý thức LĐ, nâng cao ý thức kỷ luật...

- Nghĩa động từ của khái niệm “ý thức” là: Hoạt động nhận thức, hành vi nhận thức. Chẳng hạn, chị ấy ý thức được công việc mình đang làm; anh ta đã ý thức được công lao của vợ mình...

Ở chuyên đề này, chúng tôi dùng nghĩa động từ của khái niệm ý thức, đề cập đến việc người phụ nữ Việt Nam hiện nay nhận thức được trách nhiệm của mình đối với gia đình và xã hội.

1.1.2. Khái niệm trách nhiệm

Khái niệm “trách nhiệm” được cấu tạo bởi hai từ “trách” và “nhiệm”

- Trách là phận sự phải làm
- Nhiệm (nhận) là gánh vác công việc phải làm.

Do vậy, nghĩa của khái niệm “trách nhiệm” là gánh vác công việc, nhiệm vụ, chức năng phải làm hoặc được giao phó, phải hoàn thành công việc, nhiệm vụ, chức năng đó (nếu không hoàn thành thì phải chịu hậu quả - chịu trách nhiệm).

1.1.3. Thuật ngữ ý thức trách nhiệm

Từ nghĩa của hai khái niệm “ý thức” và “trách nhiệm” như trên có thể hiểu nội dung của thuật ngữ “ý thức trách nhiệm” là nhận thức được công việc, nhiệm vụ, chức năng của mình phải làm và phải hoàn thành tốt công việc, nhiệm vụ, chức năng đó.

Ý thức trách nhiệm của người phụ nữ đối với gia đình và xã hội chính là phải nhận thức được vai trò, nhiệm vụ, chức năng của mình đối với gia đình và xã hội, phải làm tốt vai trò, nhiệm vụ, chức năng đó.

1.2. Vai trò của ý thức trách nhiệm của người phụ nữ Việt Nam đối với gia đình và xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Vai trò của ý thức trách nhiệm của người phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước được đặt ra vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính hiện đại, có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với gia đình và xã hội và đối với chính người phụ nữ. Ý thức trách nhiệm của người phụ nữ đối với gia đình và xã hội hiện nay vừa là niềm hạnh phúc, vừa là niềm tự hào vừa là một thách thức và cả sức ép đối với phụ nữ.

1.2.1. Ý thức trách nhiệm đối với gia đình

Việc xây dựng gia đình tiến bộ, no ấm, hòa thuận và hạnh phúc là một yêu cầu to lớn của mỗi gia đình, mỗi con người và cả xã hội ở nước ta hiện nay trong quá trình CNH, HĐH đất nước. Đảng Cộng sản Việt Nam quan niệm gia đình là “tế bào” của xã hội, gia đình lành mạnh thì xã hội lành mạnh và phát triển bền vững. Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XI đã đặt ra nhiệm vụ: “Sớm có chiến lược quốc gia về xây

dựng gia đình Việt Nam, góp phần giữ gìn và phát triển những giá trị truyền thống của văn hóa, của con người Việt Nam, nuôi dưỡng giáo dục thế hệ trẻ”²⁹. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Gia đình là hạt nhân” của xã hội, “muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải xây dựng hạt nhân cho tốt”. Nhìn từ chiều sâu đạo đức, tinh thần thì gia đình đúng là hạt nhân của xã hội. Do vậy, ý thức trách nhiệm đối với gia đình là nhận thức được nhiệm vụ, chức năng của mỗi người trong việc xây dựng gia đình của mình theo tiêu chí tiến bộ, no ấm, hòa thuận và hạnh phúc. Ý thức trách nhiệm với gia đình đặt ra đối với toàn xã hội, đối với mọi thành viên của mỗi gia đình, trong đó đối với người phụ nữ (người mẹ, người vợ, người con) có ý nghĩa vô cùng to lớn. Bởi người phụ nữ trong gia đình là người đồng làm chủ gia đình, người có thiên chức làm vợ, làm mẹ giữ vai trò mang tính quyết định trong cuộc sống và hạnh phúc của gia đình.

Ý thức trách nhiệm đối với gia đình của người phụ nữ cũng đồng thời là ý thức trách nhiệm đối với chính cuộc sống và hạnh phúc của người phụ nữ.

Ý thức trách nhiệm đối với gia đình của người phụ nữ thể hiện quyền bình đẳng của người phụ nữ trong gia đình, xác nhận địa vị của phụ nữ và cả phẩm giá của người phụ nữ đối với gia đình và xã hội.

Ý thức trách nhiệm đối với gia đình trong thời kỳ CHN, HĐH giúp cho người phụ nữ phát huy truyền thống đảm đang vốn có của người phụ nữ Việt Nam trong lịch sử và nâng cao hơn nữa những năng lực, phẩm chất, đạo đức của họ trong thời đại mới.

1.2.2. Ý thức trách nhiệm đối với xã hội

Việc xây dựng xã hội Việt Nam trong giai đoạn CNH, HĐH với mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh theo Cương lĩnh bổ sung và phát triển của Đại hội Đảng lần thứ XI là một sự nghiệp vô cùng to lớn, cần phát huy cao độ ý thức tự giác cao của toàn Đảng, toàn dân, toàn xã hội. Trong đó có tinh thần trách nhiệm của phụ nữ (chiếm hơn 50% dân số của xã hội) và cũng là người được thụ hưởng thành tựu của sự nghiệp đó.

- Ý thức trách nhiệm của phụ nữ đối với xã hội trong thời kỳ CNH, HĐH có ý nghĩa phát huy vai trò của phụ nữ trong xây dựng xã hội tốt đẹp, nhân văn, nhân đạo theo ý tưởng cao cả của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã vạch ra.

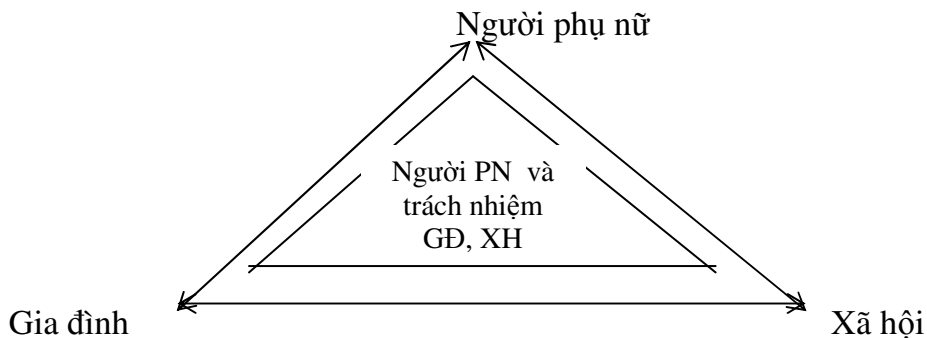
- Ý thức trách nhiệm của phụ nữ đối với xã hội trong thời kỳ CNH, HĐH thể hiện quyền bình đẳng giới và tạo điều kiện thực hiện quyền bình đẳng giới trong xã hội mới ở nước ta. Đồng thời thực hiện mục tiêu của Chương trình Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam hiện nay.

- Ý thức trách nhiệm của phụ nữ đối với gia đình trong thời kỳ CNH, HĐH góp phần nâng cao địa vị xã hội của người phụ nữ: Ngày nay, phụ nữ Việt Nam không chỉ “đảm đang” việc nhà, việc nước mà vươn lên “đảm nhiệm” nhiều công việc to lớn, nhiều trọng trách của xã hội. Đây là một niềm vinh dự, tự hào song cũng là những đòi hỏi sự vượt qua nhiều khó khăn, thử thách lớn lao.

²⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI...*Sđd, Tr. 223

- Ý thức trách nhiệm của phụ nữ đối với xã hội trong thời kỳ CNH, HĐH cũng như ý thức trách nhiệm của phụ nữ đối với gia đình giúp cho người phụ nữ không chỉ phát huy cao hơn nữa truyền thống “đảm việc nước” của mình trong lịch sử dân tộc mà còn tạo nên những phẩm chất, đạo đức mới của người phụ nữ hiện đại.

Ý thức trách nhiệm đối với gia đình và đối với xã hội luôn luôn gắn bó với nhau. Làm tốt trách nhiệm gia đình cũng là làm tốt trách nhiệm với xã hội, ngược lại làm tốt trách nhiệm với xã hội thì cần phải làm tốt trách nhiệm với gia đình. Đây là mối quan hệ biện chứng, sự tác động qua lại giữa người phụ nữ với gia đình và xã hội ngày nay, trong xã hội hiện đại đòi hỏi cao hơn. Chúng ta có thể mô hình hóa mối quan hệ này như sau:



Như vậy, ý thức trách nhiệm đối với gia đình và xã hội của người phụ nữ Việt Nam hiện nay có vai trò vô cùng to lớn đối với đất nước, đối với xã hội và đối với chính hạnh phúc, quyền lợi, địa vị cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam.

2. NỘI DUNG Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA PHỤ NỮ ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI HIỆN NAY

2.1. Biểu hiện của ý thức trách nhiệm của phụ nữ đối với gia đình

Cùng với sự chuyển biến mạnh mẽ của đời sống gia đình trong thời kỳ CNH, HĐH và hội nhập, giao lưu văn hóa, trách nhiệm của mỗi thành viên trong gia đình cũng đang có những thay đổi lớn lao. Người phụ nữ ngày nay với tư cách là người mẹ, là công dân của xã hội có những đóng góp to lớn cho sự phát triển của gia đình hướng tới mục tiêu: no ấm, tiến bộ, hạnh phúc. Song, họ cũng cần ý thức được những thách thức đang đặt ra để thực hiện trách nhiệm với gia đình một cách chủ động.

2.1.1. Phụ nữ với trách nhiệm thực hiện chức năng sinh sản và tái sản xuất ra con người

Ý nghĩa duy trì nòi giống để xã hội được tiếp tục tồn tại và phát triển cho thấy tầm quan trọng của việc thực hiện chức năng sinh đẻ và tái sản xuất ra con người. Phụ nữ có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chức năng tái sản xuất ra con người, xét cả 2 phương diện là sinh đẻ và nuôi dạy con cái. Ngày nay, trách nhiệm này không chỉ đơn thuần là sinh con đẻ duy trì nòi giống như quan niệm trước đây, mà cần được nhìn nhận từ góc độ mới. Một loạt những câu hỏi đặt ra mà người phụ nữ cần phải tìm được câu trả lời: Khi nào sinh con sẽ là tốt nhất? Làm thế nào để có thể sinh ra những đứa con thông minh, khỏe mạnh? Làm thế nào để có thể chủ động và có kế hoạch chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sinh con? Điều này đòi hỏi người phụ nữ phải có kiến thức, phải

biết học hỏi kinh nghiệm và sự chủ động từ chính mình. Thực tế cũng cho thấy, trong khi bản thân người phụ nữ trong gia đình thường là không tự quyết định được một mình những vấn đề hệ trọng này, điều quan trọng là người phụ nữ cần biết cách thương thuyết, bàn bạc với người chồng, và các thành viên trong gia đình để tìm kiếm sự ủng hộ. Ý thức được điều này sẽ giúp phụ nữ tìm ra những cách thức hữu hiệu phù hợp với từng hoàn cảnh của mỗi gia đình.

2.1.2. Phụ nữ với trách nhiệm chăm sóc và giáo dục con cái trong gia đình

Trong sự phát triển của gia đình với tư cách là một thiết chế xã hội, vai trò của phụ nữ trong việc chăm sóc và giáo dục con cái luôn giữ một vị trí vô cùng quan trọng. Tầm quan trọng này không chỉ xuất phát từ vị trí đặc biệt của chức năng giáo dục, xã hội hóa của gia đình, mà còn vì sự ảnh hưởng của người mẹ tới việc hình thành và phát triển nhân cách của trẻ em ngay từ buổi ban đầu khi đưa trẻ “bước vào” quá trình xã hội hóa.

Quan niệm “trời sinh voi, trời sinh cỏ” hoàn toàn không còn phù hợp và cần phải thay đổi. Trong xã hội hiện đại, dưới tác động của toàn cầu hóa và giao lưu văn hóa, trách nhiệm của gia đình, nhất là của người PN trong chăm sóc và giáo dục con cái đang đặt ra nhiều thách thức. Người mẹ cần có kiến thức/tri thức để định hướng phát triển nhân cách của đứa trẻ một cách toàn diện. Người mẹ cần có phương pháp giáo dục phù hợp với mỗi độ tuổi của đứa trẻ. Hiểu biết về những tác động tích cực và tiêu cực của môi trường bên ngoài gia đình đến việc học tập và phát triển của con cái, là yếu tố hết sức quan trọng giúp người PN có những điều chỉnh, uốn nắn kịp thời đối với con cái. Ngoài ra, nắm bắt được tâm tư, tình cảm, biết lắng nghe và chia sẻ những suy nghĩ và nguyện vọng của con cái cũng rất quan trọng để người phụ nữ “gần” hơn với con cái, giúp con cái nhận ra rằng, cha mẹ và gia đình là nơi chúng có thể bộc bạch những nỗi trăn trở, là nơi tìm thấy sự cảm thông và chia sẻ. Bình đẳng, dân chủ và tự do - những giá trị mới cần vận dụng một cách phù hợp trong phương pháp giáo dục con cái.

Phụ nữ ngày nay có nhiều điều kiện để tham gia công việc xã hội. Song lại có một thực tế là không ít gia đình và phụ nữ đã coi nhẹ việc chăm sóc và giáo dục con cái, “chuyển giao” toàn bộ trách nhiệm này cho nhà trường và xã hội. Điều này đã dẫn đến nhiều hệ lụy cho xã hội, như số trẻ em phạm tội, trẻ em lang thang, trẻ em mắc các tệ nạn xã hội có xu hướng gia tăng. Chính điều này đã cảnh tỉnh chúng ta rằng, dù bất kỳ ở thời đại nào, thì trách nhiệm chăm sóc và giáo dục con cái của gia đình là trách nhiệm không thể ủy thác, trong đó phụ nữ là một chủ thể không thể thiếu.

2.1.3. Ý thức trách nhiệm trong tổ chức cuộc sống và gắn kết tình cảm giữa các thành viên trong gia đình

Dù xã hội ngày nay hiện đại và văn minh hơn rất nhiều, thì quan niệm “gia đình là tổ ấm” vẫn còn nguyên giá trị. Cuộc sống mang “dấu ấn công nghiệp” và sự cổ vũ thái quá của giá trị tự do cá nhân đã ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống của nhiều gia đình, dẫn đến sự “lỏng lẻo, mong manh”, thậm chí là đổ vỡ. Chúng ta hiểu rằng, việc tiếp nhận giá trị bình đẳng giới tác động đến sự thay đổi vai trò truyền thống của phụ nữ và nam giới trong GD. Song điều đó không có nghĩa là sự hoán đổi vai trò hay người phụ nữ sẽ không còn thực hiện chức năng chăm lo cuộc sống, tổ chức cuộc sống GD.

Tổ chức cuộc sống gia đình - đó không chỉ là sắp xếp các công việc gia đình một cách khoa học, nó còn chứa đựng trong đó trái tim, tình yêu và tình ruột thịt. Sự quan tâm đến cảm nhận, tình yêu thương và chia sẻ lẫn nhau thì không một xã hội hiện đại nào có thể thay thế được gia đình. Tổ chức cuộc sống gia đình một cách hợp lý còn có nghĩa là phụ nữ biết cách thu hút các thành viên khác trong gia đình, nhất là người chồng chia sẻ công việc và khó khăn trong gia đình, biết tạo điều kiện để phụ nữ được phát triển. Chúng ta không phủ nhận rằng, cuộc sống hiện đại và những áp lực từ công việc trong một thế giới đang đổi thay nhanh chóng như hiện nay đang làm cho cả phụ nữ và nam giới ít có thời gian dành cho gia đình. Đồng thời cũng cần khẳng định rằng, xã hội hiện đại với nhiều vấn đề phức tạp trong đời sống gia đình và xã hội, vai trò của gia đình và trách nhiệm của các thành viên lại càng cần được quan tâm hơn bao giờ hết.

Trong gia đình, bên cạnh mối quan hệ tình cảm giữa các thế hệ, thì quan hệ vợ chồng là một trong những mối quan hệ chịu tác động rất lớn của những thay đổi xã hội trong quá trình hội nhập quốc tế và giao lưu văn hóa. Vấn đề “chung thủy” đã tồn tại khá nhiều giấy mực khi bàn về quan hệ vợ chồng trong xã hội hiện đại. Cách hiểu một chiều và lệch lạc về tự do cá nhân, về hôn nhân, ly hôn tự nguyện sẽ dễ dẫn đến sự phủ nhận trách nhiệm và sự “ràng buộc” giữa vợ và chồng, mà hệ lụy của nó là sự tan vỡ của nhiều gia đình. Người phụ nữ biết tổ chức cuộc sống gia đình và biết gắn kết sợi dây tình cảm của các thành viên gia đình là người biết lấy các giá trị bền vững của gia đình làm nền tảng để tiếp nhận những giá trị mới làm cho gia đình phát triển hơn và hạnh phúc hơn.

2.1.4. Ý thức trách nhiệm đóng góp về kinh tế cho gia đình

Người PN trong giai đoạn hiện nay trở thành một chủ thể quan trọng trong đời sống kinh tế của gia đình. Cùng với người chồng, người vợ cũng là người tạo thu nhập chính trong đại bộ phận gia đình VN. Tuy nhiên, dưới những tác động của kinh tế thị trường, đang có những hiện tượng trở nên thái quá, có nghĩa là từ chỗ PN ít tham gia hoạt động kinh tế, đến chỗ PN lại dành quá nhiều thời gian cho hoạt động kinh tế, bị cuốn theo “nhịp sống nhanh” của xã hội hiện đại, mà sao nhãng trách nhiệm với gia đình.

Mặc dù, sự đóng góp về kinh tế cho gia đình là điều kiện quan trọng để người phụ nữ có tiếng nói và vươn tới một vị trí bình đẳng với người chồng trong gia đình, song kinh tế không phải là mục đích tự thân, mà là phương tiện để chúng ta hướng tới một cuộc gia đình hạnh phúc. Thực tế cho thấy sự đổ vỡ của nhiều gia đình lại không phải xuất phát từ sự nghèo đói. Do vậy, bên cạnh việc tham gia hoạt động kinh tế tạo thu nhập, người phụ nữ cần ý thức được rằng sự quan tâm, trách nhiệm chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục con cái, trách nhiệm gắn bó tình cảm của các thành viên trong gia đình sẽ là điều cốt lõi tạo nên một gia đình bền vững.

Người phụ nữ hiện đại cần biết cách cân bằng trách nhiệm gia đình với việc tham gia các hoạt động kinh tế ngoài xã hội. Bên cạnh đó, cũng cần đổi mới trong quan niệm về sự “đảm đang” của người phụ nữ, đó không phải là người phụ nữ tự mình làm tất cả mọi việc. Quan niệm đó cũng không nên được hiểu trong “khuôn viên” của gia đình. Người phụ nữ hôm nay có tri thức nhiều hơn, được độc lập về kinh tế nhiều hơn – đây là nền tảng quan trọng cho một gia đình được phát triển (hạnh phúc).

2.2. Biểu hiện của ý thức trách nhiệm của phụ nữ đối với xã hội

Phân tích mối quan hệ cơ cấu ba cực: cá nhân (phụ nữ) - gia đình - cộng đồng xã hội - cho thấy trách nhiệm của phụ nữ đối với xã hội cần được hiểu dưới hai chiều cạnh:

Một là, trách nhiệm của phụ nữ với gia đình. Khi người phụ nữ thực hiện trách nhiệm đối với gia đình có nghĩa là họ đang thực hiện trách nhiệm với xã hội, vì gia đình là tế bào của xã hội, là “tế bào”, là “hạt nhân” của xã hội. Gia đình có bền vững, phát triển thì xã hội mới phồn thịnh.

Thứ hai, trách nhiệm của phụ nữ đối với xã hội thông qua sự đóng góp của họ vào đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước hướng tới mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Trách nhiệm này được biểu hiện cụ thể như sau:

2.2.1. Sự tham gia của phụ nữ vào công việc/hoạt động chung của cộng đồng

Ý thức trách nhiệm của phụ nữ đối với xã hội thể hiện thông qua sự tham gia vào đời sống chính trị-xã hội, trước hết là, ở cộng đồng nơi họ sinh sống. Ở nông thôn cũng như thành thị, sự tham gia của phụ nữ vào đời sống cộng đồng rất đa dạng từ những sinh hoạt của cộng đồng (lễ hội, họp thôn/họp tổ dân phố, hưởng ứng các phong trào của các tổ chức chính trị, xã hội, tích cực tham gia xây dựng khu dân cư...) đến những sự kiện lớn hơn (tham gia bầu cử, đóng góp ý kiến cho kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, chống tham nhũng...). Sự tham gia bình đẳng của phụ nữ vào các hoạt động chung của cộng đồng vừa đáp ứng yêu cầu về dân chủ trong đời sống cộng đồng, vừa đảm bảo thu hút được tài năng, trí tuệ của một nửa dân số.

Phụ nữ tham gia vào các hoạt động chung của cộng đồng không chỉ đem lại lợi ích cho cộng đồng, mà bản thân người phụ nữ cũng sẽ được hưởng lợi từ sự tham gia đó. Trong quá trình này, phụ nữ được tiếp cận với thông tin và kiến thức, nâng cao sự hiểu biết về pháp luật, chính sách, về những vấn đề còn đang tồn tại trong đời sống của cộng đồng. Nhu cầu giao lưu, mở rộng mạng lưới và các mối quan hệ, thực hành dân chủ sẽ giúp phụ nữ hòa nhập tốt hơn vào đời sống xã hội.

Điều quan trọng ở đây là PN cần vứt bỏ quan niệm hoạt động xã hội là công việc của nam giới. PN cần mạnh dạn trao đổi đóng góp ý kiến vào công việc chung của cộng đồng, chủ động tham gia xây dựng và tìm hiểu luật pháp, chính sách. Chúng ta hiểu rằng sự tham gia của PN vào đời sống cộng đồng còn gặp những khó khăn như thiếu thời gian, do bị cuốn hút vào công việc GD và lao động tạo thu nhập, song tính chủ động trước hết từ phía PN là điều kiện đầu tiên để giúp họ vượt qua những rào cản này.

2.2.2. Thực hiện tốt công việc chuyên môn, nghề nghiệp đã lựa chọn là thể hiện sự đóng góp thiết thực của phụ nữ cho xã hội

Sự tham gia của phụ nữ vào các lĩnh vực của đời sống xã hội với mức độ khác nhau, phụ thuộc vào vào đặc thù nghề nghiệp và vị trí công việc của họ. Không phải chỉ những phụ nữ giữ vị trí, công việc quan trọng mới có đóng góp cho xã hội, mà dù làm bất cứ công việc gì được pháp luật thừa nhận, người phụ nữ cũng có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của đất nước khi họ làm tốt công việc mà mình đã lựa chọn.

Xã hội hiện đại đã mở rất nhiều cơ hội để phụ nữ được công hiến sức lực và tài năng của mình. Tuy nhiên, đứng trước những yêu cầu thực tiễn của sự nghiệp đổi mới

đất nước và xu thế hội nhập quốc tế, người phụ nữ cần có những phẩm chất mới về trí tuệ và kỹ năng nghề nghiệp. Người phụ nữ không chỉ cần có trình độ học vấn, có kiến thức mà còn cần có phương pháp làm việc khoa học để đạt được năng suất lao động và hiệu quả công việc một cách tốt nhất. Năng động sáng tạo là một yêu cầu mới giúp chúng ta có kỹ năng xử lý tốt tình huống khó khăn, đem lại kết quả như mong muốn trong công việc. Trong những điều kiện mới, cần có cách suy nghĩ, cách làm khác trước; cần vượt qua những cách làm không còn phù hợp. Không ngừng học hỏi với phương châm học tập suốt đời để công việc luôn đạt được hiệu quả cao nhất – đó chính là cách chúng ta có đóng góp thiết thực nhất cho xã hội. Những phẩm chất mới này là không thể thiếu đối với bất kỳ người lao động nào trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước. Song, đối với người phụ nữ, điều đó càng có ý nghĩa quan trọng, bởi họ cần vượt lên định kiến giới của xã hội và định kiến của chính mình để hoàn thành tốt công việc mà họ đã lựa chọn trong bối cảnh của thế giới đầy biến động và những thách thức trong công việc ngày càng nhiều hơn.

2.2.3. Sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo, quản lý xã hội

Một bộ phận phụ nữ có đóng góp quan trọng cho xã hội thông qua sự tham gia của họ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý xã hội. Mặc dù, mức độ tham gia của phụ nữ vào lãnh đạo, quản lý còn rất khiêm tốn so với tiềm năng và sự gia tăng của lực lượng lao động nữ, song phụ nữ ngày càng có nhiều cơ hội và điều kiện để đáp ứng được những yêu cầu và đòi hỏi của công việc đặc biệt này. Môi trường chính trị, kinh tế và xã hội thuận lợi đã tác động tích cực đến sự tham gia của phụ nữ vào lĩnh vực chính trị. Điều quan trọng là phụ nữ cần ý thức được trách nhiệm, không mặc cảm, tự ti và không an phận, với niềm tin rằng phụ nữ hoàn toàn có thể làm tốt công việc lãnh đạo quản lý.

Thực tế cho thấy, người PN tham gia vào công tác quản lý, lãnh đạo gặp nhiều khó khăn hơn nam giới vì nhiều lý do khác nhau, song trong thực tế đã có nhiều tấm gương phụ nữ vượt qua định kiến của xã hội, không ngừng nỗ lực vươn lên để tham gia vào công tác lãnh đạo, quản lý. Trong điều kiện hiện nay, người lãnh đạo, quản lý cần có phương pháp và phong cách lãnh đạo mới phù hợp, cần có tầm nhìn xa và kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyên nghiệp. PN là một nguồn nhân lực quan trọng, có đầy đủ những yêu cầu của một người làm công việc lãnh đạo, quản lý, do vậy họ là một lực lượng cần thiết phải tham gia công tác lãnh đạo, quản lý ở các cấp, các ngành, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Yếu tố nội lực của phụ nữ là điều kiện tiên quyết để phụ nữ khẳng định vị trí của mình, phát huy tài năng, trí tuệ đóng góp vào sự phát triển của đất nước.

3. GIẢI PHÁP GIÁO DỤC (NÂNG CAO) Ý THỨC TRÁCH NHIỆM CỦA PHỤ NỮ ĐỐI VỚI GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

3.1. Xây dựng chương trình/chiến lược nâng cao năng lực cho phụ nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đòi hỏi khách quan về những tố chất mới của người lao động trong điều kiện mới đã đặt ra yêu cầu về việc xây dựng chương trình nâng cao năng lực cho phụ nữ thời kỳ CNH, HĐH đất nước. Nâng cao năng lực cho phụ nữ để giúp họ thực hiện tốt trách nhiệm của phụ nữ đối với gia đình và xã hội là việc làm cần thiết trước mắt cũng như chiến lược có tính lâu dài. Khi năng lực của phụ nữ được nâng cao, họ không chỉ hoàn

thành tốt trách nhiệm của mình đối với xã hội và gia đình, mà điều đó còn làm thay đổi các mối quan hệ giới trong gia đình và ngoài xã hội theo hướng bình đẳng hơn. Điều này cũng khẳng định rằng phụ nữ cần chủ động thực hiện bình đẳng giới từ chính nội lực của mình, bên cạnh những giải pháp hướng tới cộng đồng và xã hội.

Việc xây dựng chương trình này đòi hỏi cần tính đến thực tế là phụ nữ bao gồm nhiều nhóm xã hội khác nhau, với công việc và khả năng khác nhau. Do vậy, chương trình vừa có tính định hướng chiến lược, vừa xây dựng được các chương trình nâng cao năng lực phù hợp cho các nhóm phụ nữ khác nhau trong xã hội (nhóm phụ nữ nông dân, nhóm nữ công nhân, nhóm nữ trí thức). Hội LHPN có vai trò chủ chốt trong xây dựng và tham mưu cho các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng chương trình.

3.2. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội LHPN Việt Nam

Một là, cần cụ thể hóa ý thức trách nhiệm của phụ nữ đối với gia đình và xã hội trong các chương trình hoạt động, sinh hoạt của Hội LHPN các cấp. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, bởi trách nhiệm đối với gia đình và xã hội cần được hiểu một cách cụ thể và thông qua những việc làm thiết thực trong cuộc sống và công việc hàng ngày, nhất là đối với phụ nữ ở cơ sở.

Hai là, trang bị kỹ năng sống, kỹ năng xử lý tình huống cho phụ nữ gắn với nâng cao ý thức trách nhiệm đối với gia đình và xã hội, ví dụ xử lý tình huống khi có mâu thuẫn giữa vợ chồng hay làm thế nào để giải quyết vấn đề xung đột các vai trò mà người phụ nữ phải thực hiện... Những kỹ năng xử lý tình huống trong cuộc sống gia đình rất cần thiết đối với phụ nữ, bởi qua đó phụ nữ sẽ học được cách thức giải quyết mâu thuẫn một cách có hiệu quả.

Ba là, đổi mới các hình thức hoạt động, sinh hoạt của Hội LHPN: Có nhiều hình thức đa dạng hóa các hoạt động của Hội LHPN, nhằm thu hút sự tham gia của phụ nữ vào tổ chức của Hội. Thông qua sinh hoạt các câu lạc bộ, chia sẻ kinh nghiệm của phụ nữ trong việc thực hiện trách nhiệm đối với gia đình và xã hội, nhiều phụ nữ trẻ sẽ học được những bài học bổ ích.

3.3. Hội Liên hiệp Phụ nữ kết hợp với gia đình, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền, hỗ trợ phụ nữ thực hiện trách nhiệm đối với gia đình và xã hội

Mặc dù tính chủ động của phụ nữ trong việc thực hiện các trách nhiệm đối với gia đình và xã hội là vấn đề cốt lõi, song thực tế cho thấy, bản thân một mình phụ nữ sẽ rất khó khăn trong việc thực hiện trách nhiệm này, nếu như họ không nhận được sự hỗ trợ từ các thành viên khác trong gia đình, nhất là người chồng. Việc thay đổi nhận thức của cộng đồng nói chung, và nam giới nói riêng về bình đẳng giới và trách nhiệm của nam giới trong việc chia sẻ và hỗ trợ phụ nữ trong cuộc sống gia đình là điều kiện cần thiết để phụ nữ hoàn thành tốt trách nhiệm của mình. Có như vậy, chúng ta mới không tạo ra “sức ép” cho phụ nữ và không có “cái nhìn một chiều” về vai trò của phụ nữ đối với gia đình và xã hội.

Hội LHPN cần xây dựng các chương trình hoạt động, phối hợp với chính quyền và các tổ chức chính trị-xã hội khác, để tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về bình đẳng giới, trong đó cần hướng tới đối tượng nam giới. Sẽ là lý tưởng nếu các tổ

chức chính trị-xã hội đứng ra tổ chức các hoạt động này, bởi sự tác động của nam giới đối với nam giới sẽ có hiệu quả cao hơn. Cần đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền (hội thi, sân khấu, tiểu phẩm truyền hình, gương điển hình về bình đẳng giới...). Cần tránh tuyên truyền một cách chung chung, mang tính hô hào. Các chủ đề của hoạt động tuyên truyền phải thiết thực, gắn với đời sống của mỗi gia đình, nhằm khuyến khích sự chia sẻ của nam giới trong trách nhiệm gia đình với phụ nữ và thu hút sự ủng hộ của nam giới đối với sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động xã hội.

3.4. Phát huy vai trò của các phương tiện truyền thông

Truyền thông đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao ý thức trách nhiệm của phụ nữ cũng như làm thay đổi nhận thức của công chúng về vai trò và trách nhiệm của cả phụ nữ và nam giới đối với gia đình và xã hội. Chúng ta biết rằng, bên cạnh cơ hội là những thách thức đặt ra đối với phụ nữ khi thực hiện hai trách nhiệm này. Ở đây có sự mâu thuẫn giữa *định kiến xã hội* (phụ nữ phải thực hiện chính trách nhiệm gia đình, mà ít có sự chia sẻ của người nam giới) và *áp lực từ công việc*, những yêu cầu về năng lực của phụ nữ. Bên cạnh đó là sự chuyển đổi các quan niệm hướng đến tính tự chủ cá nhân, sự thay đổi trong quan hệ giới so với các giá trị truyền thống. Sự “pha trộn” này đang rất cần có sự định hướng của xã hội thông qua truyền thông, một mặt giúp phụ nữ ý thức được trách nhiệm của mình, mặt khác, tạo dư luận xã hội đồng thuận hỗ trợ phụ nữ và kêu gọi ý thức trách nhiệm của nam giới đối với cả hai trách nhiệm này.

Khi truyền thông có trách nhiệm giới, đây sẽ là công cụ có hiệu quả không chỉ giúp phụ nữ nhận thấy trách nhiệm của mình, nhận thấy những khó khăn thách thức cần phải vượt qua, mà còn hướng tới xây dựng mối quan hệ giới hài hòa. Quan hệ giới hài hòa vừa phản ánh các giá trị văn hóa truyền thống (trách nhiệm, thủy chung, gắn kết, hòa thuận) vừa tiếp nhận những giá trị mới (bình đẳng, dân chủ, độc lập). Truyền thông không chỉ có chức năng cung cấp thông tin, phản ánh thực tế, mà có vai trò quan trọng trong định hướng dư luận xã hội để trong quá trình “giao thoa giữa các giá trị” không dẫn đến mâu thuẫn hay xung đột vai trò của người PN trong gia đình và ngoài xã hội.

III. Ý THỨC TIẾP THU TRI THỨC, LÀM CHỦ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP

1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TIẾP THU TRI THỨC, LÀM CHỦ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP

Cùng với dòng chảy của lịch sử dân tộc, những phẩm chất, đạo đức của phụ nữ Việt Nam đã được hình thành và phát triển tạo nên nét đẹp riêng của người phụ nữ, đồng thời góp phần làm nên những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam.

Do yêu cầu của thời đại, bên cạnh những phẩm chất, đạo đức truyền thống quý báu cần được tiếp tục giữ gìn, phát huy, phụ nữ Việt Nam cũng cần được bổ sung thêm những phẩm chất, đạo đức mới cho phù hợp. Trong đó, người phụ nữ phải không ngừng vươn lên tiếp thu tri thức mới, hiện đại; có đủ năng lực làm chủ khoa học, công nghệ mới và có kỹ năng nghề nghiệp để có thể thích ứng một cách linh hoạt với điều kiện mới nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho bản thân, gia đình và đóng góp phần to lớn vào công cuộc xây dựng đất nước.

1.1. Quan niệm về ý thức vươn lên tiếp thu tri thức, làm chủ khoa học, công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp

- *Vươn lên* có nghĩa là vượt qua mọi rào cản khó khăn, thử thách; vượt qua tâm lý mặc cảm tự ti; vượt lên chính mình để không ngừng phấn đấu, học tập tiếp thu tri thức, nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghề nghiệp nhằm hoàn thành tốt công việc và khẳng định vị thế của mình trong xã hội.

Thực tế đã chứng minh nhiều phụ nữ với sự nỗ lực vượt bậc, với bản lĩnh kiên cường và ý chí quyết tâm cao đã vượt qua hoàn cảnh, vượt qua số phận để tự khẳng định, vươn lên thoát nghèo, làm giàu và thành đạt.

- *Làm chủ khoa học - công nghệ* nghĩa là khả năng chủ động, vận dụng đúng đắn, thành thạo các kỹ thuật, công nghệ mới hiện đại, các tri thức khoa học để đạt năng suất cao và hiệu quả tốt trong quá trình lao động sản xuất, trong nghiên cứu khoa học...

- *Kỹ năng nghề nghiệp* là khả năng ứng dụng thành thạo tri thức và kỹ thuật, công nghệ mới trong quá trình lao động sản xuất; đồng thời có khả năng ứng biến linh hoạt trong mọi hoàn cảnh, trong những biến đổi không ngừng của môi trường và điều kiện sống... để lao động sáng tạo. Trong đó, kỹ năng chủ yếu thuộc về năng lực của mỗi người, giúp cho sự thành công trong công việc và nghề nghiệp của mỗi người. Nếu thiếu kỹ năng nghề nghiệp, phụ nữ sẽ gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế cơ hội tìm kiếm việc làm và phát triển. Kỹ năng không phải tự nhiên mà có, nó là kết quả của quá trình học tập rèn luyện không ngừng, từ sự trải nghiệm và tích lũy kinh nghiệm trong lao động sản xuất, trong cuộc sống hàng ngày với một sự tận tụy, tâm huyết trong công việc của mỗi người.

Đây là những phẩm chất không thể thiếu đối với mỗi người trong thời đại hiện nay, nhất là đối với phụ nữ vì phụ nữ thường bị chi phối nặng bởi sự tự ti, mặc cảm, thụ động, thiếu tính quyết đoán hơn nam giới, bị ràng buộc bởi nhiều tập quán lạc hậu và các chức năng gia đình hơn nam giới và lao động thường thiếu kỹ năng hơn nam giới.

1.2. Sự cần thiết vươn lên tiếp thu tri thức, làm chủ khoa học, công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp

1.2.1. Yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Sự nghiệp đổi mới, CNH, HĐH đất nước của nhân dân ta hiện nay đòi hỏi phải phát huy cao độ năng lực tinh thần của con người Việt Nam. Đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh – một sự nghiệp to lớn của nhân dân ta đồng thời là quá trình cải biến xã hội sâu sắc, đòi hỏi phát huy nguồn lực trí tuệ và năng lực của mỗi con người Việt Nam. Sự thay đổi cơ cấu kinh tế, kết cấu xã hội, nhu cầu tăng nhanh về văn hoá của mọi tầng lớp dân cư trong đó có phụ nữ, quá trình dân chủ hoá xã hội là yêu cầu đặt ra hiện nay.

Việc mở cửa để hoà nhập với các khu vực và các nước trên thế giới, tiếp thu các thành tựu văn hoá, văn minh của nhân loại đòi hỏi chúng ta phải có một trình độ văn hoá, phẩm chất tinh thần tương ứng để làm chủ được những quá trình khoa học, công nghệ hiện đại. Việt Nam mở cửa, đổi mới đất nước trong thời đại mới - thời đại khoa

học, công nghệ đang phát triển mạnh mẽ. Đặc trưng nổi bật của khoa học - công nghệ và kinh tế tri thức là phát triển chủ yếu dựa vào tri thức và ứng dụng những kỹ thuật, công nghệ cao, hiện đại trong quá trình sản xuất, chứ không chỉ dựa vào nguồn vốn tài chính và sức lao động như trong xã hội truyền thống. Phần lớn của cải vật chất được tạo ra dựa vào tri thức nhờ chất lượng lao động được đào tạo có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao và sáng tạo.

- Việc ứng dụng những thành tựu của khoa học - công nghệ mới, hiện đại và kinh tế tri thức là nguyên nhân căn bản làm cho toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ, nhất là toàn cầu hóa về kinh tế. Những thay đổi mới này đã tác động trực tiếp và sâu sắc đến từng con người, gia đình, cộng đồng, xã hội, quốc gia và cả thế giới; làm triệt tiêu dần những ngành nghề giản đơn, trình độ thấp và làm phá sản hàng loạt cơ sở sản xuất và doanh nghiệp theo lối công nghiệp cổ điển; mặt khác làm xuất hiện nhiều ngành nghề mới đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật và kỹ năng nghề nghiệp cao.

- Trong thời đại hiện nay, những hoạt động lao động sản xuất nếu không được đào tạo mà chỉ bằng kinh nghiệm, bằng vốn sống thì năng suất lao động sẽ rất hạn chế, kém hiệu quả. Vì vậy, nó đòi hỏi mỗi người phải có ý thức vươn lên làm chủ tri thức mới, làm chủ khoa học - công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp để thích nghi với môi trường mới, có khả năng hành động linh hoạt trong cái phức tạp, bất định và thường xuyên biến động của môi trường mới nếu không muốn bị đào thải.

Sự phát triển của khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức và toàn cầu hóa một mặt tạo ra cơ hội cho người lao động, trong đó có lao động nữ có thể tiếp cận các phương tiện sản xuất hiện đại, góp phần giải phóng sức lao động, tăng thêm cơ hội tìm kiếm việc làm mới, nhất là việc làm phi nông nghiệp từ đó nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho bản thân và gia đình; đồng thời tạo ra cơ hội cho phụ nữ có điều kiện vươn lên nắm bắt tri thức và khoa học - công nghệ hiện đại để tự khẳng định vị thế của mình trong xã hội và phát triển bằng chính tri thức, trí tuệ của mình.

Song sự phát triển của khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức và toàn cầu hóa cũng đặt ra những thách thức to lớn đối với phụ nữ, nhất là phụ nữ ở các nước nghèo và các nước đang phát triển. So với nam giới, phụ nữ có nguy cơ cao bị đẩy ra khỏi thị trường lao động, bị bất bình đẳng giới và bị xúc phạm nhân phẩm; đồng thời cũng gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận đến các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe do trình độ học vấn thấp, lại bị ràng buộc chặt chẽ bởi những phong tục, tập quán xã hội lạc hậu.

1.2.2. Do yêu cầu của kinh tế thị trường với tính cạnh tranh gay gắt

Nước ta đang đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN. Nền kinh tế này với cơ chế và nhiều chính sách mới, đã tạo ra cho phụ nữ nhiều cơ hội hơn để tham gia vào các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, xã hội. Phụ nữ được tự do trong sản xuất ở các lĩnh vực khác nhau, trong kinh doanh và trong nghiên cứu khoa học sáng tạo để tự khẳng định, làm giàu cho bản thân và gia đình và xã hội.

- Song, kinh tế thị trường với tính cạnh tranh, sàng lọc gay gắt và quyết liệt cũng tác động mạnh mẽ đến phụ nữ, nhất là phụ nữ nghèo, ít được đào tạo, trình độ và kỹ năng

lao động thấp. Một trong những bất lợi lớn đối với phụ nữ khi tham gia vào kinh tế thị trường là vấn đề việc làm, do họ bị ràng buộc hơn bởi những chức năng gia đình nên khó cạnh tranh được với nam giới về sức khỏe, về trình độ kỹ thuật, về điều kiện thời gian vật chất. Hơn nữa, trong kinh tế thị trường, nhiều nhà tuyển dụng cũng không muốn tuyển dụng lao động nữ vì những lý do nêu trên.

Trong nhiều trường hợp, vì lý do sinh tồn khiến cho phụ nữ phải chấp nhận làm những công việc nặng nhọc, thu nhập thấp và nhiều rủi ro, nhất là lao động nữ trình độ thấp, thiếu kỹ năng nghề nghiệp.

Tóm lại: Từ yêu cầu khách quan của thời đại mới với nhiều biến đổi, mỗi phụ nữ vì nhu cầu sinh tồn và phát triển của bản thân cũng như của gia đình cần luôn ý thức vươn lên tiếp thu tri thức mới, làm chủ khoa học – công nghệ, kỹ năng nghề nghiệp để có thể trụ vững và tự khẳng định vị thế của mình trong thời đại mới.

2. NỘI DUNG TIẾP THU TRI THỨC, LÀM CHỦ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP

2.1. Tiếp thu tri thức

- Tri thức là những gì đã biết, đã được hiểu trong một lĩnh vực cụ thể của con người về các lĩnh vực của đời sống tự nhiên và xã hội thông qua quá trình nhận thức, quá trình học tập, giao tiếp của con người. Tri thức được biểu hiện cụ thể ở kiến thức của con người về các lĩnh vực, ở trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kỹ thuật và kỹ năng nghề nghiệp của con người.

- Tri thức đạt được ở các cấp độ khác nhau: từ tri thức kinh nghiệm (có được do quan sát, mô tả, thực nghiệm mang lại), đến tri thức lý luận (kết quả của sự khái quát hóa những tri thức kinh nghiệm); từ nông đến sâu, từ đơn giản đến phức tạp.

- Các tri thức ở cấp độ thấp cho kết quả tương ứng là những hoạt động trình độ thấp, năng suất hạn chế, hiệu quả không cao, tính cạnh tranh yếu và hạn chế về cơ hội phát triển. Các tri thức ở cấp độ cao giúp cho con người hiểu rõ và nắm vững qui luật, nắm vững khoa học, kỹ thuật, công nghệ để phát triển.

- Ngày nay, sự phát triển của khoa học - công nghệ hiện đại, của kinh tế tri thức và toàn cầu hóa một mặt làm cho tri thức được quảng bá rộng rãi và phổ cập nhanh chóng, mặt khác cũng làm cho tri thức trở nên lạc hậu rất nhanh. Cho nên người lao động, trong đó có lao động nữ buộc phải luôn có ý thức vươn lên thường xuyên học tập, trau dồi cập nhật kịp thời tri thức mới, bao gồm cả tri thức chuyên môn và tri thức của nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống xã hội (tri thức liên ngành, tri thức thực tiễn, tri thức khoa học hiện đại...). Đó là điều kiện quan trọng để có thể trụ vững và phát triển trong thời đại mới.

- *Tri thức do con người sáng tạo, đúc rút qua hoạt động thực tiễn hay nghiên cứu khoa học.* Tuy nhiên, không phải bất kỳ ai cũng có thể sáng tạo ra và sử dụng được các thành tựu của tri thức, nhất là tri thức hiện đại. Tri thức chỉ có được đối với những ai được đào tạo ở một trình độ nhất định. Vì vậy, *học tập suốt đời, đào tạo liên tục, giáo dục thường xuyên* để tiếp thu kịp thời tri thức của nhân loại, của thời đại, ở cấp độ cao

hơn, có thể tham gia vào việc sáng tạo ra tri thức mới trên các lĩnh vực là một yêu cầu đã và đang đặt ra đối với người lao động, trong đó có lao động nữ.

2.2. Làm chủ khoa học - công nghệ

- Đặc điểm căn bản của quá trình sản xuất trong thời đại hiện nay là sử dụng kỹ thuật, công nghệ mới và cao để hướng tới mục tiêu năng suất, chất lượng và hiệu quả, dẫn tới vai trò của nguồn tài nguyên thiên nhiên và sức lao động giảm đơn giản đáng kể. Trong khi nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực được đào tạo chuyên môn kỹ thuật và có kỹ năng lao động giỏi trở thành cấp bách đối với nhà sản xuất trên tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, khoa học, lãnh đạo quản lý....

- Do vậy, lao động nữ ở từng đối tượng phải luôn ý thức được điều đó để vươn lên làm chủ kỹ thuật, khoa học - công nghệ hiện đại. Việc làm chủ được tri thức, làm chủ khoa học - công nghệ cũng giúp cho phụ nữ có năng lực tổ chức tốt cuộc sống gia đình của mình một cách khoa học, hợp lý để có thể tham gia vào thị trường lao động một cách chủ động, tích cực và hiệu quả.

Đối với nữ nông dân, quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn với đặc trưng sử dụng những thành tựu của khoa học - kỹ thuật, công nghệ mới hiện đại vào sản xuất nông nghiệp đòi hỏi lao động nữ trong khu vực nông nghiệp phải có ý thức vươn lên nắm vững tri thức trong lĩnh vực nông nghiệp để có thể làm chủ những tri thức mới, những kỹ thuật và công nghệ mới, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản phẩm mà mình tạo ra. Đó là điều kiện không thể thiếu để nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống cho bản thân và gia đình.

Đối với nữ công nhân, do khu vực sản xuất công nghiệp thường xuyên phải đổi mới công nghệ nên phải thường xuyên học tập, tự học tập, rèn luyện nâng cao tay nghề, làm chủ những dây chuyền công nghệ mới, kỹ thuật hiện đại để trụ vững và có vị trí tốt trong quá trình sản xuất công nghiệp. Đó là điều kiện không thể thiếu để nâng cao năng lực cạnh tranh với lao động nam và để có thu nhập cao, ổn định.

Đối với lao động nữ trong khu vực dịch vụ, nhất là dịch vụ gắn với công nghệ cao, ngoài việc làm chủ được kỹ thuật, công nghệ hiện đại liên quan trực tiếp đến công việc của mình, thì nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nghề nghiệp, làm chủ ngoại ngữ... là một yêu cầu có tính bắt buộc nếu không muốn bị thải loại trong môi trường đầy tính cạnh tranh gay gắt này.

Đối với nữ trí thức, các nhà khoa học nữ trên các lĩnh vực, việc tiếp thu tri thức, nâng cao trình độ và năng lực nghiên cứu khoa học, làm chủ được những tri thức khoa học đã được đào tạo để say mê nghiên cứu sáng tạo những giá trị mới, công trình nghiên cứu khoa học mới, vươn lên trở thành những chuyên gia giỏi, những nhà khoa học tài ba trong lĩnh vực của mình là yêu cầu số một.

Ngoài trình độ chuyên môn, làm chủ ngoại ngữ là hết sức cần thiết đối với trí thức nữ vì đó là công cụ giúp họ tiếp xúc và tiếp thu kịp thời những tri thức mới và những thành tựu văn minh nhân loại vốn thay đổi từng ngày, từng giờ để không bị lạc hậu với thời cuộc và để sáng tạo.

Đối với nữ lãnh đạo, quản lý, các chị chỉ có thể hoàn thành nhiệm vụ khi làm chủ được chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt là phải rèn luyện kỹ năng lãnh đạo, quản lý; kỹ năng tổ chức, vận động thuyết phục quần chúng mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình.

2.3. Có kỹ năng nghề nghiệp

- Tri thức và kỹ năng lao động là những kết quả chỉ có thể có được trong quá trình rèn luyện chuyên môn hoặc qua thực tiễn, cho phép người LĐ có khả năng thực hiện được một hoặc một số công việc trong hệ thống phân công lao động XH.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế và khoa học - kỹ thuật, việc phân công lao động ngày càng chuyên sâu. Do vậy, người lao động phải được đào tạo nghề nghiệp một cách cơ bản và chuyên sâu, kết hợp với tự đào tạo nghề thông qua môi trường hoạt động thực tiễn trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nhất là trong một số nghề nghiệp mà kỹ năng, kỹ xảo dựa nhiều vào sự khéo léo như nghề thủ công mỹ nghệ, hay dựa vào kinh nghiệm truyền thống (nghệ thuật, y học cổ truyền...)

Trong nền kinh tế mang tính toàn cầu hiện nay, lao động nữ phải có kỹ năng lao động giỏi và có khả năng thích ứng nhanh với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ sản xuất, đồng thời, cần có cả những phẩm chất mang tính toàn cầu. Họ cần được trang bị những kỹ năng, tầm nhìn và chiến lược thích ứng với nhu cầu quốc tế.

3. GIẢI PHÁP ĐỂ PHỤ NỮ VƯƠN LÊN TIẾP THU TRI THỨC, LÀM CHỦ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ VÀ KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP

3.1. Nâng cao nhận thức toàn xã hội về sự cần thiết phải tạo điều kiện cho PN vươn lên tiếp thu tri thức, làm chủ khoa học - công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp

- Do bị ảnh hưởng của xã hội truyền thống, tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, sự bất bình đẳng giới còn khá nặng nề trong xã hội ta. Nhiều người, thậm chí cả cấp lãnh đạo quản lý và bản thân nhiều phụ nữ còn chưa thấy rõ vai trò và năng lực của phụ nữ trong phát triển xã hội, nên chưa tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ học tập, rèn luyện, phấn đấu vươn lên tiếp thu tri thức, làm chủ khoa học - công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp.

- Để phụ nữ có thể vươn lên tiếp thu tri thức, làm chủ khoa học - công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp thì nâng cao nhận thức cho giới lãnh đạo quản lý các cấp, nhất là cấp cơ sở là điều kiện có ý nghĩa quan trọng vì họ chính là người trực tiếp sử dụng lao động nữ và thực hiện các chế độ, chính sách đối với lao động nữ.

- Nâng cao nhận thức cho toàn xã hội, cho các thành viên trong gia đình, mà quan trọng nhất là người chồng, xóa bỏ những rào cản xã hội, những định kiến giới để xã hội cũng như mỗi thành viên trong gia đình có thể thông cảm, chia sẻ trách nhiệm gia đình và ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ vươn lên học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp.

3.2. Tạo cơ chế, chính sách, pháp luật, điều kiện và môi trường thuận lợi cho PN vươn lên tiếp thu tri thức, làm chủ khoa học - công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp

- Tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng trong việc vạch đường lối, chủ trương và lãnh đạo thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới, giải phóng phụ nữ,

tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho phụ nữ phát triển toàn diện. Cần đặc biệt chú trọng đến việc phát huy vai trò và nâng cao vị thế của phụ nữ, bồi dưỡng, đào tạo để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo, quản lý các cấp.

- Nhà nước thể chế hóa bằng cơ chế chính sách, bằng pháp luật và bằng nguồn đầu tư ngân sách để tạo quyền cho phụ nữ. Ban hành các chính sách xã hội, các chính sách có quan điểm giới để giảm nhẹ lao động nặng nhọc cho phụ nữ; đồng thời nâng cao trình độ học vấn, trình độ khoa học - công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp cho phụ nữ.

- Nâng cao vai trò và trách nhiệm của Hội LHPN và UBVSTBPN các cấp trong việc giáo dục, rèn luyện, tổ chức giúp đỡ, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ vươn lên tiếp thu tri thức, làm chủ khoa học - công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp. Đấu tranh bảo vệ những quyền lợi hợp pháp và chính đáng của phụ nữ, trong đó có quyền được học tập nâng cao trình độ, quyền được bình đẳng trong lao động việc làm và các vấn đề khác.

3.3. Đưa tri thức, khoa học công nghệ đến với phụ nữ

Bằng nhiều con đường, nhiều biện pháp linh hoạt để đưa tri thức, khoa học công nghệ đến với phụ nữ.

- Biện pháp cơ bản và lâu dài là giáo dục, đào tạo, trang bị tri thức, khoa học công nghệ cho thế hệ trẻ trong hệ thống của nền giáo dục quốc dân. Đặc biệt chú ý đến nữ sinh để các em được hưởng một nền giáo dục bình đẳng với nam sinh.

- Bồi dưỡng kiến thức, trình độ khoa học, công nghệ cần thiết cho phụ nữ đang trực tiếp tham gia sản xuất, kinh doanh, hoạt động trên các lĩnh vực xã hội khác. Thông qua các sinh hoạt câu lạc bộ (“khuyến nông, khuyến viên”, “nhà nông giúp nhau làm giàu”, câu lạc bộ nữ công nhân, nữ trí thức, nữ doanh nhân để nâng cao hiểu biết về nghề nghiệp, kỹ năng chuyên môn).

- Các cơ quan nghiên cứu cần tìm tòi những ngành nghề mới, những công nghệ mới phù hợp với giới tính của phụ nữ, phát huy được sự tinh tế, khéo léo của phụ nữ, từ đó có thể tạo điều kiện kích thích sự sáng tạo, tri thức của phụ nữ trong xã hội hiện đại.

3.4. Sự tự nỗ lực vươn lên của bản thân phụ nữ

- Bản thân mỗi phụ nữ cần chủ động, nỗ lực học tập, rèn luyện, vươn lên tiếp thu tri thức, làm chủ khoa học - công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp để đáp ứng được các yêu cầu của xã hội và nhiệm vụ được giao.

- Dù môi trường và điều kiện phát triển có thuận lợi đến mấy mà bản thân mỗi phụ nữ không nỗ lực vượt qua mọi khó khăn trở ngại thì các chị cũng không thể vươn lên tiếp thu tri thức, làm chủ khoa học - công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp. Đây là yếu tố có nghĩa quyết định nhất.

- Bên cạnh những thách thức của thời đại, mỗi phụ nữ còn cần vươn lên vượt qua những rào cản xã hội, khắc phục tư tưởng ỉ lại, tự ti, an phận, cam chịu và thụ động trông chờ vào sự giúp đỡ của Đảng, Nhà nước và xã hội.

- Phụ nữ cần tăng cường đoàn kết giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn, phát huy nội lực để vươn lên tiếp thu tri thức, làm chủ khoa học - công nghệ và kỹ năng nghề nghiệp.

IV. TINH THẦN NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO VÀ Ý CHÍ VƯƠN LÊN TRONG CUỘC SỐNG

1. QUAN NIỆM VỀ TINH THẦN NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO, Ý CHÍ VƯƠN LÊN TRONG CUỘC SỐNG VÀ VAI TRÒ CỦA CHÚNG

1.1. Quan niệm về tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên trong cuộc sống

1.1.1. Quan niệm về tinh thần năng động, sáng tạo

Xã hội hiện đại đòi hỏi con người phải có những phẩm chất phù hợp. Bên cạnh những phẩm chất truyền thống, đã trở thành những hằng số như lòng yêu nước, tinh thần nhân văn, cần cù lao động... thì con người trong xã hội mới cũng cần hình thành nên những phẩm chất mới, để đáp ứng những yêu cầu của thời đại mới. Năng động, sáng tạo vừa là một phẩm chất, vừa là một giá trị của con người hiện nay.

Năng động, sáng tạo thể hiện trước hết ở khả năng nắm bắt quy luật của đời sống. Đời sống luôn vận động và biến đổi không ngừng. Đặc biệt, dưới sự tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, tốc độ biến đổi của đời sống trong thế kỷ XXI này lại càng nhanh chóng. Một phát minh của ngày hôm qua rất có thể sẽ trở thành lạc hậu trong ngày hôm nay. Tuy nhiên, dù là xã hội nông nghiệp hay xã hội hậu công nghiệp, xã hội thông tin thì sự vận động của đời sống cũng phải tuân theo những quy luật nhất định. Người năng động, sáng tạo chính là người nhận thức và nắm bắt được quy luật, những yêu cầu của đời sống đặt ra. Từ đó, họ có thể đề ra những phương án hành động phù hợp và hiệu quả.

Năng động, sáng tạo thể hiện sự chủ động của con người trong mọi hoàn cảnh. Người năng động, sáng tạo là người không chấp nhận sự an phận thủ thường. Họ là những người không chấp nhận sự thụ động trong công việc, luôn tìm cách học hỏi và phát huy những sáng kiến cá nhân. Tính tích cực chủ động được họ phát huy cao độ trong tư duy, trong công việc.

Tinh thần năng động, sáng tạo được thể hiện chủ yếu trong học tập, lao động, sản xuất, trong công tác. Không bằng lòng với những lối mòn, người năng động, sáng tạo luôn chủ động tìm cho mình một hướng đi mới, phù hợp với quy luật của đời sống, đồng thời đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý, năng động, sáng tạo không phải là một tố chất bẩm sinh, nó được hình thành trên cơ sở của nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến sự trau dồi về học vấn, kiến thức... Năng động, sáng tạo là những giá trị mới, bổ sung, làm giàu cho bảng thang giá trị của con người Việt Nam.

1.1.2. Quan niệm về ý chí vươn lên trong cuộc sống

Ý chí vươn lên trong cuộc sống trước hết thể hiện ở tinh thần vượt khó. Con người khi sinh ra không phải ai cũng có những hoàn cảnh thuận lợi; tương tự như vậy, trên bước đường đời, không phải lúc nào con người ta cũng được đi trên thảm đỏ. Những khó khăn, thậm chí tai họa có thể xuất hiện bất kỳ lúc nào. Đứng trước những hoàn cảnh đó, con người thường có hai thái độ ứng xử: một là dễ dàng nhụt chí, đầu

hàng trước khó khăn, thất bại; hai là tìm cách để vượt qua những khó khăn thử thách. Người có ý chí vươn lên trong cuộc sống sẽ chọn cách ứng xử thứ hai này. Khó khăn không làm họ nản lòng. Thất bại không làm họ gục ngã. Trái lại, họ tìm mọi cách để vươn lên, làm chủ số phận, làm chủ hoàn cảnh.

Ý chí vươn lên trong cuộc sống thể hiện khát vọng vươn tới những chân giá trị. Những người có ý chí vươn lên chính là những người có khát vọng sống mạnh mẽ. Họ có nhiều ước mơ, hoài bão, chí tiến thủ và nỗ lực để biến ước mơ thành hiện thực. Mỗi người đặt ra mục đích phấn đấu của riêng mình. Có người mong muốn vun vén một gia đình hạnh phúc. Có người phấn đấu để được thăng tiến trong sự nghiệp. Có người khát khao đạt được thành công trong nghiên cứu khoa học. Có những người mong mỏi làm giàu... Họ tìm mọi cách để đạt được mục đích của mình. Tuy nhiên, không phải bất cứ sự nỗ lực để đạt mục đích cá nhân nào cũng đồng nghĩa với ý chí vươn lên trong cuộc sống. Chỉ những người nào đặt ra những mục đích có ý nghĩa, không làm phương hại đến người khác, phấn đấu vì những giá trị đích thực cho bản thân họ hoặc cho cộng đồng, cho xã hội mới được xem là người có ý chí vươn lên trong cuộc sống.

Giữa tinh thần năng động, sáng tạo và ý chí vươn lên trong cuộc sống có mối liên hệ mật thiết với nhau. Tinh thần năng động, sáng tạo giúp cho ý chí vươn lên trong cuộc sống trở thành hiện thực. Nếu chỉ có ý chí vươn lên không thôi thì chưa đủ, nó giống như việc chỉ đặt ra mục tiêu để phấn đấu mà không có phương pháp, kế hoạch hành động thì mục tiêu đó mãi là cái đích xa vời. Sự kết hợp giữa tinh thần năng động, sáng tạo và ý chí vươn lên trong cuộc sống giúp cho con người làm chủ hoàn cảnh, phát huy sáng kiến cá nhân để đạt được những thành công như mong muốn.

1.2. Vai trò của tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên trong cuộc sống của người phụ nữ trong giai đoạn hiện nay

1.2.1. Khẳng định được vị thế của người phụ nữ trong gia đình, xã hội

Đối với người phụ nữ hiện đại, việc trang bị cho mình những phẩm chất như tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên trong cuộc sống là hết sức cần thiết. Như đã trình bày ở trên, tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên trong cuộc sống được hình thành trên nền tảng của tri thức, của sự nắm bắt được những quy luật khách quan của cuộc sống. Khi người phụ nữ có tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên trong cuộc sống tức là họ đã vượt thoát khỏi những định kiến về giới, làm chủ bản thân, làm chủ hoàn cảnh. Sự chủ động này giúp cho người phụ nữ khắc phục được những hạn chế, phát huy được những năng lực của mình. Sự năng động, sáng tạo giúp họ tiếp cận thông tin và trao đổi thông tin, từ đó hình thành những năng lực phi thị trường và những năng lực thị trường. Năng lực phi thị trường đó chính là những kiến thức về giới, về sức khỏe, về cách thức chăm sóc gia đình, con cái... Năng lực thị trường hiểu một cách khái quát nhất chính là khả năng thích ứng với xã hội trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Nó có thể là năng lực sản xuất, kinh doanh, marketing và hàng loạt những kỹ năng nghề nghiệp khác... Như vậy, từ trong khuôn khổ gia đình, khi được trang bị những phẩm chất mới như tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên trong cuộc sống, người phụ nữ có thể tự tin hòa nhập với xã hội. Với những phẩm chất ấy, một mặt, họ vẫn hoàn thành thiên chức của người mẹ, vai trò của

người vợ trong gia đình, mặt khác, họ lại có những đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội. Vị thế của người phụ nữ, do đó, càng được khẳng định.

1.2.2. Đóng góp vào sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước

Dù quan niệm trọng nam khinh nữ vẫn còn ở chỗ này, chỗ kia, dù cuộc đấu tranh vì sự tiến bộ của phụ nữ vẫn đang tiếp tục, nhưng không thể phủ nhận một thực tế rằng nữ giới ngày càng có nhiều đóng góp đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia. Với tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên trong cuộc sống, nhiều tấm gương phụ nữ đạt thành công xuất sắc trên tất cả các lĩnh vực đã xuất hiện.

Ở Việt Nam, lực lượng lao động nữ hiện đang chiếm ưu thế ở các ngành nghề như nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngân hàng, marketing, kinh doanh, tổ chức nhân sự, may mặc, thủy sản... Những câu lạc bộ nữ doanh nhân ngày càng kết nạp thêm nhiều gương mặt mới. Từ miền ngược đến miền xuôi, từ nông thôn đến thành thị, đâu đâu ta cũng có thể gặp những gương mặt phụ nữ làm kinh tế giỏi. Không chỉ dừng lại kinh tế hộ gia đình như trong xã hội truyền thống, nhiều phụ nữ đã đảm nhiệm vai trò đứng đầu những công ty, tổng công ty lớn mà phạm vi sản xuất, kinh doanh mở rộng ra ngoài biên giới quốc gia. Phụ nữ Việt Nam đã đóng góp một phần không nhỏ trong tỷ trọng GDP. Chính tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên trong cuộc sống đã khiến nhiều phụ nữ không cam chịu hoàn cảnh, nỗ lực vươn lên, làm giàu cho gia đình, cho đất nước.

Cũng chính nhờ phát huy tính năng động, sáng tạo mà người phụ nữ có thể làm tốt hơn những thiên chức của mình như nuôi dưỡng, giáo dục con cái, bảo tồn và trao truyền văn hóa cho thế hệ sau. Ở khía cạnh này, người phụ nữ đóng góp phần không nhỏ vào sự phát triển văn hóa dân tộc, vào sự ổn định và tiến bộ của xã hội.

2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TINH THẦN NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO, Ý CHÍ VƯƠN LÊN TRONG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

2.1. Không chấp nhận “số phận”, hoàn cảnh

Do ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, trong văn hóa truyền thống Việt Nam, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam gắn với việc bếp núc, chăm sóc gia đình, con cái. Dĩ nhiên, đó là một phần thiên chức của người phụ nữ, nhưng khi bị tuyệt đối hóa hoạt động trong phạm vi gia đình, vô tình đã tước đi của người phụ nữ những năng lực, phẩm chất đáng quý khác. Trong xã hội ngày nay, mặc dù công cuộc giải phóng phụ nữ đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, nhưng tư tưởng trọng nam, khinh nữ, "nữ nhân nan hóa" (phụ nữ khó dạy bảo)... vẫn còn khá phổ biến. Do vậy, nội dung cơ bản đầu tiên của tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên trong cuộc sống của người phụ nữ hiện đại chính là phải biết vượt qua những định kiến của xã hội, không cam chịu trôi mình trong những quan niệm cũ kỹ, lạc hậu.

Bên cạnh đó, nhiều phụ nữ được sinh ra có thể bị xô đẩy đến những hoàn cảnh éo le, nếu như nhắm mắt buông xuôi, phó mặc cho số phận thì sẽ dẫn đến những bi kịch. Người phụ nữ có ý chí sẽ không dễ dàng đầu hàng số phận. Họ tìm mọi cách để cải tạo hoàn cảnh, vượt qua những khó khăn, thử thách.

2.2. Chủ động trong công việc

Nhiều vấn đề, nhiều tình huống mới liên tục xuất hiện trong xã hội hiện đại, chỉ với đức tính cần cù, chịu khó, chịu đựng gian khổ như các bà, các mẹ, các chị trong truyền thống thì chưa đủ để giải quyết những mâu thuẫn đặt ra. Do đó, người phụ nữ hiện đại cần phải năng động, sáng tạo, có cách suy nghĩ, giải quyết công việc khác trước, không theo nếp cũ, kinh nghiệm cũ. Tính độc lập, sáng tạo của mỗi cá nhân, sự đổi mới trong tư duy, chủ động trong công việc hết sức cần thiết đối với mỗi người phụ nữ hôm nay.

Người phụ nữ năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên luôn đặt ra mục tiêu phấn đấu cho bản thân. Đó có thể là mục tiêu trước mắt hoặc mục tiêu lâu dài, cũng có thể là mục tiêu về kinh tế, về nghề nghiệp... Song dù là mục tiêu gì thì họ cũng luôn chủ động suy nghĩ tìm tòi những bước đi thích hợp để đạt được mục tiêu đó.

Để vượt qua những định kiến về giới, để khẳng định vị thế của mình, không có sự lựa chọn nào khác, người phụ nữ phải biết lên kế hoạch học tập, làm việc, cân bằng giữa công việc và gia đình. Khái niệm học tập ở đây được hiểu theo nghĩa rộng. Học ở trường, ở lớp là một cách. Nhưng có những phụ nữ không có điều kiện học cao, họ có thể tự học, tự cải thiện vốn kiến thức bản thân thông qua những con đường khác nhau. Sự năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên sẽ thôi thúc và giúp họ tìm ra cách tối ưu để chiếm lĩnh tri thức. Từ vốn tri thức đó, họ có thể vận dụng vào chăm sóc gia đình, vào công việc của bản thân.

2.3. Biết nắm lấy cơ hội, phát huy sáng kiến cá nhân, dám nghĩ, dám làm

Người phụ nữ năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên trong cuộc sống rất nhanh nhạy trong việc nắm bắt các cơ hội, tận dụng thời cơ để đạt được mục tiêu phấn đấu của mình. Sở dĩ có đặc điểm này vì họ nhận thức được quy luật của cuộc sống, thấy được xu thế vận động của hiện thức khách quan.

Các nghiên cứu khoa học đã chỉ ra rằng, về mặt trí tuệ, phụ nữ có những điểm mạnh của mình. Chính vì vậy, nhiều phụ nữ đã rất thành đạt trong sự nghiệp, đặc biệt là những nghề nghiệp liên quan đến tính nữ. Khi người phụ nữ đã làm chủ được bản thân, chủ động tham gia vào việc học tập và làm việc, họ sẽ phát huy được những năng lực của bản thân, đưa ra nhiều quyết định, nhiều ý kiến có giá trị. Những tấm gương của các nữ doanh nhân thành đạt hoặc các nhà khoa học nữ đã minh chứng cho điều đó. Sự năng động sáng tạo, ý chí vươn lên đã thôi thúc họ không ngừng tìm kiếm những hướng đi mới trong công việc. Sự kiên trì, nhẫn nại, sự mềm dẻo, linh hoạt của nữ tính, sự say mê trong công việc đã giúp họ thành công.

Người phụ nữ năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên đồng thời cũng chính là những người dám nghĩ, dám làm. Họ dám chịu trách nhiệm về những hành vi của mình trước tập thể.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM GIỮ GÌN, PHÁT HUY TINH THẦN NĂNG ĐỘNG, SÁNG TẠO, Ý CHÍ VƯƠN LÊN TRONG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1. Bản thân người phụ nữ phải tự ý thức học hỏi, chủ động vươn lên

Để giữ gìn được những phẩm chất truyền thống, tích hợp và phát huy những phẩm chất hiện đại, đáp ứng yêu cầu của cuộc sống, của xã hội, trước hết tự bản thân mỗi người phụ nữ phải có ý thức học hỏi, trau dồi vốn văn hóa, vốn tri thức của mình. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng cho rằng, sự tiến bộ của người phụ nữ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, ngoài sự quan tâm của Đảng, Chính phủ thì một nhân tố có ý nghĩa quyết định chính đến sự tiến bộ của phụ nữ chính là mỗi phụ nữ và cả giới nữ phải tự vươn lên khẳng định mình. Trong nhiều bài viết, nhiều cuộc nói chuyện, Người luôn chân thành khuyên nhủ và yêu cầu chị em phụ nữ "không nên ngồi chờ Chính phủ, chờ Đảng ra chỉ thị giải phóng cho mình mà tự mình phải tự cường, phải đấu tranh"³⁰, "phải quyết tâm học tập, phát huy sáng kiến, tin tưởng ở khả năng của mình, nâng cao tinh thần tập thể, đoàn kết giúp đỡ nhau"³¹, "phải xóa cái tâm lý tự ti và ỷ lại; phải có ý chí tự cường, tự lập; phải nâng cao lên mãi trình độ chính trị, văn hóa, kỹ thuật"³².

Ở Việt Nam, quá trình công nghiệp hóa đã đưa nhiều phụ nữ từ đồng ruộng vào nhà máy làm công nhân. Còn đối với các nữ nông dân, họ cũng buộc phải có những kiến thức, kỹ năng nhất định về cơ khí hóa để có thể tiến hành sản xuất. Nhiều khâu lao động chân tay do đông đảo phụ nữ đảm nhiệm sẽ chuyển sang nửa cơ giới, cơ giới và tự động hóa, ví dụ trong các ngành nông lâm nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, trong công nghiệp nhẹ và các ngành dịch vụ. Nhìn một cách tổng thể, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang đòi hỏi việc trí thức hóa người lao động nữ, đào tạo nhân lực nữ có trình độ cao, biết ứng dụng các công nghệ mới vào sản xuất.

Thực tế cho thấy trình độ văn hóa, nghề nghiệp của số đông PN hiện còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Do vậy, PN cần quyết tâm nâng cao năng lực bản thân, tranh thủ cơ hội, điều kiện để tự học và tham gia các lớp học. Học tập là chìa khóa để người phụ nữ mở cánh cửa hội nhập với xã hội, với thế giới.

3.2. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội về sự bình đẳng giới, về vai trò của người phụ nữ trong phát triển

Cho đến những năm đầu thế kỷ XXI này, mục tiêu vì sự tiến bộ của phụ nữ ở Việt Nam đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, được thế giới công nhận. Vị thế của người phụ nữ trong gia đình, trong xã hội được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, tư tưởng trọng nam khinh nữ vẫn còn tồn tại không chỉ ở các làng quê, mà ngay cả trong những cơ quan, xí nghiệp... Sự hạn chế về nhận thức này dẫn đến việc người phụ nữ không phát huy được khả năng của mình hoặc những nỗ lực, cống hiến của người phụ nữ không được đánh giá đúng mức. Chính vì vậy, cần tiếp tục nâng cao nhận thức của toàn xã hội về sự bình đẳng giới, về vai trò của người phụ nữ trong phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước.

Nhận thức là một quá trình. Việc nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của người phụ nữ cần phải được tiến hành thường xuyên và rộng khắp. Trước hết, vấn đề này cần được đưa vào hệ thống giáo dục quốc dân. Việc lồng ghép vấn đề giới vào trong chương trình sách giáo khoa các cấp học là cần thiết. Thêm vào đó, giáo dục nhà

³⁰ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tập 9, trang 524.

³¹ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tập 10, trang 185.

³² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tập 10, trang 295.

trường cần quan tâm hơn đến nữ học sinh, sinh viên, đặc biệt là những nữ học sinh, sinh viên vùng sâu, vùng xa, là người dân tộc thiểu số.

3.3. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phụ nữ

Trong những năm vừa qua, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm đến việc tạo điều kiện cho mỗi người trong xã hội, trong đó có phụ nữ, được phát triển một cách toàn diện. Văn kiện các kỳ Đại hội Đảng luôn đề cập đến việc chăm sóc và phát huy vai trò của người phụ nữ. Hệ thống các văn bản pháp luật, từ Hiến pháp cho tới các bộ luật đã quan tâm đến vấn đề giới, đến việc bảo vệ quyền và nghĩa vụ của người phụ nữ. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách tạo điều kiện cho người phụ nữ có cơ hội học tập, phát triển và cống hiến. Tuy nhiên, trong thực tế, người phụ nữ vẫn bị ràng buộc bởi những định kiến giới. Chính vì thế, cần tiếp tục thể chế hóa một cách rõ ràng, chi tiết hơn nữa về quyền lợi và nghĩa vụ của người phụ nữ trong các bộ luật, đặc biệt là Bộ Luật Lao động và Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới... Song song với việc hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, cần có những chế tài xử phạt nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm; đồng thời tăng cường hoạt động của các cơ quan giám sát, kiểm tra việc thực thi pháp luật bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ.

3.4. Phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội, đặc biệt là Hội LHPN

Để tạo điều kiện cho người phụ nữ phát huy được tính năng động, sáng tạo, giúp họ vươn lên trong cuộc sống thì rất cần sự ủng hộ, tạo điều kiện của các đoàn thể chính trị - xã hội. Các cấp ủy Đảng và các tổ chức chính trị, xã hội khác như ĐTN, Công đoàn, MTTQ... cần đưa vấn đề vì sự tiến bộ của người phụ nữ trở thành một nội dung trong chương trình hoạt động của mình.

Đặc biệt, để tạo điều kiện cho người phụ nữ phát huy được vai trò của mình nói chung và để phát huy được tính tích cực, sáng tạo, ý chí vươn lên trong cuộc sống nói riêng, Hội LHPN cần tiếp tục cải tiến bộ máy tổ chức, phương thức lãnh đạo cũng các hình thức sinh hoạt, đồng thời cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Thứ nhất, cần khẳng định hơn nữa chức năng, nhiệm vụ đại diện và bảo vệ lợi ích của người phụ nữ của Hội LHPN; đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò của người PN trong xã hội. Bảo vệ lợi ích của người phụ nữ phải trở thành mục tiêu tồn tại của Hội LHPN, cần được cụ thể hoá thành các nội dung hoạt động của Hội trong mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa và đời sống xã hội, còn mức độ thực hiện hiệu quả chức năng này phải là thước đo và tiêu chí chủ yếu đánh giá tính đúng đắn trong các hoạt động của Hội LHPN.

Thứ hai, Hội LHPN phải tuyên truyền, phổ biến và trang bị các kiến thức về giới, về sự tiến bộ của phụ nữ, về pháp luật cho chị em, đặc biệt là Bộ Luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bình đẳng giới... Làm cho mỗi phụ nữ hiểu chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhận thức được quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình để tuân thủ và thực hiện.

Thứ ba, Hội LHPN cần tham gia tích cực việc xây dựng các văn bản liên quan đến vấn đề phụ nữ, có kiến nghị, tham mưu với Đảng, Nhà nước, Quốc hội trong việc ban hành các chính sách, luật pháp có liên quan đến vấn đề giới.

Hội LHPN và các tổ chức cơ sở của mình phải tiến hành kiểm tra giám sát thường xuyên việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới, một mặt nhằm đôn đốc, thúc đẩy quá trình triển khai cuộc đấu tranh vì sự tiến bộ của người phụ nữ, bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ, mặt khác nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh các vi phạm làm tổn hại đến quyền lợi của người phụ nữ.

Tóm lại, trong rất nhiều những phẩm chất mà người phụ nữ hiện đại cần trau dồi thì tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí vươn lên trong cuộc sống là điều không thể thiếu. Nó góp phần quan trọng trong việc giúp người phụ nữ khẳng định được vị thế của mình, giúp họ phát huy được những sở trường, đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước. Văn kiện Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ X đã khẳng định tinh thần năng động, sáng tạo là một trong những chuẩn mực mà người phụ nữ Việt Nam cần đạt tới: “Người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, tri thức, , năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu”⁽¹⁾.

V. Ý THỨC XÂY DỰNG LỐI SỐNG VĂN HÓA

1. QUAN NIỆM VỀ LỐI SỐNG VĂN HÓA VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC XÂY DỰNG LỐI SỐNG VĂN HÓA

1.1. Lối sống văn hóa

1.1.1. Khái niệm lối sống

Hiện nay, có rất nhiều cách định nghĩa khác nhau về phạm trù lối sống, cũng có nhiều thuật ngữ khác nhau để diễn đạt cách hiểu về lối sống, tùy theo góc tiếp cận của mỗi nhà nghiên cứu.

Thông thường thuật ngữ *lối sống* được sử dụng để mô tả và kèm theo đó là sự đánh giá, định giá về một kiểu hoạt động sống nào đó. Ví dụ: lối sống giản dị, lối sống xa hoa, lối sống lành mạnh, lối sống sa đọa, lối sống giả tạo, lối sống công nghiệp, lối sống hiện đại, lối sống thành thị, lối sống nông thôn,...

Mặc dù cách hiểu về lối sống rất phong phú, nhưng có thể quy các ý kiến thành hai khuynh hướng chính.

Khuynh hướng thứ nhất cho rằng: không phải bất cứ hoạt động sống, bất cứ phương thức tiến hành hoạt động sống nào của con người cũng đều được coi là lối sống, mà chỉ những hoạt động sống và phương thức tiến hành các hoạt động sống được lặp đi lặp lại, có tầm ảnh hưởng mạnh và độ phổ biến cao trong đa số cá thể của một nhóm, một cộng đồng người hay trong toàn xã hội thì mới được coi là lối sống và các biểu hiện của lối sống. Đương nhiên, khi một lối sống mới ra đời thì tầm ảnh hưởng, tính phổ biến và tần suất lặp lại của nó sẽ không cao.

Khuynh hướng thứ hai quan niệm: lối sống là tất cả những hoạt động sống và phương thức tiến hành các hoạt động sống được một bộ phận lớn hoặc toàn thể các nhóm, các cộng đồng người chấp nhận và thực hành trong một khoảng thời gian tương đối ổn định, trong một môi trường cụ thể.

⁽¹⁾ Văn kiện ĐHĐBPN toàn quốc lần thứ X – NXBPN, H 2007, Tr48

Để làm điểm tựa cho bài viết của mình, chúng tôi xin được đưa ra một quan niệm về ***lối sống*** như sau:

*“Lối sống của con người là các chiều cạnh chủ quan của văn hóa, là quá trình hiện thực hóa các giá trị văn hóa thông qua hoạt động sống của con người. Lối sống bao gồm tất cả những hoạt động sống và phương thức tiến hành các hoạt động sống được một bộ phận lớn hoặc toàn thể nhóm hay cộng đồng người chấp nhận và thực hành trong một khoảng thời gian tương đối ổn định, đặt trong mối tương tác biện chứng của các điều kiện sống hiện hữu và trong các mối liên hệ lịch sử của chúng.”*³³

Như vậy, là một thành tố của văn hóa, một phương thức tồn tại và biểu hiện của văn hóa, lối sống dĩ nhiên phải có liên quan mật thiết với văn hóa nhưng nó không hoàn toàn đồng nhất với văn hóa.

Lối sống cũng không đồng nhất với hoạt động sống bởi thực chất giữa chúng chỉ là mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, giữa cái đặc thù và cái phổ biến. Lối sống hình thành và thể hiện ở mọi lĩnh vực của cuộc sống, dưới hai hình thức: lối sống cá nhân và lối sống tập thể.

Dưới tác động của kinh tế xã hội, của môi trường văn hóa và điều kiện tự nhiên, lối sống không đứng yên mà luôn vận động và biến đổi, song không phải lúc nào cũng biến đổi theo chiều hướng tích cực.

1.1.2. Khái niệm văn hóa

Văn hóa là khái niệm mang nội hàm rộng với rất nhiều cách hiểu khác nhau, liên quan đến mọi mặt đời sống vật chất và tinh thần của con người. Vì thế, không ít người đã đồng nhất nó với lối sống.

Trong cuộc sống hàng ngày, văn hóa thường được hiểu là văn học, nghệ thuật như thơ ca, âm nhạc, hội họa, sân khấu, điện ảnh. Khi nói các "trung tâm văn hóa", "nhà văn hóa" chính là nói theo cách hiểu này.

Một cách hiểu thông thường khác: *văn hóa* là trình độ sống của mỗi người, thể hiện qua cách ăn uống, ăn ở, ăn mặc, đi đứng, nói năng, cư xử với thiên nhiên, với mọi người và với chính bản thân người đó trong các hoàn cảnh khác nhau. Trong trường hợp này, văn hóa là thước đo trình độ sống của con người và các cấp độ được đánh giá sẽ là: trình độ *văn hóa cao*, trình độ *văn hóa thấp*; hoặc người *có văn hóa* và người *vô văn hóa*.

Theo *Từ điển triết học*, “văn hóa” được định nghĩa như sau:

*“Nói đến văn hoá là nói đến toàn bộ giá trị vật chất và tinh thần do nhân dân sáng tạo ra trong quá trình lịch sử của mình.”*³⁴

Ở các nước phương Tây, văn hoá bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp *cultus*, nghĩa ban đầu của *cultus* là *vỡ đất, gieo trồng cây cối, làm nông nghiệp*. Đến cuối thời kỳ Cổ đại khái

³³ Phạm Hồng Tung, *Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận*, tạp chí Khoa học, đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 23, năm 2007, trang 271-278

³⁴ *Từ điển triết học*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1972, trang 937

niệm được phát triển thêm nghĩa trừu tượng để nói đến sự phát triển tinh thần, trí tuệ của con người và có thêm nghĩa là *trông người* (giáo dưỡng).

Theo quan niệm Trung Hoa cổ đại, văn hoá có thể hiểu là giáo hóa cái đẹp cho con người. Như thế văn hóa có thể coi là quan niệm về cái đẹp của một cộng đồng mà quan niệm về cái đẹp của mỗi cộng đồng thường không giống nhau. Sự khác nhau trong quan niệm về cái đẹp tạo ra cái đẹp riêng đã làm nên nét độc đáo, khác biệt, nét cá tính hay còn gọi là *bản sắc* của mỗi cộng đồng. Đó là cơ sở để hình thành nên hai nền văn hóa phương Đông và phương Tây, văn hóa của mỗi quốc gia, văn hóa của từng dân tộc trong một quốc gia đa dân tộc, văn hóa vùng miền, văn hóa làng xã và văn hóa gia đình.

Dĩ nhiên, văn hoá không đồng nhất với văn minh bởi vì văn minh thường gắn với trình độ kỹ thuật, trình độ sản xuất của một xã hội nên luôn biến đổi. Còn văn hoá là kiểu lựa chọn, là cách quan niệm về cái đẹp của mỗi cộng đồng nên thường ổn định. Có thể nói, nếu văn minh là mặt động của một xã hội thì văn hoá chính là mặt tĩnh của xã hội đó. Cho nên có những dân tộc còn lạc hậu, chưa văn minh nhưng vẫn có nền văn hoá riêng hết sức độc đáo.

1.1.3. Lối sống văn hóa

Từ cách hiểu về lối sống và văn hóa ở trên, chúng tôi xin được đưa ra quan niệm của mình về lối sống văn hóa và lối sống văn hóa lành mạnh.

Lối sống văn hóa là những thói quen hành xử đẹp đẽ của cá nhân hoặc của một cộng đồng.

1.1.4. Lối sống văn hóa lành mạnh

Theo nghĩa từ Hán Việt: lành là tốt, mạnh là khỏe. Vậy “lành mạnh là ở trạng thái không có bệnh tật, không có những mặt, những biểu hiện xấu.”³⁵

Lối sống văn hóa lành mạnh là những thói quen hành xử đẹp, đã được kiểm nghiệm trong cuộc sống, phù hợp với thị hiếu của đa số dân chúng trong xã hội. Lối sống văn hóa lành mạnh là lối sống chuẩn mực, tiến bộ, được mọi người trong xã hội thừa nhận và có tác động tích cực đối với sự phát triển của xã hội.

Người có lối sống văn hóa lành mạnh là người có kiến thức, có hiểu biết, luôn hướng tới giá trị chân - thiện - mỹ: luôn hiểu và tôn trọng mọi người và tôn trọng chính mình, luôn biết mang lại những giá trị tinh thần cho mọi người và cho bản thân họ.

1.2. Ý nghĩa của việc xây dựng lối sống văn hóa lành mạnh

Khi nói đến ý nghĩa của lối sống văn hóa lành mạnh thực chất là bàn đến tác động tích cực của nó đến quá trình phát triển chung của đời sống văn hóa xã hội và đời sống riêng của mỗi cá nhân

1.2.1. Với xã hội

Lối sống văn hóa lành mạnh là một yếu tố vô cùng quan trọng để xây dựng một xã hội tốt đẹp, công bằng, dân chủ, văn minh.

³⁵ *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội- trung tâm Từ điển học, Hà Nội Việt Nam, năm 1994, trang 524

Mục đích mà dân tộc ta đang hướng tới hiện nay là xây dựng một xã hội tốt đẹp dân chủ, công bằng, văn minh. Lối sống văn hóa lành mạnh chính là sự biểu hiện rõ nhất bản chất của một xã hội tốt đẹp, một xã hội “người với người sống để yêu nhau” (Tố Hữu). Rõ ràng, lối sống văn hóa lành mạnh chỉ xuất hiện ở những người có kiến thức, có nhân cách tốt, chỉ được hình thành và nuôi dưỡng trong một xã hội văn minh, dân chủ, công bằng. Bởi vì, văn hóa chính là nội lực, mà nội lực làm nên thực lực- điều kiện tiên quyết để tạo ra những cạnh tranh lành mạnh. Chỉ có cạnh tranh lành mạnh mới làm cho xã hội trở thành một xã hội tốt đẹp, dân chủ, công bằng, văn minh.

Lối sống văn hóa lành mạnh là nền tảng để xã hội phát triển bền vững.

Trong bài nói chuyện tại lớp học chính trị của giáo viên cấp II, III toàn miền Bắc, ngày 13/9/1958, nhà văn hóa Hồ Chí Minh đã chỉ rõ:

Vì lợi ích mười năm phải trồng cây.

Vì lợi ích trăm năm phải trồng người³⁶.

Theo Người, văn hóa chính là nền tảng của sự phát triển bền vững. Có nghĩa là một xã hội chỉ có thể phát triển bền vững trên cơ sở một nền tảng văn hóa vững chắc. Là dạng biểu hiện cụ thể của văn hóa, lối sống văn hóa lành mạnh sẽ góp phần quan trọng vào việc tạo ra một môi trường xã hội tốt đẹp, tạo ra một bầu không khí trong lành, giúp xã hội ổn định và phát triển dài lâu.

Như vậy, muốn xây dựng nền văn hóa phải bắt đầu từ việc xây dựng lối sống văn hóa lành mạnh. Dĩ nhiên, lối sống luôn có mối quan hệ hữu cơ với văn hóa, chính trị, kinh tế, khoa học... của thời đại đã sản sinh ra nó.

1.2.2. Với cá nhân

Lối sống văn hóa lành mạnh mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho mỗi con người

Lối sống văn hóa lành mạnh chỉ có được ở những con người khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần, chỉ có được ở những cộng đồng văn hóa, nơi mà mỗi người luôn có ý thức mang lại những giá trị tinh thần cho mọi người và cho chính mình. Hiện nay, khi vật chất đã khá đủ đầy, con người rất cần hưởng thụ những giá trị tinh thần mà cuộc sống yên vui, hạnh phúc là nhu cầu tinh thần lớn nhất của mỗi cá nhân là khát vọng muôn thuở của nhân loại. Lối sống lành mạnh hình thành nên môi trường lý tưởng để mỗi cá nhân có thể có được cuộc sống yên vui, hạnh phúc.

Lối sống văn hóa lành mạnh góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống con người.

Lối sống văn hóa lành mạnh luôn tạo điều kiện, cơ hội để mọi cá nhân phát triển và hoàn thiện nhân cách của mình; từ đó có đầy đủ phẩm chất, năng lực để đạt được mọi thành công và có được cuộc sống tự do, có đủ điều kiện để hưởng thụ những giá trị vật chất và tinh thần cao quý. Như thế, lối sống văn hóa lành mạnh đã tạo nên những nhân cách đẹp đẽ, làm cho cuộc sống của mỗi con người thêm ý nghĩa, chứng tỏ, nó đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi con người.

³⁶ Hồ Chí Minh, *Bài nói chuyện tại lớp học chính trị của giáo viên cấp II, cấp III toàn miền Bắc, ngày 13/9/1958*, đăng báo Nhân Dân, số 1645, ra ngày 14/9/1958; về sau đưa vào sách “*Hồ Chí Minh - Tuyển tập*”, tập II, NXB Sự Thật, Hà Nội- 1980, trang 93.

1.2.3. Với những người phụ nữ

Lối sống văn hóa lành mạnh làm cho niềm vui và hạnh phúc của người phụ nữ được nhân đôi

Sở dĩ lối sống văn hóa lành mạnh có thể làm cho niềm vui, niềm hạnh phúc ở người phụ nữ được nhân đôi, bởi vì so với nam giới phụ nữ thường giàu tình cảm hơn, nhu cầu tình cảm của phụ nữ lớn hơn, nên ảnh hưởng của tình cảm tới chất lượng cuộc sống của chị em cũng lớn hơn rất nhiều.

Lối sống văn hóa lành mạnh ở người phụ nữ có khả năng phát huy tác dụng kép

Không chỉ có ý nghĩa đối với bản thân chủ thể (người phụ nữ) mà qua khả năng cảm hóa của người phụ nữ, lối sống văn hóa lành mạnh còn có tác động tới các thành viên trong gia đình và ngoài xã hội. Người phụ nữ là cô giáo đầu tiên của các con, là người có nhiệm vụ thấp sáng và giữ ngọn lửa ấm trong trái tim từng thành viên của gia đình, vì thế lối sống văn hóa lành mạnh ở họ đã luôn phát huy được tác dụng kép.

2. Ý THỨC XÂY DỰNG LỐI SỐNG VĂN HÓA CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM

2.1. Nội dung của lối sống văn hóa ở người phụ nữ trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

2.1.1. Những biểu hiện của lối sống văn hóa của con người VN trong hiện tại

Tích hợp những giá trị truyền thống quý báu của dân tộc với giá trị tinh hoa của nhân loại, lối sống văn hóa lành mạnh của con người Việt Nam hiện đại được biểu hiện trong cuộc sống như sau:

- Lối sống văn hóa lành mạnh trong giai đoạn CNH, HĐH đất nước chính là lối sống công nghiệp, khoa học, năng động, ham học hỏi, nghiêm túc, khiêm nhường, lịch lãm mà không xa hoa, điều độ, ngăn nắp, vệ sinh, yêu lao động, quý thời gian, ít ham muốn vật chất, quyền chức, danh lợi.

- Quan hệ giữa con người cởi mở, chân tình, ân cần, tế nhị, giàu lòng thương yêu, biết quý trọng và quan tâm đến mọi người; với mình nghiêm khắc; với người độ lượng.

2.1.2. Biểu hiện của người phụ nữ có lối sống văn hóa

Do đặc điểm của thời đại và của thiên tính nữ, so với lối sống chung của mỗi công dân trong giai đoạn CNH, HĐH đất nước, lối sống của người phụ nữ còn mang thêm những nét sắc thái riêng. Đó là *lối sống trẻ trung, năng động, cần kiệm, giàu tình cảm, tinh tế, biết sẻ chia, biết ăn ở: mềm mỏng, biết điều, bao dung độ lượng, khôn khéo, biết hy sinh khi cần thiết; tinh táo, thông minh mà không lạnh lùng, luôn biết điều chỉnh mình cho phù hợp hoàn cảnh.*

Tất cả những người phụ nữ thông minh, có trái tim nhạy cảm đều biết lựa chọn cách ứng xử đẹp để sao cho vừa đẹp lòng người và vừa thuận ý mình.

2.2. Ý thức xây dựng lối sống văn hóa lành mạnh

Để có lối sống lành mạnh, trước hết con người cần phải có những kiến thức cơ bản và toàn diện, bởi kiến thức chính là chất liệu của tư duy và mọi sự thành công đều có

nguyên nhân là kiến thức. Ngoài những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức văn hóa nền, phụ nữ cần rèn luyện kỹ năng sống, rèn luyện phẩm chất, đạo đức và rèn luyện thể lực, biết ứng xử, biết làm đẹp... để bản thân ngày một hoàn thiện.

2.2.1. Ý thức vươn lên làm chủ kiến thức

- *Ý thức vươn lên làm chủ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ*

Muốn làm ăn giỏi, con người phải có được những hiểu biết sâu sắc, kỹ càng về công việc chuyên môn nghiệp vụ của mình. Nghề nào cũng quý, nghề nào cũng có sự thành đạt nếu có niềm say mê, ham học hỏi để có kiến thức nghề nghiệp tinh thông. Sự học ở đây không chỉ dừng lại ở mức độ học cho biết, học để hiểu mà học để làm việc và cao nhất học để sáng tạo. Dĩ nhiên, trí tuệ sẽ mang lại cho mỗi người một công việc tốt, giúp người đó có thể kiếm sống một cách đàng hoàng. Đó là cơ sở đầu tiên giúp cho một người có thể tạo dựng được một đời sống lành mạnh.

- *Có ý thức trau dồi những tri thức cơ bản*

Để nâng cao chất lượng sống của mình, người phụ nữ thời nay cần phải vươn lên nắm bắt những tri thức cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Những tri thức cơ bản còn giúp người phụ nữ nhận thức, đánh giá được những quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội... chủ động tham gia vào đời sống cộng đồng, tổ chức cuộc sống gia đình và cá nhân. Những kiến thức cơ bản cũng giúp cho người phụ nữ trong ứng xử, giao tiếp xã hội và gia đình, có được sự hài hòa và niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống.

Vì vậy trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước hướng tới mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh-người phụ nữ không chỉ vươn lên làm chủ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, mà từng bước phải trau dồi các kiến thức cơ bản sau: kiến thức về kinh tế, luật pháp, triết học, lịch sử; Kiến thức về tâm lý, giáo dục, xã hội học; kiến thức về văn hóa nghệ thuật, thẩm mỹ nói chung...

2.2.2. Ý thức tu dưỡng đạo đức, giữ gìn vẻ đẹp hình thể, rèn luyện kỹ năng sống, không ngừng vươn lên để hoàn thiện chính mình

- *Ý thức tu dưỡng đạo đức*

Lối sống văn hóa lành mạnh đòi hỏi người phụ nữ phải có ý thức tu dưỡng đạo đức, không ngừng vươn lên để hoàn thiện chính mình. Vẫn biết, ở thời hiện đại, nội dung khái niệm *tứ đức* tuy có những thay đổi cho phù hợp nhưng mỗi người phụ nữ dù ở thời đại nào muốn sống tử tế, đàng hoàng đều phải cần *công* (có một nghề để kiếm sống sống và sự khéo léo), *dung* (dung mạo, hình thức dễ coi), *ngôn* (ăn nói dễ nghe), *hạnh* (hạnh kiểm tốt). Và đứng đầu bảng giá trị của nữ hạnh chính là tấm lòng nhân hậu, biết yêu thương, chia sẻ với mọi người

- *Ý thức giữ gìn vẻ đẹp hình thể*

Là phái đẹp phụ nữ phải thấy rõ được vai trò của nhan sắc trong việc tôn vinh giá trị con người. Xin đừng quên rằng, hơn bao giờ hết hiện nay, hình thức đã trở thành một kênh của giá trị, là một thành tố quan trọng làm nên lối sống văn hóa lành mạnh. Vì thế chị em cần có ý thức thường xuyên rèn luyện để luôn giữ cho mình một vẻ đẹp âm áp và

tỏa sáng (âm áp của trái tim và tỏa sáng của trí tuệ), một thân thể khỏe mạnh, rắn chắc, gợi cảm ...

- *Ý thức rèn luyện kỹ năng sống*

Mặt khác, trong xã hội hiện đại người phụ nữ càng phải có ý thức rèn luyện kỹ năng sống bởi xã hội hôm nay vận động quá nhanh, khó có thể đoán trước được điều gì sẽ xảy ra. Kỹ năng sống gồm: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học tập, kỹ năng làm việc, kỹ năng chăm sóc nuôi dạy con cái, kỹ năng nội trợ, kỹ năng làm đẹp, kỹ năng quản lý và đồng thời cũng rất cần quan tâm đến kỹ năng làm mẹ, làm vợ, vì đây chính là một bí quyết để làm nên hạnh phúc gia đình. Có được các kỹ năng sống con người mới không cảm thấy lúng túng khi đóng vai trò kép: vừa giỏi việc nước vừa đảm việc nhà, đặc biệt khi gặp phải những biến cố rủi ro, bất trắc, hoặc phải đối diện với thiên tai địch họa bất ngờ. Trong những trường hợp ấy, kỹ năng sống sẽ giúp chị em luôn bình tĩnh để giải quyết ổn thỏa mọi vấn đề và có thể đồng thời hoàn thành nhiệm vụ xã hội giao phó, làm tốt chức năng nội trợ và nuôi dạy con cái thành đạt.

Song song với việc tích cực học hỏi để không ngừng tiến bộ, người phụ nữ hiện đại còn có ý thức hạn chế khiếm khuyết, sửa bỏ những hành vi chưa đẹp để dần dần mỗi cá nhân sẽ trở nên hoàn thiện. Trời sinh ra không phải ai cũng may mắn có hình thể đẹp, có giọng nói dễ thương, có tính nết dịu dàng, có đôi bàn tay khéo léo, có năng lực và trí tuệ tốt... nhưng xin hãy lạc quan và tin tưởng rằng, không có người phụ nữ xấu, cũng không có người phụ nữ kém, nếu chúng ta biết được hạn chế của mình, nỗ lực phấn đấu thì nhất định *lối sống văn hóa lành mạnh* sẽ như một chiếc đũa nhiệm màu sẽ giúp chị em đẹp dần lên trong mắt mọi người.

2.2.3. Ý thức vươn lên để có điều kiện hưởng thụ và nâng cao chất lượng cuộc sống

Càng ngày, con người càng có xu hướng vươn lên để được hưởng thụ giá trị văn hóa tinh thần nhưng muốn hưởng thụ giá trị văn hóa tinh thần bắt buộc phải có những điều kiện nhất định. Đó là :

- Có cơ sở vật chất cần thiết;
- Có đủ thời gian cho hưởng thụ giá trị tinh thần;
- Có hiểu biết và có sự tinh tế của tâm hồn.

So với hưởng thụ văn hóa vật chất, hưởng thụ tinh thần bao giờ cũng đòi hỏi cao hơn ở đối tượng tiếp nhận. Trong đó, sự tinh tế, độ nhạy cảm của tâm hồn luôn là yếu tố quyết định. Hiện nay, dưới tác động tiêu cực từ phía con người cá nhân và lối sống hưởng thụ vật chất, trong xã hội đang xuất hiện hội chứng vô cảm: đứng đưng lạnh lùng trước nỗi đau của người khác (con đường từ lạnh lùng đến tội ác là rất gần). Việc hưởng thụ những giá trị văn hóa tinh thần sẽ góp phần quan trọng vào nhiệm vụ bồi đắp tâm hồn để con người trở nên tử tế hơn, người hơn.

Do đặc thù của mình, văn học nghệ thuật có nhiệm vụ chuẩn bị môi trường tâm hồn cho con người tiếp thu đạo đức bằng cách giữ cho mảnh đất tâm hồn ấy luôn biết nhạy cảm với những xao động tinh tế nhất của cuộc đời, của đồng loại. Nếu thường xuyên đọc sách, đến rạp hát, nghe hòa nhạc, xem triển lãm nghệ thuật, tham dự các hoạt động

tập thể lành mạnh... từng cá nhân sẽ có điều kiện nâng cao trình độ thẩm mỹ của mình. Đặc biệt cần rèn luyện thói quen đọc sách, bởi những kiến thức nền tảng quan trọng nhất đều do đọc sách mà có được, mà đọc sách rất ít tốn kém, nhất là khi đọc trên mạng Internet. Những kiến thức về mỹ học và không khí nghệ thuật sẽ tạo thế cân bằng, làm cho tâm hồn con người thêm phong phú, cuộc sống thêm sang trọng, làm cho cuộc đời bỗng trở nên thật sự có ý nghĩa... Tất cả những điều đó đã làm cho chất lượng cuộc sống của mỗi người được nâng cao.

Dĩ nhiên, để có thể hưởng thụ được giá trị văn hóa tinh thần, con người cũng phải biết làm giàu chính đáng, để sao cho không bị áo cơm ghì sát đất. Trong thời đại kinh tế tri thức thì hướng làm giàu hữu hiệu nhất chính là biết phát huy sức mạnh của trí tuệ, bởi trí tuệ không chỉ mang đến cho người phụ nữ tiền bạc một cách đàng hoàng mà còn tạo cho họ vẻ đẹp hiện đại nữa.

3. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ XÂY DỰNG LỐI SỐNG VH LÀNH MẠNH CHO NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI CNH-HĐH ĐẤT NƯỚC.

3.1. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng và sự tất yếu cần phải xây dựng lối sống văn hóa lành mạnh cho phụ nữ Việt Nam hiện nay

Trước hết, qua các phương tiện truyền thông đại chúng, thông qua những bài học lồng ghép của nhà trường, tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho toàn thể mọi người, đặc biệt là phụ nữ và thanh, thiếu niên. Phải làm sao cho họ tự nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của lối sống văn hóa lành mạnh, thấy rõ lợi ích của việc xây dựng nếp sống văn hóa lành mạnh đối với cộng đồng và mỗi cá nhân. Trong đó cần chú ý tuyên truyền để mọi người hiểu: thế nào là lối sống văn hóa lành mạnh, vai trò to lớn của nó đối với công cuộc xây dựng nền văn hóa mới, đối với công cuộc hiện đại hóa đất nước và trách nhiệm của mỗi công dân nói chung, mỗi người phụ nữ nói riêng trong lĩnh vực này.

Phải quan tâm đến đối tượng thanh, thiếu niên, đặc biệt là các em gái, bởi vì các em chính là chủ nhân tương lai của đất nước, lại đang ở độ tuổi hình thành nhân cách. Hiện nay, chúng ta đang ở trong giai đoạn có tính chất bản lề: lối sống cũ không còn phù hợp, lối sống văn hóa lành mạnh mới chưa định hình chắc chắn, song để kịp thời phát triển đất nước Đảng ta đã chủ trương mở cửa để giao lưu ngày một sâu rộng với nước ngoài; trong điều kiện thế giới phẳng, dưới tác động trái chiều của cơ chế thị trường, việc hình thành lối sống lành mạnh ở các cá thể còn non nớt như các em gặp khó khăn là không tránh khỏi. Vì vậy, tất cả những hoạt động văn hóa cần phải chú trọng đến đối tượng thanh, thiếu niên, phải góp phần xác lập cho các em những định hướng đúng đắn, từng bước xây dựng ở thế hệ trẻ lối sống văn hóa lành mạnh.

Còn với chị em phụ nữ, qua tuyên truyền nâng cao nhận thức, các chị sẽ tự ý thức được rõ hơn trách nhiệm và sẽ có cách tự điều chỉnh những hành vi của mình, bởi phụ nữ thường là những người rất cầu thị.

3.2. Nâng cao trình độ văn hóa cho chị em phụ nữ

Nâng cao trình độ văn hóa chính là một giải pháp tích cực và hữu hiệu vì văn hóa có một chức năng quan trọng là lan tỏa lối sống văn hóa lành mạnh của một cá nhân

hay một cộng đồng nào đó đến toàn xã hội. Văn hóa sẽ giúp con người biết tự vấn lương tâm, biết lựa chọn những cách sống tích cực, biết sống đẹp, có khả năng tiết chế những dục vọng, để không xảy ra những điều không đáng xảy ra.

Có thể nói văn hóa chính là cái phanh giúp con người biết điểm cần dừng trong ứng xử mà không vượt qua đường biên cấm kỵ mong manh. Văn hóa cũng tạo cơ hội cho con người có việc làm, có thu nhập chính đáng, giúp con người có điều kiện tiếp thu và để thể hiện lối sống văn hóa lành mạnh của mình.

3.3. Nhanh chóng xây dựng những chuẩn mực, lối sống văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh

Muốn xây dựng được lối sống văn hóa lành mạnh, trước hết cần phải xác định rõ những tiêu chí của nó để mọi người lấy đó làm chuẩn phấn đấu. Tiếp đến phải chuẩn hóa những danh hiệu văn hóa cao quý như: nhà giáo nhân dân, nghệ sĩ nhân dân, chiến sĩ thi đua, hoa hậu, gia đình văn hóa, làng văn hóa, phường văn hóa, cơ quan văn hóa... Đồng thời cần phải giám sát chặt chẽ để những danh hiệu này được bình chọn một cách công tâm, chính xác. Các lễ hội, các chương trình văn hóa, các cuộc thi... phải được tổ chức nghiêm túc với mục đích văn hóa để những hoạt động văn hóa này phát huy được tác dụng giáo dục tích cực. Đồng thời cũng nên chú ý phát huy sức mạnh của dư luận xã hội để góp phần điều chỉnh hành vi đạo đức của các cá nhân, nhằm tạo ra môi trường lành mạnh, giúp mỗi cá nhân thêm bản lĩnh, dám lên án cái xấu, cái ác, cái sai để bảo vệ những lối sống tốt đẹp.

Mặt khác, để chống thói đạo đức giả, những người lớn tuổi, ông bà cha mẹ, các bậc lãnh đạo cần phải gương mẫu về mọi mặt, phải có ý thức thường xuyên tu thân để trở thành tấm gương về lối sống văn hóa lành mạnh để thanh, thiếu niên noi theo. Bên cạnh đó cũng cần quan tâm xây dựng những trung tâm vui chơi giải trí cho thanh, thiếu niên để thu hút các em vào những hoạt động văn hóa lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội.

3.4. Nhà nước cần có những chế tài xử phạt nghiêm khắc với những cá nhân có lối sống vô văn hóa, phản văn hóa

Lối sống văn hóa lành mạnh là biểu hiện của một xã hội văn minh, hưng thịnh, phát triển là biểu hiện một xã hội có luật pháp, có kỷ cương phép nước nghiêm minh. Hiện nay ở nước ta lối sống văn hóa đang có nhiều biến động, những hiện tượng phản văn hóa, những hành vi quá khích làm ảnh hưởng tới tính mệnh, tài sản của người khác như: đua xe, lái xe máy bằng chân, cho trẻ 3 tuổi cầm lái xe máy,... Những tệ nạn xã hội: rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, mại dâm...những thói quen xấu: nói tục chửi bậy, gây gổ đánh nhau, phá hoại của công... đang có chiều hướng gia tăng.

Một số cách hành xử vô văn hóa như: con cháu bất hiếu, bất kính với ông bà cha mẹ; chồng đánh đập vợ, cha mẹ hành hạ con cái; gặp người bị nạn làm ngơ không cứu giúp, những hành vi mất nhân tính: hành hạ dã man trẻ thơ, giết người tàn bạo, vô cớ... xảy ra ngày một nhiều.

Để đẩy lùi những tệ nạn, để lối sống văn hóa lành mạnh ngày một lan tỏa và khẳng định vị thế, một mặt cần tuyên truyền giáo dục và cổ xúy cho những tấm gương người tốt việc tốt (những người có lối sống văn hóa lành mạnh), mặt khác, luật pháp phải thật

nghiêm minh trong trừng phạt những kẻ phạm tội, trong xử phạt những người có lỗi. Dĩ nhiên bên cạnh quốc pháp nghiêm minh, rất cần nhà trường, gia đình quan tâm sát sao tới việc quản lý, giám sát, giáo dục các thành viên của mình, kịp thời ngăn chặn những lối sống văn hóa thiếu lành mạnh.

Để những người phụ nữ có được lối sống văn hóa lành mạnh thì ngoài sự nỗ lực của các chi, gia đình, xã hội, cơ quan, các tổ chức đoàn thể cũng cần phải quan tâm giúp đỡ, chia sẻ, tạo điều kiện hơn nữa để mỗi người phụ nữ có thể xây dựng cho mình một nếp sống đẹp, góp phần xây dựng lối sống văn hóa lành mạnh trong toàn xã hội.

VI. Ý THỨC PHÁP LUẬT

1. QUAN NIỆM VỀ Ý THỨC PHÁP LUẬT VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NÂNG CAO Ý THỨC PHÁP LUẬT

1.1. Quan niệm về pháp luật, ý thức pháp luật

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, là công cụ quản lý xã hội và bảo vệ các trật tự xã hội theo ý chí của Nhà nước, được bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước. Pháp luật là một dạng quy phạm xã hội bên cạnh những quy phạm đạo đức, tôn giáo, quy phạm của các thiết chế, tổ chức, cộng đồng... để điều chỉnh các quan hệ xã hội, nhưng pháp luật do Nhà nước quy định và bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước. Người vi phạm pháp luật có thể phải gánh chịu những dạng trách nhiệm pháp lý nhất định như trách nhiệm kỷ luật, trách nhiệm hành chính, dân sự và nghiêm khắc nhất là trách nhiệm hình sự.

Về vai trò của pháp luật, pháp luật có tầm quan trọng đặc biệt trong quản lý Nhà nước và xã hội, bảo vệ trật tự an toàn và sự phát triển lành mạnh của xã hội. Điều 12 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 quy định: “Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”. Pháp luật là phương tiện thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Nhà nước, của giai cấp nắm giữ quyền lực nhà nước. Đồng thời, pháp luật cũng đặt ra những giới hạn đối với chính Nhà nước, đối với giai cấp, đảng phái nắm giữ quyền lực Nhà nước, pháp luật quy định trách nhiệm của nhà nước đối với xã hội và công dân. Với mỗi công dân, pháp luật là phương tiện ghi nhận và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân và bảo đảm về mặt pháp lý cho các quyền đó được thực hiện trên thực tế. Pháp luật cũng là phương tiện để mỗi công dân thực hiện các quyền tự do cá nhân của bản thân, yêu cầu nhà nước phải bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, chỗ ở, tài sản... khi các quyền đó bị những tập thể, cá nhân khác xâm phạm.

Tuy nhiên, từ pháp luật với tư cách là các quy phạm, các văn bản pháp luật đến pháp luật được thực hiện trên thực tế là một khoảng cách. Việc pháp luật quy định một khuôn mẫu xử sự nhất định nhưng thực tế có thực hiện theo đúng khuôn mẫu đó hay không (thậm chí thực hiện một cách trái ngược với khuôn mẫu đó) luôn là vấn đề đặt ra và cần phải lường tính đối với bất cứ nhà nước nào, bất kỳ nhà làm luật nào trước khi xây dựng một văn bản quy phạm pháp luật. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới khoảng cách trên: sự không tương thích giữa pháp luật với thực tế, sự chông chéo giữa các quy định

trong hệ thống pháp luật, sự hạn chế về kỹ thuật lập pháp... nhưng không thể không kể tới một nguyên nhân rất quan trọng: nguyên nhân về ý thức pháp luật của chủ thể thực hiện pháp luật. Thái độ đúng đắn với pháp luật chỉ có thể được hình thành trên cơ sở ý thức pháp luật đúng, ý thức pháp luật có vai trò quan trọng trong việc tuân thủ pháp luật. Và do đó, giáo dục pháp luật chính là giáo dục ý thức pháp luật cho các đối tượng thụ hưởng hoạt động này.

1.2. Ý nghĩa của việc nâng cao ý thức pháp luật

Trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, người phụ nữ Việt Nam có vị thế quan trọng đặc biệt, họ là lực lượng lao động cơ bản chiếm một phần hai dân số ở độ tuổi lao động. Trong một số ngành nghề, lĩnh vực của đời sống xã hội, phụ nữ chiếm tỷ lệ áp đảo so với nam giới. Bên cạnh sự đóng góp trực tiếp cho nền sản xuất xã hội, phụ nữ còn phải thực hiện các thiên chức, các trách nhiệm gia đình, từ trách nhiệm mang tính tự nhiên là sinh nở và nuôi dưỡng con cái đến trách nhiệm xã hội là giáo dục con cái, giáo dục nhân cách cho con cái trở thành những thế hệ kế cận tham gia vào quá trình CNH, HĐH đất nước. Do đó, việc giáo dục, bồi dưỡng ý thức pháp luật cho phụ nữ không chỉ giúp cho họ tự bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân trong gia đình và xã hội, không chỉ giúp cho họ hòa nhập tốt vào các quan hệ xã hội mà còn giúp cho họ chủ động đóng góp nhiều hơn vào sự phát triển mọi mặt của đời sống xã hội, mà còn giúp cho họ nuôi dạy con cái thành những công dân của một xã hội công nghiệp, hiện đại, sống và làm việc theo pháp luật.

Việc giáo dục ý thức pháp luật cho phụ nữ, đặt tiêu chuẩn về ý thức pháp luật của người phụ nữ như một trong những nội dung phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn CNH, HĐH đất nước có mục tiêu là hình thành ở người phụ nữ những tri thức pháp luật, tình cảm và hành vi phù hợp với các đòi hỏi của hệ thống pháp luật hiện hành và có khả năng sử dụng pháp luật để tự bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bản thân, để chủ động tham gia có hiệu quả vào các lĩnh vực của đời sống xã hội. Như vậy, giáo dục ý thức pháp luật cho phụ nữ nhằm hình thành:

- Cấp độ thứ nhất, hình thành hệ thống tri thức pháp luật cho phụ nữ;
- Cấp độ thứ hai, hình thành lòng tin vào pháp luật;
- Cấp độ thứ ba, hình thành động cơ, thói quen xử sự theo pháp luật, thái độ không khoan nhượng đối với các vi phạm pháp luật; hình thành hành vi pháp luật tích cực.

Trong các mục đích giáo dục pháp luật như trên, mục đích nào cũng quan trọng, thói quen xử sự theo pháp luật và hành vi pháp luật tích cực là kết quả cuối cùng mà quá trình giáo dục pháp luật hướng tới. Tuy nhiên, việc trang bị hệ thống tri thức pháp luật chính là xây dựng nền tảng nhận thức, tạo nên cơ sở hình thành lòng tin, động cơ và hành vi pháp luật tích cực. Thói quen xử sự theo pháp luật và hành vi pháp luật tích cực là kết quả cuối cùng mà quá trình giáo dục pháp luật hướng tới.

Như vậy, công tác giáo dục ý thức pháp luật cho phụ nữ cần hình thành các cấp độ ý thức pháp luật như trên mà không chỉ dừng lại ở việc trang bị một khối lượng kiến thức pháp luật. Quá trình hình thành thói quen xử sự theo pháp luật và hành vi pháp luật tích cực ở phụ nữ là một quá trình lâu dài, vừa do sự tự ý thức bên trong của mỗi người,

từ giá trị thực tế và nhu cầu sử dụng pháp luật của mỗi người, nhưng cũng đồng thời là sản phẩm của quá trình giáo dục, tuyên truyền pháp luật và bồi dưỡng ý thức pháp luật từ bên ngoài một cách lâu dài, bền bỉ với nhiều hình thức và mức độ khác nhau.

2. NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN PHỤ NỮ

Phụ nữ chiếm tỷ lệ xấp xỉ 50% dân số và về cơ bản, 50% dân số này phải được trang bị các tri thức pháp luật chung đối với toàn bộ dân số, điều này xuất phát từ nguyên tắc bình đẳng về giới tính, dân tộc tôn giáo của công dân trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ghi nhận tại Điều 5 của Hiến pháp năm 1992. Do đó, về mức độ giáo dục, phụ nữ cũng như toàn bộ dân số, không có sự khác biệt về mức độ thụ hưởng các kết quả giáo dục pháp luật.

Tuy nhiên, do những đặc thù về giới, dù hiến pháp và pháp luật có ghi nhận địa vị bình đẳng về giới, nhưng nữ giới ở bất kỳ quốc gia, dân tộc, tôn giáo nào vẫn bị hạn chế hơn nam giới trong việc tham gia các hoạt động xã hội, nữ giới có thiên hướng gắn với gia đình nhiều hơn nam giới và đa phần nữ giới vẫn ưu tiên thực hiện các nghĩa vụ đối với gia đình trước khi tham gia các hoạt động xã hội. Ngoài ra, xét trong bối cảnh Việt Nam, dù đất nước đang trong tiến trình CNH, HĐH nhưng những tư duy, quan điểm của một xã hội nông nghiệp lạc hậu từ quá khứ vẫn tồn tại dai dẳng đến hiện tại, cản trở những đổi mới, sáng tạo của quá trình CNH, HĐH. Trong nhiều gia đình, trong nhiều cơ quan công sở Việt Nam, nữ giới vẫn còn là nạn nhân của những tư duy, quan điểm thủ cựu, gia trưởng, là đối tượng dễ bị tổn hại bởi các hành vi vi phạm pháp luật của nam giới trong gia đình, nạn nhân của sự phân biệt giới tính trong các cơ quan công sở, cản trở họ tham gia quá trình CNH, HĐH. Do đó, ngoài các tri thức pháp luật mà mọi công dân phải có, nữ giới còn phải được trang bị nhiều hơn các tri thức pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội gắn liền với họ, giúp họ được bảo vệ và tham gia công việc xã hội một cách bình đẳng, đó là nhóm kiến thức pháp luật điều chỉnh các quan hệ gia đình và nhóm các kiến thức pháp luật liên quan đến sự hòa nhập xã hội và phát triển của phụ nữ.

2.1. Pháp luật điều chỉnh quan hệ gia đình

Gia đình là một tập hợp người dựa trên sự liên kết về pháp lý và huyết thống, là môi trường sinh sống gắn bó gắn gũi nhất với mỗi cá nhân con người từ khi sinh ra cho tới khi mất đi. Gia đình là tế bào của xã hội, có ý nghĩa quan trọng đối với sự ổn định và phát triển của xã hội. Như đã đề cập, người phụ nữ đóng vai trò quan trọng đặc biệt trong mỗi gia đình, trong việc sản sinh, nuôi dưỡng và định hình nhân cách, lối sống cho mỗi cá nhân. Chính vì thế, gia đình, các giá trị của gia đình và vị thế của người phụ nữ trong gia đình luôn được các quy phạm pháp luật bảo vệ. Các quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, cha mẹ - con cái... được nhiều ngành luật khác nhau điều chỉnh.

2.1.1. Pháp luật hình sự

Những hành vi xâm phạm nghiêm trọng các quan hệ gia đình bị coi là tội phạm - là những hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội và được luật hình sự điều chỉnh. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình trong Bộ Luật hình sự năm 1999 được quy định tại chương XV của Bộ luật này, với 07 điều, quy định về tội danh và hành phạt của 7 loại

hành vi xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình. Trong số đó, các nhà làm luật tập trung điều chỉnh hai nhóm quan hệ cơ bản: nhóm quan hệ hôn nhân và nhóm quan hệ huyết thống và các quan hệ khác trong gia đình. Dựa trên tiêu chí khách thể trực tiếp bị xâm hại, các tội danh cụ thể được xếp thành 2 nhóm: nhóm các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và nhóm các tội xâm phạm chế độ gia đình.

Đối với nhóm kiến thức pháp luật này, người phụ nữ cần nhận thức được nội dung và thời điểm những quy định của pháp luật hình sự được áp dụng: một hành vi xâm phạm khách thể của các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình thường chỉ bị xử lý hình sự khi hành vi vi phạm đã cấu thành tội phạm - khi có tính chất nguy hiểm đáng kể và gây ra hậu quả nghiêm trọng, vượt ra khỏi phạm vi của một gia đình, cần có sự tham gia giải quyết của Nhà nước để trừng phạt người phạm tội và giáo dục, phòng ngừa chung. Ví dụ: với hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng của người đang có vợ có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc người chưa có vợ có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có vợ có chồng - nếu chỉ dừng lại ở đây thì chưa thể xử lý hình sự, phải gây ra hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý về hành vi này thì mới cấu thành tội phạm xử lý không hiệu quả, đã gây ra những hậu quả tương đối nghiêm trọng.

Là một bộ luật điều chỉnh tương đối tổng quát các lĩnh vực của cuộc sống, luật hình sự bảo vệ mọi công dân trong xã hội, trong đó, người phụ nữ đương nhiên là đối tượng được luật này bảo vệ và phụ nữ cần ý thức được một số nhóm tội khác mà họ có nguy cơ cao trở thành người bị xâm hại trong quan hệ gia đình:

Một, hầu hết các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của con người (ngoại trừ một số tội danh như: tội làm chết người trong khi thi hành công vụ; tội vô ý làm chết người do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính; tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ; tội vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vi phạm quy tắc nghề nghiệp hoặc quy tắc hành chính).

Hai, một số tội xâm phạm các quyền tự do dân chủ của công dân như: tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, tội xâm phạm chỗ ở của công dân... (ví dụ: đối với các hành vi giữ, trói vợ con, đuổi vợ con ra khỏi chỗ ở gây hậu quả nghiêm trọng...);

Ba, các tội xâm phạm chế độ sở hữu (ví dụ: đối với các hành vi chiếm đoạt hoặc chiếm giữ, sử dụng trái phép, cố ý làm hư hỏng, hủy hoại tài sản thuộc sở hữu hoặc quản lý hợp pháp của một thành viên trong gia đình)...

Do đó, những hành vi bạo hành nghiêm trọng đối với phụ nữ dù xảy ra trong nội bộ gia đình và người thực hiện hành vi đó tuy là người thân trong gia đình nhưng vẫn có thể là tội phạm hình sự và bị trừng trị nghiêm khắc bởi pháp luật hình sự.

2.1.2. Pháp luật hành chính

Khi một hành vi xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình ở mức độ nghiêm trọng thì phải bị xử lý hình sự và quá trình xử lý này sẽ liên quan đến rất nhiều vấn đề gia đình và xã hội, bởi hầu hết người phạm tội, người bị hại và những người khác có liên quan đến vụ án đều có quan hệ gia đình với nhau, sau khi bản án, quyết định của Tòa án có

hiệu lực và được thi hành, họ vẫn còn tiếp tục ràng buộc với nhau bởi các mối quan hệ mật thiết về con cái, huyết thống... Cũng chính vì tính chất đặc biệt của mối quan hệ này, những chế tài hình sự đôi khi không hiệu quả trong việc giáo dục, cải tạo bằng những chế tài mà đạo đức và dư luận xã hội. Do đó, trước khi xử lý hình sự, các hành vi này còn được giải quyết bằng các quan hệ hòa giải trong dòng họ, cộng đồng làng xã, cơ quan đoàn thể... và nếu nghiêm trọng hơn, sẽ bị xử lý hành chính bằng một số quy định quan trọng của pháp luật hành chính mà phụ nữ cần được trang bị những hiểu biết đầy đủ về các quy định này.

Nghị định số 87/2001/NĐ-CP ngày 21/11/2001 về xử phạt hành chính trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình thì Nghị định này coi các hành vi bạo lực gia đình sau là vi phạm hành chính thuộc đối tượng điều chỉnh:

- *Cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện tiến bộ*
- *Lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên*
- *Ngược đãi, hành hạ ông bà, cha mẹ, người có công nuôi dưỡng mình, các thành viên khác trong gia đình*

Các hành vi bạo lực gia đình còn có thể bị coi là vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội (với một số điều kiện nhất định như người có hành vi vi phạm hành chính và người bị thiệt hại bởi hành vi vi phạm hành chính có quan hệ trong cùng gia đình, hành vi vi phạm hành chính diễn ra tại nơi công cộng hoặc trong gia đình nhưng ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng) theo quy định của Nghị định 150/2005/NĐ-CP ngày 12/12/2005 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội, gồm các hành vi sau đây:

- Hành vi vi phạm trật tự công cộng: có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người khác; đánh nhau hoặc xúi giục người khác đánh nhau; xâm hại hoặc thuê người khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác nhau;

- Hành vi gây ảnh hưởng đến sự yên tĩnh chung;

- Hành vi gây thiệt hại đến tài sản của người khác: trộm cắp vật; công nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác; dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác; dùng trái phép tài sản của người khác; hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác; dùng thủ đoạn hoặc tạo ra hoàn cảnh để buộc người khác đưa tiền, tài sản.

2.1.3. Luật phòng chống bạo lực gia đình

Ngay từ thời điểm Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2007 được ban hành, đã có nhiều hoạt động tuyên truyền đối với cả hai loại đối tượng là phụ nữ và nam giới - chủ thể chủ yếu thực hiện các hành vi bạo lực gia đình. Đến nay, sau 3 năm có hiệu lực pháp luật, Luật phòng chống bạo lực gia đình đã đạt được những hiệu quả ban đầu rất tích cực. Tuy nhiên, để hạn chế tình trạng bạo lực gia đình là không đơn giản, đặc biệt cần chủ động đẩy mạnh công tác tuyên truyền văn bản pháp luật này cho phụ nữ, để họ nhận thức và biết cách sử dụng pháp luật như một công cụ pháp lý để bảo vệ bản thân

và các thành viên khác khỏi những hành vi bạo lực gia đình, cần tuyên truyền để giúp phụ nữ xác định được những hành vi nào đã và đang xảy ra với họ chính là những hành vi mà pháp luật coi đó là bạo lực gia đình, là vi phạm pháp luật, bao gồm:

- *Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;*
- *Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;*
- *Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng;*
- *Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;*
- *Cưỡng ép quan hệ tình dục;*
- *Cưỡng ép tảo hôn; cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ;*
- *Chiếm đoạt, huỷ hoại, đập phá hoặc có hành vi khác cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong GD hoặc tài sản chung của các thành viên gia đình;*
- *Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính;*
- *Có hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.*

Đồng thời, cũng phải tuyên truyền giáo dục cho phụ nữ nhận thức được các vi phạm đó cần phải bị trừng trị, nhưng không chỉ là trừng trị bằng hình phạt như trong chế tài của luật hình sự mà còn bởi các dạng trách nhiệm pháp lý khác phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, đặc biệt là phù hợp với nhân thân người vi phạm và quan hệ gia đình giữa người vi phạm và nạn nhân. Luật Phòng chống bạo lực gia đình đã đưa ra những biện pháp bảo vệ nạn nhân của bạo hành gia đình phù hợp với điều kiện của người bị bạo hành. Do đó, trang bị kiến thức pháp luật về phòng chống bạo lực gia đình cho phụ nữ cũng là trang bị cho họ những hiểu biết về các quyền khi họ rơi vào tình trạng trên như: quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình; quyền yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, cấm tiếp xúc, quyền được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, pháp luật; quyền được bố trí nơi tạm lánh, được giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin khác...

2.2. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ liên quan đến sự hòa nhập xã hội và phát triển của phụ nữ

2.2.1. Luật bình đẳng giới

Luật bình đẳng giới quy định những nguyên tắc bình đẳng giới trong các lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình (chủ yếu bao gồm các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế và gia đình), quy định biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện bình đẳng giới. Tuy có quy định các nguyên tắc bình đẳng giới trong quan hệ gia đình, nhưng hầu hết các lĩnh vực bình đẳng

giới mà luật này quy định đều hướng tới mục tiêu bình đẳng của phụ nữ khi tham gia các quan hệ xã hội bên ngoài gia đình, hướng tới việc xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.

Việc giáo dục, tuyên truyền văn bản pháp luật này nhằm giúp cho người phụ nữ có nhận thức và ý thức về một nền tảng pháp lý trọng yếu bảo đảm sự bình đẳng cho phụ nữ trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình; hỗ trợ và tạo điều kiện cho nam, nữ phát huy tối đa khả năng tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả của sự phát triển xã hội. Đặc biệt, đối với phụ nữ, đạo luật này quy định những nguyên tắc bảo vệ, hỗ trợ người mẹ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ; tạo điều kiện để nam, nữ chia sẻ công việc gia đình. Đồng thời, Luật bình đẳng giới yêu cầu xoá bỏ phong tục, tập quán lạc hậu cản trở thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Luật bình đẳng giới và một số văn bản pháp luật liên quan đã tạo ra những định chế pháp luật cần thiết để nâng cao chỉ số phát triển giới (chỉ số phát triển của phụ nữ đối với các ngành, lĩnh vực và địa phương mà chỉ số phát triển giới thấp hơn mức trung bình của cả nước).

Do đó, luật bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành luật này là nhóm tri thức pháp luật quan trọng mà người phụ nữ cần được trang bị để tham gia bình đẳng vào các lĩnh vực của đời sống xã hội và tiến trình CNH, HĐH đất nước.

2.2.2. Luật Lao động và các văn bản pháp luật liên quan

Bộ luật Lao động được áp dụng đối với mọi người lao động, mọi tổ chức, cá nhân sử dụng lao động theo hợp đồng lao động, thuộc các thành phần kinh tế, các hình thức sở hữu. Bộ Luật này cũng được áp dụng đối với người học nghề, người giúp việc gia đình (chủ yếu là phụ nữ) và một số loại lao động khác. Bộ luật Lao động còn quy định chế độ lao động đối với công chức, viên chức Nhà nước, người giữ các chức vụ được bầu, cử hoặc bổ nhiệm, người thuộc lực lượng quân đội nhân dân, công an nhân dân, người thuộc các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị, xã hội khác và xã viên hợp tác xã do các văn bản pháp luật khác quy định (theo từng đối tượng cụ thể trong phạm vi áp dụng). Nhà nước bảo đảm quyền làm việc của phụ nữ bình đẳng về mọi mặt với nam giới, có chính sách khuyến khích người sử dụng lao động tạo điều kiện để người lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng rộng rãi chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn ngày, không trọn tuần, giao việc làm tại nhà.

Như vậy, khi tham gia tiến trình CNH, HĐH phụ nữ cũng là người lao động và cũng không ít phụ nữ đã và đang ở tư cách người sử dụng lao động, do đó, không thể không giúp họ tiếp cận các kiến thức pháp luật lao động. Ngoài ra, khi trang bị cho phụ nữ nhóm kiến thức pháp luật này, cần đặc biệt lưu ý truyền đạt cho họ các quy định đặc thù của pháp luật mà người sử dụng lao động phải bảo đảm cho lao động nữ như: phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam nữ về tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động; phải ưu tiên nhận phụ nữ vào làm việc khi người đó đủ tiêu chuẩn tuyển chọn làm công việc phù hợp với cả nam và nữ mà doanh nghiệp đang cần; không được

sa thai hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động nữ vì lý do kết hôn, có thai, nghỉ thai sản, nuôi con dưới 12 tháng tuổi, trừ trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động; không được sử dụng người lao động nữ làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh đẻ và nuôi con; người lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh con, cộng lại từ bốn đến sáu tháng...

Ngoài ra, khi người phụ nữ tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các hoạt động khác của nền kinh tế quốc dân thì tùy theo lĩnh vực công việc mà họ có thể sẽ được điều chỉnh bằng các văn bản pháp luật khác. Về cơ bản, họ được bình đẳng như nam giới và những phụ nữ này sẽ phải chủ động tiếp cận các kiến thức pháp luật mang tính chất chuyên ngành nói trên. Nhóm kiến thức pháp luật chuyên ngành mặc dù rất cần thiết đối với phụ nữ trong giai đoạn CNH, HĐH nhưng không thuộc nhóm kiến thức pháp luật phổ cập cần giáo dục cho số đông phụ nữ.

3. NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO Ý THỨC PHÁP LUẬT CHO PHỤ NỮ

Hiện nay, hoạt động giáo dục pháp luật và ý thức pháp luật nói chung và đối với phụ nữ nói riêng ở nước ta được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau như:

- Thông qua báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp;
- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng từ trung ương đến địa phương;
- Phát hành các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền;
- Thông qua các loại hình văn hóa truyền thống, văn hóa quần chúng, sáng tác văn học, nghệ thuật, sinh hoạt cộng đồng;
- Thông qua việc tổ chức thi tìm hiểu pháp luật;
- Thông qua sinh hoạt của các loại hình câu lạc bộ;
- Lồng ghép trong hoạt động của các tổ chức, cá nhân, gia đình và xã hội;

Tuy nhiên, cũng có thể phân chia theo ba kênh tuyên truyền, giáo dục chủ yếu sau: giáo dục tại các cơ sở đào tạo (giáo dục pháp luật học đường), tuyên truyền, giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng và tuyên truyền, giáo dục tại cộng đồng. Mỗi kênh tuyên truyền giáo dục pháp luật này lại có thể sử dụng đơn lẻ hoặc kết hợp nhiều hình thức tuyên truyền, giáo dục khác nhau đảm bảo tính sinh động, hiệu quả của việc truyền đạt kiến thức pháp luật và bồi dưỡng ý thức pháp luật.

3.1. Giáo dục pháp luật học đường

Giáo dục pháp luật học đường là quá trình giáo dục pháp luật tại các trường học qua các cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học dạy nghề, cao đẳng, đại học: đây là quá trình giáo dục pháp luật mang tính tập trung, thường xuyên, liên tục và dựa trên các chuẩn mực về giáo viên, giáo khoa, giáo cụ và phương pháp sư phạm nhằm truyền tải tri thức pháp luật cũng như thói quen sử dụng pháp luật cho học sinh, sinh viên. Các nội dung giáo dục pháp luật giới có thể đưa vào môn học pháp luật đại cương ở bậc đại học, vào môn học giáo dục công dân hoặc môn học về giới ở cấp học phổ thông. Hình thức giáo dục này có ưu điểm là triển khai một cách phổ cập tới tất cả giới trẻ là nữ, giúp họ chuẩn bị hành trang để bước vào cuộc sống sau này. Để kênh giáo dục pháp luật học đường đi vào thực chất, cần phải xây dựng chương trình, soạn thảo sách giáo khoa, giáo trình, đề cương môn học, bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên... một cách

bài bản; cần có sự phối hợp giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp và Hội LHPN Việt Nam về nội dung và mục đích giáo dục pháp luật về giới. Đặc biệt, cần lưu ý phương pháp giáo dục pháp luật ở nhà trường phải sinh động, thiết thực và phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi của giới trẻ.

3.2. Tuyên truyền phổ biến pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng

Nhờ tính phổ biến, phổ cập của các phương tiện thông tin đại chúng, các kiến thức pháp luật và ý thức pháp luật có thể được tuyên truyền, giáo dục tới đông đảo đối tượng phụ nữ. Với nhiều hình thức đa dạng (giới thiệu, hỏi đáp, các cuộc thi, game show, các hình thức sân khấu hóa...) nội dung giáo dục được truyền tải một cách sinh động, dễ hiểu, dễ nhớ. Tuy nhiên, với hình thức tuyên truyền giáo dục này, cần phải lưu ý vai trò chủ động của các tổ chức, cấp hội phụ nữ trong việc thiết kế ý tưởng, format cho chương trình: chương trình càng sinh động thì hiệu quả giáo dục càng cao và phải gắn các điều luật với các tình huống cụ thể, gắn với cuộc sống hằng ngày của phụ nữ, phải chỉ ra được các vấn đề: tại sao pháp luật lại quy định như vậy và khi xử sự theo yêu cầu của pháp luật thì người phụ nữ sẽ nhận được những lợi ích gì hay được pháp luật bảo vệ như thế nào.

3.3. Giáo dục pháp luật cho phụ nữ tại cộng đồng dân cư

Việc giáo dục pháp luật cho phụ nữ tại cộng đồng dân cư do chính các hội, câu lạc bộ phụ nữ tổ chức cũng là một kênh giáo dục pháp luật đặc biệt hữu hiệu, bởi người tham gia giáo dục và người được giáo dục chính là những phụ nữ cùng sinh sống trong một cộng đồng, quen biết và có sự chia sẻ gần gũi với nhau, chính những xử sự đúng pháp luật của một phụ nữ trong cộng đồng là tấm gương thiết thực nhất, gần gũi nhất để giáo dục pháp luật cho những người phụ nữ khác. Kênh giáo dục pháp luật này có những lợi thế mà giáo dục tại trường học và giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng không thể có được: đó là sự gắn liền giữa hoạt động giáo dục với hoạt động vận động, thuyết phục trực tiếp với đối tượng: “gõ từng nhà, rà từng người”. Ngoài ra, cũng chính nhờ tính chất cộng đồng, quá trình giáo dục pháp luật còn được sự hỗ trợ của các quy phạm xã hội khác như hương ước của thôn, của làng, tục quy của dòng họ, bằng các quy phạm đạo đức và đặc biệt là bằng dư luận trong cộng đồng. Các tình cảm công bằng, bình đẳng, ý thức trách nhiệm, đấu tranh với vi phạm pháp luật là những yếu tố tâm lý không tách rời với việc hình thành lòng tin và sự tự giác áp dụng pháp luật được chính những phụ nữ trong cộng đồng liên hệ, phân tích và chia sẻ. Khi pháp luật gắn với tình cảm thì tình cảm và lòng tin với pháp luật được hình thành. Tuy nhiên, khi sử dụng hình thức giáo dục pháp luật này, phải có đội ngũ cán bộ phụ nữ ở cơ sở thật sự tâm huyết, nhiệt tình và là những người gương mẫu chấp hành đúng quy định của pháp luật, đồng thời phải có sự đồng thuận của chính quyền địa phương, những người đứng đầu các thiết chế tôn giáo, học tộc... ở địa phương.

Ngoài ra, ở một số quốc gia trên thế giới, việc giáo dục pháp luật của phụ nữ còn được tiến hành tại các địa điểm gắn liền với cuộc sống thường nhật của phụ nữ như trường học nơi đưa đón con cái, các chợ, siêu thị, trung tâm mua sắm, các cửa hàng làm đẹp... Việc tổ chức tuyên truyền, giáo dục pháp luật tại các địa điểm này cũng cho thấy

hiệu quả đáng kể khi pháp luật được mang đến những nơi gắn bó nhất với sinh hoạt cộng đồng của phụ nữ.

VII. PHẨM CHẤT NHÂN HẬU, VỊ THA

1. QUAN NIỆM VÀ VAI TRÒ CỦA PHẨM CHẤT NHÂN HẬU, VỊ THA TRONG CUỘC SỐNG

1.1. Quan niệm về phẩm chất nhân hậu, vị tha

Nhân hậu được hiểu là giàu lòng thương người (nhân ái), chỉ muốn đem lại những điều tốt lành cho người khác. Trong phẩm chất nhân hậu có hiền lành, chất phác, nhân đức, nhân từ, khoan dung, hòa hợp (khoan hòa), vị tha. Nhân hậu là một phẩm chất, đạo đức thể hiện cách sống đẹp của con người nói chung và người phụ nữ nói riêng. Phẩm chất nhân hậu có thể xem là hạt nhân cơ bản trong tính cách người phụ nữ Việt Nam. Trong suốt tiến trình lịch sử đấu tranh của dân tộc, phẩm chất nhân hậu, nhân ái đã làm nền cho những phẩm chất tinh thần phong phú, đặc sắc, những khả năng và vai trò thực tế to lớn của phụ nữ.

Vị tha là sự rộng lòng tha thứ cho người có lỗi lầm. Đồng nghĩa với vị tha là độ lượng, khoan thứ, rộng lượng. Trái nghĩa với vị tha là sự nhỏ nhen, ích kỷ. Cái gốc của vị tha chính là phẩm chất nhân hậu. Tấm lòng vị tha của người phụ nữ không chỉ bó hẹp trong phạm vi gia đình mà phải mở rộng ra cộng đồng xã hội, dân tộc, quốc tế, cùng đấu tranh đòi quyền tự do, bình đẳng, xử lý hài hòa mọi lợi ích riêng - chung... Phẩm chất vị tha làm nên vẻ đẹp dịu dàng, đằm thắm, giàu nữ tính, tạo nên bản lĩnh riêng cho mỗi người phụ nữ, trí tuệ được nâng cao, tỏa ra từ tấm lòng nhân hậu, khoan dung.

Như vậy, nhân hậu là một phẩm chất, một tiêu chí cần hướng tới khi xây dựng những chuẩn mực đạo đức cho phụ nữ. Nhưng bản thân khái niệm này có ý nghĩa lớn, bao trùm nhiều phẩm chất khác. Nó luôn được đặt ở vị trí cao hơn hết thảy, đôi khi hơn cả lòng chung thủy. Sự đề cao này dường như thống nhất ở mọi nền văn hóa dù nhiều giá trị khác đôi khi trái ngược nhau.

1.2. Vai trò của phẩm chất nhân hậu, vị tha

1.2.1. Khẳng định phẩm chất cao đẹp của phụ nữ Việt Nam

Đức tính nhân hậu là giá trị truyền thống của PN VN được hình thành và khẳng định trong suốt quá trình lịch sử của dân tộc. Truyền thống ấy được hun đúc, bồi đắp nên qua những thăng trầm của lịch sử. Trên cơ sở đó, người PN hiện đại đã kế thừa và phát huy giá trị truyền thống cho phù hợp với công cuộc đổi mới đất nước hôm nay, xứng đáng với lời ngợi khen “*Trung hậu, đảm đang, tài năng, anh hùng*”. Như vậy, những người phụ nữ VN hiện đại mang trong mình truyền thống được đúc kết qua lịch sử đấu tranh dựng nước, giữ nước; tự giác phát huy truyền thống đó trong hoàn cảnh và điều kiện mới, trên cơ sở vừa mang phẩm chất chung cho con người, lại vừa mang đặc trưng giới.

Nhân hậu là phẩm chất cao đẹp, tôn lên vẻ đẹp quý báu của phụ nữ Việt Nam. Lòng nhân hậu của phụ nữ Việt Nam đã góp phần vào chiến thắng của dân tộc trước đây. Đến nay, những phẩm chất ấy vẫn tỏa sáng, giúp người phụ nữ vẹn tròn công tác xã hội, công việc gia đình, làm tròn thiên chức của người vợ, người mẹ, xứng đáng với danh

hiệu *Giỏi việc nước, đảm việc nhà*. Những phẩm chất ấy có ý nghĩa thiết thực với mọi thời đại, đặc biệt là trong thời kỳ CNH, HĐH hiện nay. Chính điều đó ngày càng khẳng định vị thế của người phụ nữ trong xã hội hiện đại. Mặt khác, những phẩm chất mà người phụ nữ Việt Nam tự hào cũng là những điều mà thế giới đang quan tâm.

1.2.2. Làm vững chắc nền tảng gia đình

“*Phúc đức tại mẫu*” là câu tục ngữ khẳng định vai trò to lớn của người phụ nữ trong gia đình. Người PN và gia đình có mối quan hệ hữu cơ không thể tách rời. Trong gia đình Việt Nam có lẽ chưa bao giờ thiếu vắng người phụ nữ. Thiếu họ ở vai trò người mẹ, người vợ, người chị... ở chức năng “*nội tướng*”, gia đình trở nên chông chênh, trống vắng, buồn chán, hẫng hụt... Điều đó cho thấy họ chính là người giữ phần hồn của gia đình. Những phẩm chất ấy làm giàu có đời sống tinh thần, giúp người phụ nữ hoàn thiện vẻ đẹp tâm hồn, sự đảm đảm, dịu dàng; tình yêu thương con người đậm tính nhân văn; sự thủy chung đầy trách nhiệm với Tổ quốc, gia đình, đồng nghiệp, xóm giềng...

Là “*nội tướng*” với đức hy sinh, khiêm nhường, lòng chung thủy, tinh thần trách nhiệm, người phụ nữ khẳng định ưu thế nổi trội trong vai trò quản lý, hoàn thiện đời sống gia đình, tổ chức văn hóa, nền tảng của xã hội. Phẩm chất đó là căn cốt để người phụ nữ đảm nhận tốt công tác xã hội; đảm nhận vai trò thực tế của người chủ gia đình, trụ cột gia đình - mặc dù về hình thức và trên danh nghĩa là vai trò của đàn ông. Với chế độ phụ quyền gia trưởng hình thành và ổn định lâu dài trong tiến trình lịch sử dân tộc, gia đình Việt Nam “*có một cấu trúc độc đáo với đặc điểm kỳ lạ của nó: đây là nơi giam hãm, trói buộc người phụ nữ, nhưng lại do phụ nữ thực tế làm chủ và là trụ cột*”³⁷. Người phụ nữ đã đảm nhiệm rất tốt trong vai trò quản lý, tổ chức kinh tế gia đình. Qua lăng kính của người nước ngoài, mô hình gia đình Việt Nam hiện ra qua công thức “*Đàn ông trị vì, đàn bà cai quản*”³⁸

Công cuộc CNH, HĐH và hội nhập quốc tế đã làm thay đổi diện mạo đất nước trên nhiều phương diện. Từ vai trò tổ chức gia đình, người phụ nữ góp phần lớn làm lành mạnh hóa “*tế bào xã hội*”, làm vững chắc nền tảng gia đình, giúp cuộc sống ổn định, gắn bó hài hòa các thiên chức để chăm sóc gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, nâng cao chất lượng cuộc sống, phấn đấu xây dựng “*gia đình no ấm, thuận hòa, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc*”.

1.2.3. Tạo nên sức mạnh cảm hóa con người

Vẻ đẹp của phụ nữ nói chung và người phụ nữ Việt Nam nói riêng không chỉ thể hiện qua dung mạo bên ngoài, mà tâm hồn mới thật sự là một tác phẩm nghệ thuật kiệt tác. “*Vĩ đại nhất là trái tim người mẹ*”. Trái tim, tâm hồn của người phụ nữ là những kỳ quan giá trị trong kho tàng văn hóa nhân loại “*Bên cạnh ánh sáng lung linh của các vì sao còn có ánh sáng êm dịu và huyền bí của tâm hồn người phụ nữ*”³⁹.

Thực tế xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hình ảnh Bà Trưng, Bà Triệu ở những thế kỷ đầu của thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc đã chứng minh cho sức sáng tạo, tài

³⁷ Lê Thị Nhâm Tuyết: *Phụ nữ Việt Nam qua các thời đại*, Nxb Khoa học xã hội

³⁸ M.Durand và P.Huard: *Nhận thức về vai trò người phụ nữ* -Hà Nội (1954).

³⁹Nhà văn Victor Hugo

năng và vai trò người phụ nữ. Sự thật không thể có một truyền thống văn hóa mang bản sắc Việt Nam mà trong cơ cấu của nó lại thiếu vắng vai trò phụ nữ. Người phụ nữ là người thầy đầu tiên truyền thụ văn hóa cho con, mở đường cho con tiếp nhận thêm văn hóa để chuyển biến dần từ con người sinh học trở thành con người xã hội. Người mẹ có sức mạnh cảm hóa, hướng cho con vươn tới những giá trị chân - thiện - mỹ. Phẩm chất nhân hậu của phụ nữ Việt Nam đã lay động tâm can của con người. Đó là sức mạnh được tạo nên bởi cái đẹp, cái thiện.

Trên đất nước ta đã có biết bao *Vọng phu*, hy sinh tuổi xuân để thờ chồng, nuôi con. Đến thăm bà mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Thứ - người mẹ có 9/10 con, 2 cháu hy sinh trong 2 cuộc kháng chiến chống xâm lược, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh cầm tay Mẹ khóc và nói: “*Mẹ đã tiếp thêm nghị lực cho chúng con vững bước!*”. Đến những trại thương binh nặng mới thấm thía hơn có biết bao phụ nữ giành cả cuộc đời làm “mất”, làm “tay”, làm “chân”... tự nguyện gắn bó cuộc đời để chăm sóc cho những thương binh đã hiến dâng một phần cơ thể của mình cho đất nước.

2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHẨM CHẤT NHÂN HẬU, VỊ THA CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM HÔM NAY

2.1. Tình thương yêu sâu sắc đối với con người

Tình yêu thương con người là cơ sở vững chắc cho đời sống xã hội. Tình thương cứu rỗi linh hồn con người. Tình yêu thương sẽ làm cho “*người gần người hơn*” (Nam Cao). Ngay từ khi ra đời, con người đã có thiên hướng tự khẳng định mình như một cá nhân, nhưng đồng thời cũng khẳng định mình là một con người xã hội với nhu cầu được sống và chia sẻ cùng người khác. Sự chia sẻ, yêu thương không phải do sang hay hèn, nhiều hay ít mà cốt ở tấm lòng. Con người cần nhận được sự yêu thương và chia sẻ như là nhu cầu được công nhận làm người. Nói như nhà thơ Việt Phương “*Anh tôn trọng, có sự chia sẻ yêu thương với tôi, nghĩa là tôi được công nhận là người*”. Nơi nào thiếu đi sự yêu thương, ở đó sẽ là nơi dung dưỡng cho cái ác; ở đâu thiếu đi những tấm lòng, những vòng tay thân ái, thì ở đó, con người dễ trở nên chai cứng, hành xử với nhau lạnh lùng theo “luật rừng” đầy tàn bạo, cộc cằn, thô lỗ...

Xã hội mới đòi hỏi một hệ thống giá trị mới, vừa phù hợp và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, vừa đáp ứng được những đòi hỏi của một xã hội đang chuyển đổi sang kinh tế thị trường định hướng XHCN. Trong bối cảnh đó, những giá trị truyền thống không những không thể bị làm mai một mà phải mang một bản sắc mới rất Việt Nam. Tình yêu thương biểu hiện ở con người nói chung và người phụ nữ nói riêng ở chính giàu lòng nhân ái, độ lượng, vị tha, thủy chung, biết chia sẻ vui buồn với mọi người, sẵn sàng giúp đỡ và cảm thông với những người có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn, với tinh thần tương thân tương ái “*lá lành đùm lá rách*”, “*Chị ngã em nâng*”; đồng cam, cộng khổ, chia sẻ “*Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ*”.

Chính từ những hoạt động có tính chất từ thiện, những hoạt động *Uống nước nhớ nguồn*, những hoạt động giúp đỡ, cứu trợ... đang làm ngời sáng một nét văn hóa có tính truyền thống, tỏa sáng mọi thời đại. Trong cuộc sống có biết bao tấm lòng cao cả với lương tâm, trách nhiệm cao, luôn hướng đến phương châm sống “*Mình vì mọi người*”. Sự curu mang, đùm bọc lẫn nhau xuất phát từ lòng nhân ái, từ sự đồng cảm, “thương

người như thể thương thân", tuyệt nhiên không phải sự gia ơn của kẻ mạnh trước những người gặp hoàn cảnh trắc trở, kém may mắn trên đường đời. Hơn ai hết, lòng trắc ẩn "vốn là bản tính gần như bẩm sinh" của phụ nữ Việt Nam đã giúp tạo nên những phẩm chất cao đẹp của lòng nhân hậu, vị tha, nhân ái.

Phụ nữ Việt Nam từ bao đời vốn nhân hậu, vị tha. Đó là những đức tính thiên phú. Do đặc điểm giới, tính nhân hậu, khoan hòa của phụ nữ nghiêng về phương diện tình cảm, thuộc về trái tim. Ngoại giới và nội tâm luôn chi phối họ. Họ không dễ dàng quan khi chứng kiến bất hạnh xảy ra với những người xung quanh. Với người phụ nữ, trái tim đã điều khiển hoàn toàn hành động và cảm xúc. Vì quan tâm đến chuyện tình cảm, họ dễ xúc động trước những cảnh đời bất hạnh qua một cuốn phim, một câu chuyện... Vốn đa cảm, hành động của người phụ nữ thường do con tim "chỉ đạo", mách bảo. Vì thế, ngày càng có nhiều những tấm gương phụ nữ nhân hậu, rộng lòng sẻ chia với mọi số phận, cảnh đời.

Vai trò lịch sử của người phụ nữ Việt Nam đối với gia đình đã được họ đảm nhiệm lấy một cách tự nhiên, bình dị. Điều chủ yếu ở đây cũng là sự thiệt thòi, chịu đựng của họ trong khi gánh vác và quản lý gia đình. Đó là một nghĩa vụ cao cả. Sự cao cả này có ý nghĩa lớn về đạo đức, nhưng chính cũng vì đạo đức mà cần phải tiếp sức và đền bù xứng đáng cho sự cao cả đó, không thể coi là một khổ hạnh tất yếu của người phụ nữ Việt Nam.

2.2. Quan tâm đến lợi ích xã hội và cộng đồng

Ngày nay, ngoài việc phải biết hy sinh cho gia đình, người phụ nữ còn phải tận tụy, trung thực và biết quan tâm đến nguồn lợi vật chất và tinh thần của đồng nghiệp, của cơ quan, đoàn thể và xa rộng hơn là với mọi phụ nữ trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì sự tiến bộ của giới. Đó cũng là đức tính giúp họ hòa nhập, gắn kết mọi người trong xã hội, một yếu tố thành công của mỗi người phụ nữ.

Trước kia, cũng như ngày nay, người phụ nữ là người luôn biết sống vì gia đình, hoàn thành tốt chức năng làm mẹ, làm vợ, làm con trong gia đình và đồng thời phải là người làm tốt công việc xã hội. Khái niệm người phụ nữ thành đạt hôm nay thể hiện trên nhiều khía cạnh : thành đạt trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái trở thành những công dân có ích cho xã hội, biết giữ gìn tình yêu, hạnh phúc gia đình ; thành đạt trong việc học tập, rèn luyện và phấn đấu trưởng thành trong công tác xã hội.

Lòng nhân hậu, khoan hòa giúp người phụ nữ không ác cảm, xa lánh với những người mắc lỗi lầm, mà luôn tạo cơ hội cho họ tái hòa nhập động đồng, trở về với cuộc sống đời thường với trái tim đồng cảm. Đó là sự chia sẻ, bao dung, nhân ái với những cảnh ngộ thiếu may mắn. Các cấp Hội phụ nữ đã có những mô hình Câu lạc bộ, Nhà mở, nhà tạm... cho nhiều đối tượng phụ nữ sinh hoạt, như: Phụ nữ có HIV, phụ nữ nghiện ma túy, phụ nữ vi phạm pháp luật tái hòa nhập cộng đồng. Định kiến xã hội đã được phá bỏ, khi chúng ta tổ chức một "*Cuộc thi Hoa hậu có H*" cho những phụ nữ bị nhiễm HIV diễn ra ở Hà Nội vừa qua (2010). Cuộc thi giúp những phụ nữ có H xóa đi mặc cảm và cũng là để cộng đồng giang cánh tay nhân ái đón những người kém may mắn trở về.

2.3. Đức hy sinh và lòng vị tha

Người phụ nữ cần nhất hai đức tính: *đức hi sinh và lòng vị tha*. Đó chính là biểu hiện của phẩm chất nhân hậu - phẩm chất cần có cho con người nói chung và phụ nữ nói riêng. Đức tính hy sinh, vị tha sống vì chồng, vì con của người vợ, người mẹ bao giờ cũng được quý trọng.

Với xóm giềng, cơ quan, bạn bè, đồng nghiệp, đức hy sinh thể hiện ở sự chia sẻ, nhường nhịn, cảm thông, không chỉ biết quan tâm, dành hết mọi quyền lợi cho mình mà bỏ qua người khác... Người biết hy sinh, phần lớn phải chịu thiệt thòi, nhưng bù lại tâm hồn họ luôn sáng trong, thanh thản và luôn được mọi người quý trọng, yêu thương.

Đức hy sinh thể hiện việc đặt quyền lợi của gia đình lên trên lợi ích cá nhân, biết nhường nhịn, chia sẻ. Suốt đời vì chồng, vì con, người phụ nữ dám hy sinh thời gian, lao động, tiền bạc, cơ hội thăng tiến, thậm chí cả nhan sắc... Họ gánh vai trò là chủ thể quan trọng trong cuộc sống gia đình, chiếm 52% lao động xã hội. 60% lao động nữ trong cơ quan, xí nghiệp phải lo việc nội trợ với vai trò chủ đạo; gần 90% nữ nông dân, 42% trí thức phải đảm nhiệm chức năng nội trợ gia đình. Đối với việc nuôi dạy, chăm sóc con cái, phụ nữ đóng vai trò quyết định (dao động từ 25% - 62% và 40% tùy theo họ là nữ công nhân, nữ nông dân hay trí thức)⁴⁰. Sự thuận hòa gia đình là do người phụ nữ góp phần quan trọng nhất tạo nên, đó là một gia đình yên ấm, bầu không khí ấm áp, thúc đẩy mọi hoạt động, sự sáng tạo của mọi thành viên gia đình. Với tình yêu, tình yêu vẫn xem như một thứ nằm ngoài quy luật và có khả năng cứu rỗi con người - người phụ nữ cũng vì đó mà hy sinh cho tình yêu.

Biết hy sinh như đã nói là rất đáng quý, song đáng quý hơn nếu người phụ nữ hiện đại biết xử lý nó một cách linh hoạt, hài hòa và nhất là phải tránh cực đoan trong quan niệm sống, mà “cầu thả” với chính bản thân. Vì người phụ nữ có đức hy sinh, quan tâm đến xã hội, cộng đồng, người thân nhưng lại phải biết sống cho mình, biết thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của mình, và chính việc bổ sung đó giúp người phụ nữ có sức khỏe, có trí thức, sống một cách độc lập lành mạnh để có cơ hội dành sự quan tâm cho người khác. Biết sống cho mình, biết cách giải quyết các nhu cầu của bản thân, người phụ nữ mới biết nghĩ đến người khác và chăm sóc cho người khác. Đây là một nguyên tắc về tâm lý mà trên thế giới không coi là mới lạ.

3. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG, PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT NHÂN HẬU, VỊ THA CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1. Luôn có ý thức trau dồi kiến thức, hoàn thiện vẻ đẹp tâm hồn, chú trọng xây dựng 5 đức tính con người Việt Nam hiện nay đã được xác định trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII)

Với vai trò, nhiệm vụ là nữ công dân, người phụ nữ Việt Nam cần thường xuyên nâng cao nhận thức về vai trò, vị thế của mình trong xã hội và gia đình.

Chú trọng nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam nói chung, chiếu theo những yêu cầu để vận dụng cho phù hợp với người phụ nữ hiện nay theo 5 đức tính sau:

⁴⁰ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - *Phụ nữ Việt Nam bước vào thế kỷ XXI* - Nhà Xuất bản CTQG-2002

Đức tính thứ nhất, "Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và CNXH, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội". Đây là tiêu chí bao trùm, xuyên suốt, nói lên phẩm chất chính trị của công dân đối với đất nước. Yêu nước ngày nay là phải gắn với mục tiêu, lý tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội; yêu nước là phải thể hiện ý chí quyết tâm thoát nghèo từ mỗi người dân, ở mỗi địa phương để vươn lên làm giàu cho mình và cho xã hội.

Đức tính thứ hai, "Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung". Đức tính này nói lên sức mạnh của mỗi người nếu biết gắn kết với cộng đồng thì nguồn lực ấy sẽ được nâng lên gấp bội, bởi vì đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết làm nên sức mạnh. Trong sự nghiệp xây dựng nước, đẩy mạnh CNH, HĐH, mỗi phụ nữ cần phải nâng cao ý thức trách nhiệm đối với cơ quan, đơn vị, nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó, chính trong đó có lợi ích của bản thân mình.

Đức tính thứ ba, "Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái". Đức hạnh con người thể hiện ở hành vi giao tiếp, đó là việc xử sự giữa người với người, giữa cá nhân với cộng đồng trong lời ăn, tiếng nói, cử chỉ, hành động, biểu hiện thái độ... Vì vậy, mỗi người tự tu dưỡng rèn luyện, tự điều chỉnh hành vi của mình, đồng thời biết lắng nghe ý kiến góp ý của người khác để sửa chữa và hoàn thiện mình, đó là nét đẹp của con người văn hóa.

Người PN không ngừng học tập, nâng cao trình độ lý luận, chuyên môn, khẳng định địa vị của mình, thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, VH, XH.

Đức tính thứ tư, "Lao động chăm chỉ vì lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo". Bản chất cao nhất của con người là LĐ. Vấn đề đặt ra là lao động như thế nào? vì mục đích gì? thì không phải ai cũng giống nhau. Do đó, việc giáo dục cho mọi người LĐ sáng tạo có ý thức, có tổ chức kỷ luật, hướng tới năng suất, chất lượng, hiệu quả là rất quan trọng. Điều đó đòi hỏi mỗi người phụ nữ phải gắn lương tâm, trách nhiệm của mình với công việc, với nhiệm vụ, với sản phẩm của mình làm ra. Đặc biệt là phải quan tâm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, vì sự phát triển và phồn vinh của nước nhà.

Có ý thức tham gia tích cực xây dựng nếp văn minh trong cuộc sống; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với gia đình, xã hội; đấu tranh xóa bỏ các hủ tục, tập quán lạc hậu, phòng, chống có hiệu quả tệ nạn mại dâm, buôn bán phụ nữ, trẻ em, bạo lực gia đình.

Đức tính thứ năm, "Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực". Đây là thước đo cơ bản của văn hóa, thông qua học tập mà tri thức của mỗi người được nâng lên và mở rộng, từ đó chuyển hóa vào trong cuộc sống, đời sống xã hội bằng những việc làm hữu ích vượt lên chính mình, chiến thắng bản thân mình, tạo được sự đồng tình, cảm phục của nhiều người.

Năm đức tính của con người VN nói chung, của phụ nữ nói riêng đã được Đảng ta xây dựng và xác định có thể coi đó là "*ương lĩnh đạo đức công dân*". Đó là nét văn hóa trong các đức tính tốt đẹp của con người Việt Nam trong thời kỳ phát triển mới.

3.2. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện nghị quyết của Đảng về phát triển phẩm chất, đạo đức cho phụ nữ Việt Nam

Đảng và Nhà nước đã xác định tầm quan trọng của việc tăng cường quyền lực cho phụ nữ là nền tảng của sự phát triển bền vững và vai trò chiến lược con người. Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng đã hướng tới nhiệm vụ đó, cụ thể là :

Phối hợp để nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình, trong đó, hạt nhân lãnh đạo là các cấp ủy đảng, trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu là cơ quan quản lý nhà nước các cấp, vai trò chủ thể là phụ nữ mà nòng cốt là các cấp Hội LHPN Việt Nam trong công tác giáo dục phẩm chất, đạo đức, lối sống của phụ nữ bằng nhiều hình thức sinh động, thiết thực... Đưa nội dung giáo dục văn hóa, đạo đức, kỹ năng sống vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong các trường chính trị và các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện bình đẳng giới. Tạo điều kiện để PN thực hiện tốt vai trò của người công dân, người lao động, người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Bồi dưỡng, đào tạo để PN tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý ở các cấp. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, thai sản, chế độ đối với lao động nữ. Kiên quyết đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và các hành vi bạo lực, xâm hại và xúc phạm nhân phẩm PN...⁴¹

3.3. Chú trọng xây dựng đời sống văn hoá trong xã hội

Trong các tổ chức Đảng và Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, đặc biệt là Trung ương Hội Phụ nữ và trong từng cá nhân, gia đình, tổ chức cơ sở, trong quan hệ cộng đồng... cần đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa. Chú ý trong các hoạt động phải hướng tới mục tiêu: Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu... Đây là giải pháp thường xuyên, vừa cấp bách, vừa cơ bản, lâu dài.

- Hội LHPN các cấp cần có kế hoạch, lộ trình giáo dục, tập huấn về gia đình Việt Nam trước tác động của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế; cần coi trọng công tác tư vấn, hòa giải về hôn nhân và gia đình. Thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng tình làng nghĩa xóm, quan tâm, giúp đỡ các gia đình khó khăn, hoạn nạn, người cao tuổi cô đơn, người tàn tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa...

3.4. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật nhằm phát triển gia đình Việt Nam trong thời đại mới

Nhà nước cần có những chính sách, pháp luật tiến bộ, phù hợp để phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH theo tiêu chí "no ấm, tiến bộ, hạnh phúc" và khẳng định vị thế của người phụ nữ đối với gia đình.

Cần chú trọng các lĩnh vực: dân số, kế hoạch hóa gia đình; chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và HIV/AIDS; bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; phát triển các

⁴¹ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng

dịch vụ hỗ trợ gia đình; cải thiện môi trường sống. Có chính sách thai sản đối với phụ nữ nghèo không có chế độ bảo hiểm xã hội; chính sách phát triển hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo; nâng cao kiến thức, kỹ năng nuôi dạy con cho các bà mẹ.

Ngoài Luật Hôn nhân gia đình liên quan đến yếu tố nước ngoài, các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội liên quan cần tuyên truyền, vận động, ngăn ngừa tình trạng lấy chồng nước ngoài bất hợp pháp, vụ lợi... để lại nhiều hậu quả đau lòng và hình ảnh xấu về người phụ nữ Việt Nam.

Tăng cường giáo dục pháp luật liên quan đến PN cho toàn xã hội, đặc biệt cho PN về Luật HN&GD, Luật Bình đẳng giới, Luật phòng chống bạo lực gia đình...

Vai trò của người phụ nữ trong phát triển xã hội cần được khẳng định đúng như ý kiến của Tagor : "Giáo dục một người đàn ông được một người đàn ông. Giáo dục một người đàn bà được cả gia đình"⁴². Luật Hôn nhân và Gia đình đã ghi "Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. *Gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt*".⁴³

3.5. Nâng cao hiệu quả của thông tin đại chúng trong việc phát huy các phẩm chất, đạo đức của người phụ nữ Việt Nam

Các phương tiện thông tin đại chúng cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc giáo dục phẩm chất, đạo đức cho phụ nữ; lên án, đấu tranh chống tư tưởng coi thường phụ nữ, các hành vi phân biệt đối xử, xâm hại, xúc phạm nhân phẩm của phụ nữ.

Các phương tiện thông tin đại chúng phải góp phần tích cực vào việc tạo chuyển biến trong toàn xã hội về việc giữ gìn, phát huy những phẩm chất, đạo đức quý báu của phụ nữ Việt Nam, trong đó có phẩm chất nhân hậu, vị tha.

Ngày nay, vai trò của người phụ nữ Việt Nam lại được tỏa sáng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phụ nữ Việt Nam có những chuẩn mực chung, đã được Nghị quyết Đại hội Phụ nữ toàn Quốc lần thứ IX đề ra, đó cũng là tiêu chí phấn đấu để mỗi người phụ nữ trở thành "*Người phụ nữ Việt Nam có sức khỏe, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hóa, có lòng nhân hậu, quan tâm đến lợi ích xã hội và cộng đồng*".

VIII. Ý THỨC RÈN LUYỆN SỨC KHỎE

1. QUAN NIỆM VỀ SỨC KHỎE, VAI TRÒ CỦA SỨC KHỎE TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1.1. Quan niệm về sức khỏe

Theo quan niệm thông thường, sức khỏe là tình trạng không có bệnh tật hoặc không có thương tật. Đây là quan niệm cổ điển về sức khỏe mang tính chất cơ học (biomechanical) hoặc y sinh học (biomedical). Ở Việt Nam hiện nay, quan niệm này

⁴² Dẫn theo Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: *Phụ nữ Việt Nam bước vào thế kỷ XXI*, Nhà Xuất bản CTQG, H.,2002, tr.380.

⁴³ Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam - *Phụ nữ Việt Nam bước vào thế kỷ XXI*-Nhà Xuất bản CTQG-2002

vấn phổ biến trong dân chúng, giới lãnh đạo, thậm chí cả với những người có chuyên môn về y học.

Tuy nhiên, quan niệm trên là quan niệm chưa đầy đủ về “sức khỏe”. Ngay từ năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan niệm: “khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ, như vậy là sức khỏe”⁴⁴. Có thể thấy, quan niệm này của Người về sức khỏe rất giản dị, dễ hiểu nhưng chứa đựng nội dung rộng lớn. Sức khỏe không chỉ là sự lành mạnh về thể chất mà còn là sự lành mạnh về tinh thần.

Những năm gần đây, Tổ chức Y tế Thế giới đã đưa ra quan niệm toàn diện về sức khỏe. Theo Tổ chức này: Sức khỏe là một trạng thái thoải mái về thể chất, tinh thần và xã hội chứ không chỉ là không có bệnh hay thương tật.

Quan niệm này được khẳng định trong cuốn *Từ điển bách khoa Việt Nam*: “Sức khỏe: trạng thái thoải mái về thể chất, tâm thần xã hội mà không chỉ có nghĩa là không có bệnh hay thương tật; cho phép mỗi người thích ứng nhanh chóng với các biến đổi của môi trường, giữ được lâu dài khả năng lao động và lao động có hiệu quả (theo Tổ chức Y tế Thế giới). Bao gồm: sức khỏe cá thể, sức khỏe gia đình, sức khỏe cộng đồng, sức khỏe xã hội. Sức khỏe là một trong các yếu tố cơ bản để xây dựng, đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, xây dựng đất nước. Sức khỏe phụ thuộc vào nhiều yếu tố: cá nhân, môi trường, cộng đồng xã hội, tình hình quốc tế, vấn đề tổng hợp chung của toàn bộ xã hội.”⁴⁵

Như vậy, chúng ta có thể hiểu sức khỏe gồm ba yếu tố cơ bản: sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần và sức khỏe xã hội.

- Sức khỏe thể chất: được thể hiện một cách tổng quát là sự sáng khoái và thoải mái về thể chất. Cơ sở của sự sáng khoái, thoải mái về thể chất là sức lực, sự nhanh nhẹn, sự dẻo dai... Sức khỏe thể chất được biểu hiện ra ngoài thông qua khả năng chống đỡ được các yếu tố gây bệnh, khả năng chịu đựng được những điều kiện khắc nghiệt của môi trường

- Sức khỏe tinh thần: là hiện thân của sự thỏa mãn về mặt giao tiếp xã hội, tình cảm và tinh thần. Nó được biểu hiện ở sự sáng khoái, cảm giác dễ chịu, cảm xúc vui tươi, thanh thản, những ý nghĩ lạc quan, yêu đời. Ngoài ra, sức khỏe tinh thần cũng được biểu hiện ở những quan niệm sống tích cực, chủ động, dũng cảm, ở khả năng chống lại, loại bỏ những quan niệm bi quan và lối sống không lành mạnh. Sức khỏe tinh thần chính là sự biểu hiện nếp sống lành mạnh, văn minh và có đạo đức. Cơ sở của sức khỏe tinh thần là sự thăng bằng và hài hòa trong hoạt động tinh thần, giữa lý trí và tình cảm.

Một điều chúng ta cần phải chú ý là tình trạng thoải mái, không có rối loạn về tinh thần chưa phải là tiêu chí duy nhất để đánh giá về sức khỏe tinh thần. Để nhận biết về sức khỏe tinh thần, chúng ta phải dựa trên nhiều yếu tố như: sự thể hiện thành công đến mức độ nào, có khả năng tự tin, có thể đối mặt với những mức độ tình trạng căng thẳng như bình thường, luôn giữ được các mối quan hệ một cách thoải mái, có cuộc sống độc

⁴⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, H.2000, tr. 212.

⁴⁵ Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn *Từ điển bách khoa Việt Nam*: *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ điển bách khoa, H.2003, T3, tr.835.

lập, dễ hồi phục sau những tình huống khó khăn... Tất cả những yếu tố đó là những dấu hiệu của một sức khỏe tinh thần tốt.

- Sức khỏe xã hội: biểu hiện ở sự sáng khoái, thoải mái trong các mối quan hệ phức tạp giữa thành viên gia đình, nhà trường, bạn bè, xóm làng, cơ quan, nơi công cộng. Con người hòa nhập với mọi người, được mọi người đồng cảm, yêu mến chính là thể hiện một tình trạng sức khỏe xã hội tốt và ngược lại. Cơ sở của sức khỏe xã hội là sự thăng bằng giữa hoạt động và quyền lợi cá nhân với hoạt động và quyền lợi của xã hội, của những người khác; là sự hòa nhập giữa cá nhân, gia đình và xã hội.

Ba yếu tố sức khỏe trên có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau tạo nên một sức khỏe toàn diện của con người. Nó chính là sự cân bằng, hài hòa của tất cả những khả năng sinh học, tâm lý và xã hội của con người. Thiếu một trong ba yếu tố trên, con người không thể có một sức khỏe tốt.

1.2. Vai trò của sức khỏe đối với cá nhân và xã hội

Trong đời sống xã hội, sức khỏe luôn giữ vai trò quan trọng. Nó là cơ sở không thể thiếu để góp phần tạo nên nền tảng hạnh phúc cho con người, sự phát triển của mỗi người, mỗi gia đình và toàn xã hội. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đều khẳng định: sức khỏe là tài sản quý giá của mỗi người và của xã hội.

Trong bài viết *Sức khỏe và thể dục*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công. Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe tức là cả nước mạnh khỏe”⁴⁶. Như vậy, bất kỳ hoạt động nào của con người (hoạt động thể chất và hoạt động tinh thần) đều cần một nền tảng sức khỏe tốt. Khi có sức khỏe, con người có thể thực hiện được mọi điều mình mong muốn. Nhưng khi không có sức khỏe, con người rất khó thực hiện được công việc của mình.

Mặt khác, sức khỏe chính là nền tảng quan trọng để tạo nên sự phát triển của xã hội. Khi có sức khỏe, con người có thể thực hiện những hoạt động cá nhân và hoạt động xã hội có hiệu quả. Đó chính là cơ sở hàng đầu giúp cho sự mỗi người tự khẳng định mình trong xã hội. Vì vậy, họ có thể đóng góp sức lực, trí tuệ của mình cho sự phát triển của đất nước.

Hơn nữa, có sức khỏe tốt là cơ sở để nâng cao chất lượng dân số. Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu để phát triển con người Việt Nam cả về thể chất, trí tuệ và sự hòa hợp xã hội - cơ sở tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của cá nhân và xã hội. Đặc biệt đối với phụ nữ - người có thiên chức sinh nở các thế hệ con người - càng cần có sức khỏe tốt để đóng góp vào việc duy trì và phát triển nòi giống về mọi mặt

Sức khỏe đối với phụ nữ trong xã hội hiện đại càng có vai trò quan trọng. Ngày nay, phụ nữ ngoài việc chăm sóc gia đình còn tích cực tham gia vào công việc xã hội. Do đó, để làm tròn trách nhiệm của người vợ, người mẹ trong gia đình, người lao động, làm việc ngoài xã hội, người phụ nữ cần phải có sức khỏe tốt. Trước hết là thể chất tốt để đảm nhiệm công việc, cần một tinh thần luôn sáng khoái để giữ được bầu không khí

⁴⁶ Hồ Chí Minh: *Sđd*, T4, tr. 212.

đầm ấm, tươi vui, thân thiện trong gia đình, nơi làm việc. Sức khỏe tốt còn giúp cho người phụ nữ luôn tự tin, trẻ trung, xinh đẹp, góp phần giữ gìn hạnh phúc của cá nhân, gia đình và xã hội.

Tổ chức Y tế thế giới đã khẳng định: có một sức khỏe tốt là một trong những quyền cơ bản của con người không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, chính kiến chính trị hay điều kiện kinh tế - xã hội.

Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về *Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới* khẳng định: “Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân, mỗi gia đình và cộng đồng, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt về chuyên môn và kỹ thuật. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dịch vụ chăm sóc và nâng cao sức khỏe.” Các chính sách của Nhà nước cũng hướng tới hiện thực hóa quan điểm: Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là hoạt động nhân đạo, trực tiếp bảo đảm nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Đầu tư cho lĩnh vực này là đầu tư phát triển, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ.

2. NỘI DUNG BẢO VỆ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Người xưa đã nói: Người không hiểu biết gây bệnh, người kém hiểu biết chờ bệnh, người hiểu biết phòng bệnh. Như vậy, trong việc giữ gìn và chăm sóc sức khỏe cần phải tích cực, chủ động, khát mới uống, đói mới ăn, mệt mới nghỉ, ốm mới chữa bệnh... đều là quá muộn. Mặt khác, chúng ta cũng biết sức khỏe là tài sản vô giá của chính mình. Do đó, việc chăm sóc, bảo vệ sức khỏe phải do chính mình thực hiện và phải được tiến hành thường xuyên.

Dựa vào quan niệm toàn diện về sức khỏe, để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tốt, chúng ta cần chú ý đến nhiều yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ, bổ sung cho nhau, không nên bỏ qua bất kỳ yếu tố nào. Ở đây, chúng ta cùng nghiên cứu ba yếu tố cơ bản là: hoạt động thể chất, dinh dưỡng và môi trường.

2.1. Hoạt động thể chất

Hoạt động thể chất bao gồm luyện tập thể dục thể thao và các lao động về thể chất khác.

Hoạt động thể chất là việc thực hiện các động tác nhằm phát triển và duy trì sức khỏe thể chất, từ đó góp phần nâng cao sức khỏe toàn diện. Hoạt động thể chất thường xuyên là yếu tố rất quan trọng giúp nâng cao sức khỏe, ngăn ngừa các loại bệnh tật, đặc biệt là các loại bệnh hiểm nghèo như: ung thư, bệnh tim, tiểu đường, các bệnh về xương, khớp, béo phì... Hoạt động thể chất có thể chia thành hai nhóm theo tác động nói chung lên cơ thể con người:

- Tập luyện về cơ bắp: nhằm giúp cho chức năng vận động của cơ và các khớp, tăng sức chịu đựng, sức đề kháng của cơ thể. Tập luyện về cơ bắp có các môn thể thao như bơi, chạy, thể dục dụng cụ, đạp xe, đi bộ....

- Tập luyện về khí huyết: nhằm chăm sóc chức năng vận động về khí huyết, thu giãn và tập trung tinh thần. Tập luyện về khí huyết có các bài tập về yoga, thiền, luyện khí công...

Hoạt động thể chất rất quan trọng trong việc giữ gìn sức khỏe về thể chất gồm có những nội dung hướng đến trọng lượng, thể hình và xương, khớp, cơ. Hoạt động thể chất thường xuyên, hợp lý giúp tăng cường hoạt động của hệ miễn dịch, giúp các cơ quan trong cơ thể hoạt động tốt, làm vững chắc hệ thần kinh, sáng khoái về tinh thần, làm hoạt hóa các hoạt động về khí huyết.

Hoạt động thể chất là cơ sở quan trọng cho việc đảm bảo cho sức khỏe của con người. Tuy nhiên, hoạt động thể chất cũng phải được tiến hành phù hợp với lứa tuổi, giới tính, thể trạng của mỗi người. Không nên lười vận động, càng không được vận động quá sức. Cả hai chiều hướng trên đều không có lợi cho sức khỏe. Cách vận động lý tưởng nhất là phải đều đặn, không vận động quá mạnh, không quá sức, cũng không miễn cưỡng.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc hoạt động thể chất đối với việc bảo vệ và nâng cao sức khỏe, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khuyến khích toàn dân tập thể dục. Ngay từ đầu năm 1946, Người đã nhắc nhở toàn dân: “luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi một người yêu nước. Việc đó không tốn kém, khó khăn gì. Gái trai, già trẻ ai cũng nên làm và ai cũng làm được (...).

Dân cường thì quốc thịnh. Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. Tự tôi, ngày nào tôi cũng tập.”⁴⁷ Ngày nay, người dân đã nâng cao ý thức về luyện tập thể dục thể thao. Phong trào thể dục thể thao quần chúng được chú trọng phát triển trong toàn quốc. Đây là phong trào không chỉ giúp giữ gìn và nâng cao sức khỏe cho người dân mà còn là cơ sở phát triển thể thao chuyên nghiệp của đất nước.

Ngoài ra, hoạt động thể chất còn là sinh hoạt điều độ. Hàng ngày, chúng ta luyện tập, làm việc, học tập, ăn, nghỉ... phải mang tính khoa học, điều độ. Luyện tập quá sức, làm việc quá nhiều, học tập quá vất vả, ăn quá no, ngủ quá muộn, thức giấc quá muộn... đều không tốt cho thể chất con người, từ đó dẫn đến sức khỏe bị suy yếu. Không có gì hại cho sức khỏe hơn là chơi bài đêm, ăn uống, sinh hoạt... vô độ khiến người mệt mỏi, thần kinh luôn căng thẳng, trạng thái đó là yếu tố thúc đẩy sự suy yếu sức khỏe.

2.2. Chế độ dinh dưỡng

Chế độ dinh dưỡng cũng quan trọng tương đương với việc hoạt động thể chất. Trong cuộc sống, chế độ dinh dưỡng có vai trò đặc biệt quan trọng nhằm đảm bảo cho cơ thể có một tỉ lệ dưỡng chất đúng cả về yếu tố thông thường lẫn yếu tố vi lượng, giúp cơ thể mạnh khỏe, hồi phục nhanh sau thời gian học tập, lao động.

- Chế độ dinh dưỡng cân đối: Dinh dưỡng là sự cung cấp các dưỡng chất cho cơ thể thông qua các loại thực phẩm. Theo dinh dưỡng học, để có đầy đủ chất dinh dưỡng thì cơ thể phải được cung cấp đầy đủ các vitamin cần thiết. Nếu không đủ các vitamin cần thiết thì cơ thể sẽ bị suy yếu, gọi là suy dinh dưỡng. Bên cạnh đó, chúng ta cần ăn vừa

⁴⁷ Hồ Chí Minh: Sđd, T4, tr.212.

đủ cả chất đạm (chú ý bổ sung chất đạm động vật và thực vật), chất béo, đường, muối... theo tỷ lệ hợp lý, cân đối, khoa học. Ngoài ra, một số vi lượng như kẽm, iốt.. cũng rất cần thiết cho sức khỏe con người. Ngoài ra, chúng ta cần chú ý ăn nhiều rau, quả. Việc ăn nhiều rau xanh, hoa quả tươi và cung cấp đủ lượng nước sẽ rất tốt cho cơ thể. Rau xanh, hoa quả tươi chứa nhiều vitamin. Ăn nhiều rau xanh, hoa quả có lợi cho cơ thể vì nó giúp cơ thể ổn định huyết áp, hấp thu dưỡng chất chất và giúp thải chất độc ra khỏi cơ thể tốt hơn.

Để có dinh dưỡng tốt cho cơ thể, chúng ta cần có chế độ ăn uống cân đối. Nguyên tắc cơ bản trong chế độ ăn uống là: không ăn quá nhiều, dinh dưỡng sẽ thừa, cũng không ăn ít quá, không đủ lượng dinh dưỡng cần thiết, cả hai đều gây ảnh hưởng xấu cho sức khỏe con người. Ngoài ra, trong khẩu phần ăn hàng ngày, chúng ta cũng cần lưu ý cung cấp đều đặn, đầy đủ các thành phần dưỡng chất theo dinh dưỡng học.

Ngoài ra không nên lạm dụng các chất kích thích như rượu, cà phê, nước trà đặc, thuốc lá, đồ uống có ga...

Mặt khác, tùy theo từng độ tuổi, giới tính, tính chất công việc, bệnh lý, thể trạng... mà có chế độ dinh dưỡng khác nhau cho phù hợp. Một chế độ dinh dưỡng hợp lý sẽ là cơ sở quan trọng cho một sức khỏe tốt.

- “Ăn sạch, uống sạch”: Ngoài việc đảm bảo đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể, chúng ta cần đặc biệt chú ý đến “ăn sạch, uống sạch”. Nếu chúng ta bảo quản thực phẩm không tốt sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe. Mặt khác, ăn phải các nguyên tố không có lợi cho sức khỏe (như chì, thủy ngân, PCB, dioxin, chất bảo quản, hóa chất công nghiệp...) có thể gây ngộ độc và các hậu quả tiềm tàng cho sức khỏe, thậm chí dẫn tới tử vong (tùy thuộc liều lượng của chất gây hại).

Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần căn dặn nhân dân: “Để giữ gìn sức khỏe thì phải ăn sạch, uống sạch, mặc sạch. Sức khỏe thì lao động sản xuất mới tốt”⁴⁸. “Ăn sạch, uống sạch” là một việc rất quan trọng. Ngoài việc cung cấp đủ chất dinh dưỡng cho cơ thể thông qua các loại thực phẩm phong phú, đa dạng, để có cơ thể thực sự khỏe mạnh thì việc có nguồn thực phẩm “sạch”, đảm bảo chất lượng cũng không kém phần quan trọng.

Ngoài ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhắc nhở: “Ăn uống đúng giờ và thoải mái, có sức khỏe dồi dào để nâng cao năng suất lao động”⁴⁹.

Như vậy, ngoài việc đảm bảo đủ chất dinh dưỡng, việc tiếp nhận chất dinh dưỡng vào cơ thể như thế nào cũng hết sức quan trọng. Ngày nay, khoa học đã chứng minh rất rõ điều đó. Muốn cơ thể tiếp thu tốt nhất chất dinh dưỡng, chúng ta cần phải ăn đúng cách: ăn đúng giờ, nhai kỹ, tạo bầu không khí thoải mái trong bữa ăn.

2.3. Môi trường sống

Để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe tốt, chúng ta không thể không chú ý đến môi trường sống. Môi trường sống bao gồm môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

⁴⁸ Hồ Chí Minh: Sđd, T10, tr.327.

⁴⁹ Hồ Chí Minh: Sđd, T10, tr.369.

- Đối với môi trường tự nhiên: Chúng ta cần một môi trường tự nhiên trong lành, không bị ô nhiễm cũng như không có nguồn gây bệnh (các vi trùng, vi khuẩn, vật ký sinh...) có hại cho sức khỏe con người. Trong xã hội hiện đại, tình trạng ô nhiễm môi trường đang là một trong những vấn đề toàn cầu cấp bách cần phải giải quyết. Ở Việt Nam, tình trạng ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất, ô nhiễm không khí đang trong tình trạng đáng báo động. Ngoài ra, Việt Nam là nước thường xuyên bị thiên tai (hạn hán, lũ lụt, bão, thủy triều...), đây là cơ sở cho các mầm bệnh tồn tại và dễ lây lan trong môi trường. Trong môi trường như vậy, sức khỏe con người không thể được bảo đảm. Nhiều căn bệnh nguy hiểm, bệnh dịch xuất hiện với mật độ dày hơn, độ nguy hiểm gia tăng. Do đó, để bảo vệ và giữ gìn sức khỏe, việc giữ gìn môi trường sống trong lành là một điều quan trọng cần quan tâm.

- Đối với môi trường xã hội: Sẽ thực sự không có sức khỏe nếu người dân phải sống trong tình trạng căng thẳng, lo sợ triền miên về nhiều mặt như không xã hội thiếu an ninh, thiếu sự lành mạnh, khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, vật giá leo thang, áp lực công việc, v.v.. Một môi trường xã hội lành mạnh là điều hết sức cần thiết cho một sức khỏe tốt. Môi trường xã hội tốt là môi trường mà mọi người đều thấy thoải mái. Vì vậy, trong môi trường xã hội đó, mọi người đều được trang bị những kiến thức về bảo vệ và giữ gìn sức khỏe.

Mỗi người cần phải biết cách bảo vệ, giữ gìn sức khỏe theo độ tuổi, nghề nghiệp, thể trạng...

Trong mỗi giai đoạn của đời người đều cần có cách chăm sóc sức khỏe riêng. Tuổi ấu thơ, niên thiếu cần được đảm bảo đủ dưỡng chất để cơ thể phát triển tốt; chú ý tiêm phòng đầy đủ; tránh những áp lực trong học tập hay từ những kỳ vọng của người lớn. Tuổi thanh niên, trung niên cần chú ý đến sức khỏe toàn diện, đặc biệt là sức khỏe sinh sản. Đây là độ tuổi sung sức của đời người nên dễ có thái độ chủ quan, không chú ý giữ gìn sức khỏe hoặc do áp lực của công việc, các mối quan hệ xã hội nên dễ bị suy yếu sức khỏe. Tuổi già cần chú ý đến nhiều căn bệnh do sự lão hóa của cơ thể.

Mỗi nghề nghiệp cũng đem đến những đặc thù riêng ảnh hưởng đến sức khỏe - đó là “bệnh nghề nghiệp”. Do đó, để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, chúng ta cần chú ý tạo bầu không khí thoải mái, thân thiện nơi công sở. Bên cạnh đó là tìm các biện pháp hạn chế những đặc điểm của từng loại hình công việc nhằm tránh những yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe.

3. GIẢI PHÁP GIỮ GÌN VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ

3.1. Nâng cao vai trò của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong việc giữ gìn và chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ

Hội LHPN Việt Nam là một tổ chức thống nhất trong cả nước hoạt động vì sự bình đẳng, tiến bộ của phụ nữ, vì hạnh phúc của phụ nữ, trẻ em, gia đình và xã hội. Do đó, Hội cần phát huy hơn nữa vai trò của mình trong việc tuyên truyền, giáo dục cho phụ nữ Việt Nam luôn có ý thức giữ gìn và chăm sóc sức khỏe.

- Hội cần giúp phụ nữ Việt Nam hiểu rõ vai trò quan trọng của sức khỏe toàn dân nói chung và sức khỏe của phụ nữ nói riêng trong việc xây dựng và phát triển đất nước.

Phụ nữ Việt Nam cần luôn có ý thức tự giác về việc giữ gìn và chăm sóc sức khỏe cho bản thân và gia đình. ý thức tự giác này cần gắn liền với trách nhiệm của bản thân người phụ nữ với việc chăm sóc sức khỏe cho cá nhân và gia đình, xã hội. Từ đó, người phụ nữ sẽ có hành động thiết thực cho việc giữ gìn sức khỏe toàn diện.

- Phụ nữ cần chú ý đến đặc tính của mình trong việc giữ gìn và chăm sóc sức khỏe. Ngoài việc giữ gìn sức khỏe thường ngày, phụ nữ cần chú ý đến những giai đoạn đặc biệt trong cuộc đời mình như: giai đoạn thai nghén, lúc sinh con và sau khi sinh... Bên cạnh đó, người phụ nữ cần có kiến thức toàn diện về giữ gìn và chăm sóc sức khỏe. Bởi người phụ nữ không chỉ chăm sóc sức khỏe cho mình mà còn là người chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, người già, người đau yếu... Mặt khác, họ cũng cần có những kiến thức về sức khỏe sinh sản, những căn bệnh lây nhiễm qua đường tình dục để có biện pháp phòng, tránh cho mình, người thân và cho xã hội.

3.2. Đảng, Nhà nước đẩy mạnh phát triển và hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Phát triển và hoàn thiện hệ thống y tế dự phòng. Mở rộng và triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế và nâng cao sức khỏe. Phát triển các phong trào vệ sinh, phòng bệnh và thể dục thể thao. Triển khai mạnh mẽ các biện pháp kiểm soát vệ sinh, an toàn thực phẩm. Kịp thời dự báo và có biện pháp ngăn ngừa để hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đối với sức khỏe do thay đổi lối sống, môi trường và điều kiện lao động trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, đặc biệt là HIV/AIDS và các dịch bệnh mới phát sinh. Đẩy mạnh phòng chống các bệnh nghề nghiệp. Củng cố và phát triển y tế học đường. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi và các hoạt động phục hồi chức năng.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ. Xây dựng và nâng cấp các bệnh viện, nhất là bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh và huyện để có đủ khả năng giải quyết một cách cơ bản nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân ngay tại địa phương. Từng bước phát triển mạng lưới các khoa và bệnh viện điều dưỡng, phục hồi chức năng. Quy hoạch mạng lưới khám chữa bệnh theo địa bàn dân cư. Tiếp tục đầu tư và khai thác có hiệu quả các trung tâm y tế chuyên sâu hiện có, xây dựng thêm một số trung tâm y tế chuyên sâu mới.

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, kế thừa, bảo tồn và phát triển y, dược học cổ truyền thành một chuyên ngành khoa học. Phát triển bộ môn y học cổ truyền tại các trường đại học, cao đẳng và trung học y tế. Nâng cấp các bệnh viện y học cổ truyền và các khoa đông y tại các bệnh viện. Vận động, khuyến khích và hướng dẫn nhân dân nuôi, trồng và sử dụng các cây, con làm thuốc.

- Kết hợp quân y và dân y trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và các lực lượng vũ trang, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo...; chủ động phòng, chống, giảm nhẹ và khắc phục hậu quả các tình huống khẩn cấp như dịch bệnh, thảm họa, thiên tai... Đưa chương trình kết hợp quân, dân y thành một nội dung của chương trình mục tiêu y tế quốc gia.

- Phát triển ngành dược thành một ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn. Phát triển mạnh công nghiệp dược, nâng cao năng lực sản xuất thuốc trong nước, ưu tiên các dạng bào chế công nghệ cao. Quy hoạch và phát triển các vùng dược liệu, các cơ sở sản xuất nguyên liệu hóa dược. Củng cố mạng lưới lưu thông, phân phối và cung ứng thuốc để ổn định thị trường thuốc phòng và chữa bệnh cho nhân dân. Đẩy mạnh nghiên cứu và sản xuất vắc-xin, sinh phẩm y tế. Phát triển công nghiệp trang thiết bị y tế theo hướng hiện đại.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tiếp cận và ứng dụng những thành tựu về khoa học và công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ sinh học và công nghệ thông tin; từng bước đưa nền y học nước ta đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới.

- Mở rộng hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ và đầu tư nguồn lực của các nước, các tổ chức quốc tế; tiếp thu các thành tựu về khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lý về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

3.3. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị-xã hội-ngành nghiệp đẩy mạnh xã hội hoá chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Đổi mới và tăng cường hiệu quả phối hợp liên ngành trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, trong đó có phụ nữ, trẻ em.

- Phối hợp với ngành y tế và các ngành liên quan giúp đỡ phụ nữ hiểu rõ vai trò quan trọng của sức khỏe, phương pháp rèn luyện, chăm sóc, giữ gìn, nâng cao sức khỏe.

- Đa dạng hóa các loại hình chăm sóc sức khỏe, tìm kiếm và khai thác các nguồn đầu tư khác nhau cho y tế như bảo hiểm y tế tự nguyện, viện trợ nước ngoài, v.v... Xây dựng các điển hình tiên tiến về vệ sinh môi trường, an toàn cộng đồng.

3.4. Nâng cao ý thức tự giác của mỗi phụ nữ trong việc chăm lo sức khỏe của cá nhân và cộng đồng

- Tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Tiếp tục củng cố và phát triển các trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe các tỉnh, thành phố. Phát triển mạng lưới tuyên truyền viên đến xã. Sử dụng các biện pháp và hình thức truyền thông phù hợp để mọi tầng lớp nhân dân và các tổ chức quần chúng tự nguyện tham gia và đóng góp vào việc bảo vệ sức khỏe cho chính bản thân mình và cộng đồng.

- Trang bị kiến thức và kỹ năng để mỗi người, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng có thể chủ động phòng bệnh, xây dựng nếp sống vệ sinh, rèn luyện thân thể, hạn chế những lối sống và thói quen có hại đối với sức khỏe, tham gia tích cực các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.